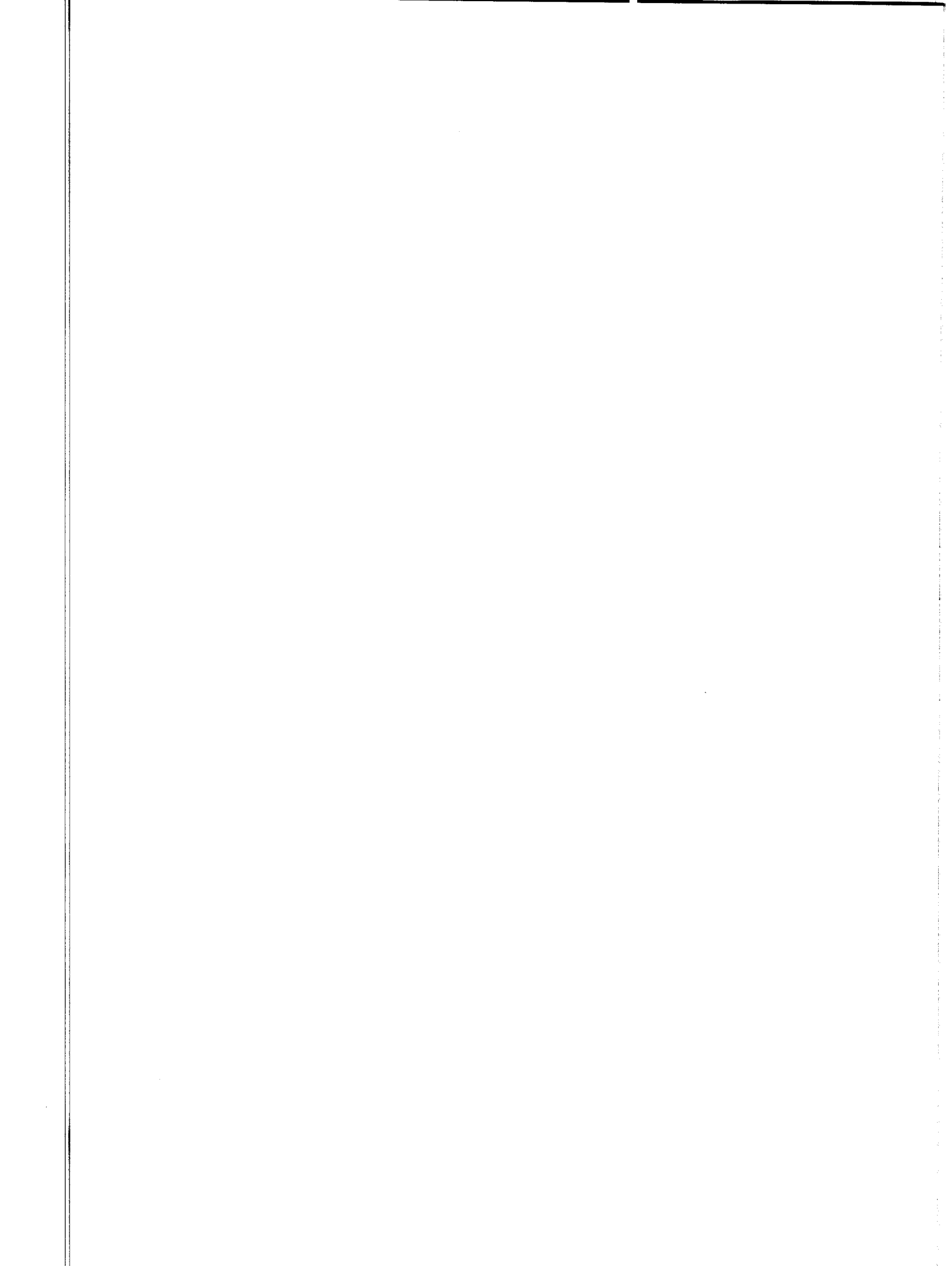


MIẾU THỜ
VÀ LỄ HỘI LÀM CHAY
Ở BIÊN HÒA



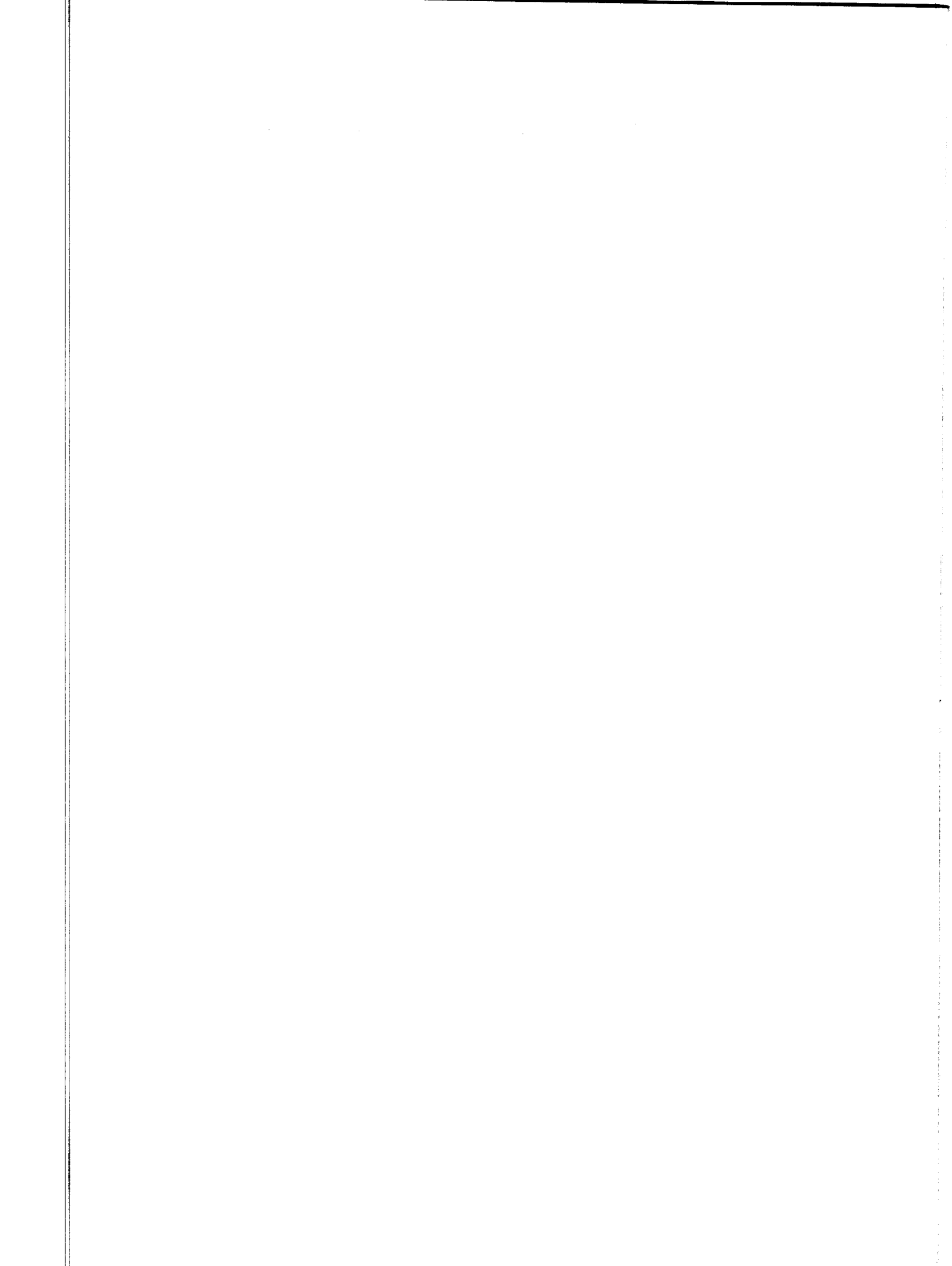
NGUYỄN THỊ NGUYỆT

**MIẾU THỜ
VÀ
LỄ HỘI LÀM CHAY
Ở BIÊN HÒA**

THƯ VIỆN
TỈNH ĐỒNG NAI

NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI

2016/ĐC/VV.101120



LỜI TỰA

Mười lăm năm trước, khi được tham gia khảo sát và biên soạn công trình sơ khảo Cơ sở tín ngưỡng và lễ hội dân gian của người Hoa ở Đồng Nai, tôi và các đồng nghiệp bắt đầu cuộc vật lộn với “chiến dịch” đi khảo sát các đình, đền, miếu, nghĩa từ của người Hoa ở khắp địa bàn trong tỉnh.

Ngược lại vài năm trước đó, tôi cũng đã được phân công sưu tầm di sản văn hóa vật thể người Hoa. Vậy là, qua hai đợt được giao nhiệm vụ nghiên cứu về người Hoa, tạm gọi là vậy, tôi đã có điều kiện tiếp xúc tìm hiểu về văn hóa của tộc người thiểu số có dân số đông thứ hai chỉ sau người Việt ở địa phương.

Tuy nhiên, phải đến khi tôi bắt tay vào thực hiện Luận văn Cao học lựa chọn đề tài về lễ hội người Hoa, thực sự lúc bấy giờ, tôi mới có những gắn bó, tìm tòi nhiều về một lễ hội, chính là lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa. Quá trình tìm hiểu lễ hội này, giúp tôi làm quen được nhiều người Hoa vốn dĩ thân thiện, mến khách và nhiệt tình trong việc cung cấp tài liệu có liên quan đến lễ hội mà tôi đang nghiên cứu.

Đến khi vào cuộc, lễ hội ở miếu Tổ Sư đã làm tôi ngạc nhiên đến thích thú vì những sự biến đổi của tên gọi miếu, nguồn gốc, nội dung của lễ hội... Phải nói, tất cả những điều đó đã thu hút tôi tìm gặp những người có thể giúp tôi giải đáp những thắc mắc này. Đặc biệt, việc “đeo bám” và tìm đến nhà của vị Đạo trưởng ở mãi quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, pháp sư Đạo giáo đã chủ trì nhiều lễ hội đáo lệ từ sau năm 1975 đến nay để hỏi tới nơi những tên gọi, nội dung, ý nghĩa của từng nghi thức của lễ Làm Chay khá độc đáo trong kho tàng văn hóa phi vật thể của cư dân ở Biên Hòa.

Cuốn sách **“Miếu thờ và lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa”** là tổng hợp những tư liệu thực tế mà tôi đã bỏ công nghiên cứu trong nhiều năm, hoàn thành Luận văn Cao học và nay tiếp tục nghiên cứu trong công trình làm Luận án Tiến sĩ.

Tôi xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến Hội đồng Xuất bản của tỉnh, cảm ơn Nhà xuất bản Đồng Nai đã tạo điều kiện để cuốn sách được ra mắt bạn đọc.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng, song chắc chắn cuốn sách sẽ không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được sự góp ý chân tình, quý báu của quý độc giả để giúp cho công trình được hoàn thiện hơn.

TÁC GIẢ

CHƯƠNG I

KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Người Hoa được gọi bằng nhiều tên khác nhau như: người Hoa, người Hán, người Việt gốc Hoa, Hoa kiều, người Khách, người Minh Hương, hay người Hoa Nùng (?)... Theo danh mục thành phần dân tộc Việt Nam, cần thống nhất tên gọi là người Hoa (Hán). Người Hoa gồm 5 nhóm ngôn ngữ gốc Hán bao gồm: Quảng Đông, Triều Châu, Phúc Kiến, Hẹ và Hải Nam.

Từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XX, những người Hoa từ Trung Quốc di cư đến Nam bộ (Việt Nam) thành hai nhóm. Nhóm thứ nhất đã vào sinh sống tại miền Nam khoảng hơn 310 năm từ thời Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu. Nhóm thứ hai mới vào miền Nam từ đầu thế kỷ XX khi Việt Nam còn là thuộc địa của Pháp.

Thời nhà Nguyễn ban hành qui chế thành lập các bang Hoa kiều, người Hoa sinh sống ở Việt Nam có tất cả là bảy bang: Quảng Triệu (còn gọi là bang Quảng Đông), Hẹ, Triều

Châu, Phước Kiến, Phước Châu, Hải Nam và Quỳnh Châu. Trụ sở của bảy bang thường được gọi là “Thất Phủ công sở” hoặc “Thất Phủ hội quán”. Tháng Giêng năm 1885, thực dân Pháp chiếm Nam kỳ, ra lệnh sáp nhập bang Phước Châu vào trong bang Phước Kiến; sáp nhập bang Quỳnh Châu vào trong bang Hải Nam. Vì vậy, ngày nay, người Hoa ở Việt Nam bao gồm năm nhóm phương ngữ và được gọi theo bang hoặc quê quán như: Quảng Đông, Phúc Kiến, Triều Châu, Hẹ (Sùng Chính) và Hải Nam.

I. QUÁ TRÌNH NHẬP CƯ CỦA NGƯỜI HOA TRÊN ĐẤT BIÊN HÒA

Lịch sử di dân của người Hoa vào vùng đất Biên Hòa bắt đầu từ cuối thế kỷ XVII cho đến giữa thế kỷ XX. Khởi đầu là cuộc nhập cư xin thần phục Nam Triều năm 1679 của đoàn tướng binh di thần nhà Minh Trần Thượng Xuyên và Dương Ngạn Địch đem theo 3.000 người đi trên 50 chiếc thuyền vào đất Đại Việt sau đó định cư tại Bàn Lân (Biên Hòa). Trần Thượng Xuyên (tức Trần Thắng Tài) nguyên là Tổng binh trấn thủ các châu Cao, Lô, Liêm và phó tướng là Trần An Bình cùng với tướng Dương Ngạn Địch, nguyên là Tổng binh trấn thủ các địa phương thủy lục ở Long Môn tỉnh Quảng Đông (Trung Quốc) cùng với phó tướng là Hoàng Tấn. Đây là nhóm người Hán trung thành với nhà Minh, không chịu thần phục nhà Mãn Thanh nên đã nổi dậy phát

cờ “bài Mãn, phục Minh” nhưng bất thành nên trốn chạy xuống phía Nam xin nhập cư vào đất Đại Việt.

Nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên dẫn đầu đến định cư ở Biên Hòa bao gồm những binh lính, thương nhân và một số quý tộc phong kiến cùng gia quyến của họ. Họ thuộc nhóm người Hoa gốc Hải Nam, Phước Kiến, Triều Châu, Hẹ và Quảng Đông. Số người Hoa ở Bàn Lân là một bộ phận trong số 3.000 người Hoa di tản sang Việt Nam vào năm 1679.

Từ thế kỷ VXII đến năm 1949, nhiều nhóm người Hoa thuộc các bang Hải Nam, Triều Châu, Quảng Đông rải rác di cư sang Việt Nam, số đông định cư tại Nam kỳ, tổ chức xã hội theo từng bang. Họ là những thương nhân buôn bán và làm các nghề thủ công truyền thống đến lập nghiệp tập trung tại các thị tứ, thị trấn ở Sài Gòn và các tỉnh trong đó có tỉnh Biên Hòa xưa. Năm 1936, do ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế, nhiều Hoa kiều ở Nam kỳ xin hồi hương về Trung Quốc.

Ngày 28 tháng 2 năm 1948, chính phủ Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch ký thỏa ước Trùng Khánh dành cho Hoa kiều quy chế tối huệ quốc. Ở Việt Nam, Cao ủy Pháp lập lại Sở Tân Đảo, truyền lệnh cho các tỉnh thực hiện việc thu thuế và cấp thẻ lương niên đối với Hoa kiều. Đến tháng 8

năm 1948, các bang của người Hoa được cải tổ thành Lý sự hội Trung Hoa.

Trong giai đoạn này, số người Hoa đến Biên Hòa sinh sống và cư trú ở các địa bàn: Phước Thiên (huyện Nhơn Trạch), thị trấn Long Thành, vùng Bến Gỗ (trước thuộc huyện Long Thành nay thuộc thành phố Biên Hòa), địa bàn Bến Cá (huyện Vĩnh Cửu), thị xã Long Khánh và thành phố Biên Hòa. Về sau, do ảnh hưởng điều kiện kinh tế, xã hội, nhóm người Hoa này sinh sống tập trung nhất tại thành phố Biên Hòa và một bộ phận ở thị xã Long Khánh.

Có thể nhận diện cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa đến sớm nhất gồm nhóm người Hoa chủ yếu người Quảng Đông theo Trần Thượng Xuyên đến Cù lao Phố năm 1679, sau đó rải rác nhiều nhóm Hoa thuộc các bang Triều Châu, Phước Kiến, Sùng Chính (còn gọi là Hẹ), Hải Nam đến Đồng Nai từ thế kỷ XVII đến năm 1949 tập trung ở đô thị, thị tứ, thị trấn để buôn bán. Sự có mặt của cộng đồng người Hoa bên cạnh người Việt đã góp phần tạo nên diện mạo phong phú cả về kinh tế và văn hóa ở địa phương suốt hơn ba thế kỷ qua.

II. ĐỊA BÀN CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Thành phố Biên Hòa nằm ở phía tây của tỉnh Đồng Nai, bắc giáp huyện Vĩnh Cửu, nam giáp huyện Long Thành, đông giáp huyện Trảng Bom, tây giáp huyện Dĩ An, Tân

Uyên tỉnh Bình Dương và Quận 9 – Thành phố Hồ Chí Minh. Thành phố Biên Hòa nằm hai bên bờ sông Đồng Nai, cách trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh 30km, cách thành phố Vũng Tàu 90km.

Thành phố Biên Hòa hiện có 30 phường, xã với 23 phường là: Trung Dũng, Thanh Bình, Hòa Bình, Tam Hòa, Tân Mai, Tam Hiệp, Quang Vinh, Quyết Thắng, Bình Đa, Tân Tiến, Tân Hòa, Hồ Nai, Thống Nhất, Tân Biên, Tân Hiệp, Bửu Hòa, Tân Vạn, An Bình, Bửu Long, Long Bình Tân, Tân Phong, Trảng Dài, Long Bình; và 7 xã: Tân Hạnh, Hiệp Hòa, Hóa An, An Hòa, Long Hưng, Phước Tân và Tam Phước.

Thành phố Biên Hòa là đô thị loại II, trung tâm kinh tế - xã hội quan trọng của tỉnh Đồng Nai, là đầu mối giao lưu đa dạng của vùng Đông Nam bộ, đồng thời giữ vị trí an ninh quốc phòng trọng yếu của vùng Đông Nam bộ.

Thành phố Biên Hòa có tổng diện tích tự nhiên là 264,08km², dân số thành phố khoảng 1 triệu người, mật độ dân số là số 3.788 người/km² (năm 2013). Hiện nay, thành phố Biên Hòa là thành phố thuộc tỉnh có dân số cao nhất nước Việt Nam.

Thành phố Biên Hòa có 5 khu công nghiệp được Chính phủ phê duyệt gồm: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Khu công nghiệp Biên Hòa 2, Khu công nghiệp Amata, Khu

công nghiệp Long Bình (Loteco), khu công nghiệp Tam Phước đã đi vào hoạt động với cơ sở hạ tầng được xây dựng đồng bộ. Bên cạnh ngành công nghiệp hiện đại, hiện thành phố vẫn còn một vài cụm công nghiệp truyền thống, thủ công mỹ nghệ như: cụm công nghiệp gốm sứ Tân Hạnh; vùng thủ công mỹ nghệ đá Bửu Long; vùng sản xuất gốm Tân Vạn, Bửu Long, Hiệp Hòa; cụm công nghiệp gỗ Tân Hòa (Hố Nai).

Biên Hòa là vùng đất có bề dày lịch sử khai phá hơn 310 năm, với người Việt từ các tỉnh miền Trung và miền Bắc đến khai phá lập nghiệp cùng với sự du nhập của người Hoa từ Trung Quốc sang, hình thành nên những khu vực dân cư khá sớm ở Nam bộ như: Bàn Lân, Bến Cá, Bến Gỗ, Cù lao Phố... Nơi đây cũng là địa bàn cư trú của các dân tộc bản địa: Chơro, Mạ, Stiêng, Chăm...

Hiện nay, Biên Hòa cũng là nơi tập trung nhiều thành phần dân tộc thiểu số như: Hoa, Tày, Khmer, Dao, Thái, Mường, Nùng, Chơro, Gia Rai, Mạ, Thổ, Sán Chay, Sán Diù, Stiêng, Chăm, Êđê, Giáy... với tổng số 11.462 người, trong đó người Hoa chiếm khoảng 66,2% các dân tộc thiểu số ở Biên Hòa.

Người Hoa ở Biên Hòa tập trung theo nhóm phương ngữ và thời điểm di cư. Các nhóm Quảng Đông ở khu vực

phường Thanh Bình, Bửu Hòa và Tân Vạn. Nhóm Triều Châu ở phường Bửu Hòa và phường Hòa Bình. Nhóm Phúc Kiến ở một số phường thuộc trung tâm thành phố Biên Hòa hay khu vực chợ Biên Hòa như phường Hòa Bình, Thanh Bình, Quang Vinh... Người Hoa bang Hẹ sống tập trung ở phường Bửu Long chuyên làm nghề đục đá và điêu khắc đá xanh. Người Hải Nam còn rất ít nên sáp nhập vào bang Hẹ (Sùng Chính) ở Biên Hòa. Người Hoa từ Móng Cái, Quảng Ninh di cư vào sau năm 1954 (tác giả gọi là người Hoa Quảng Ninh) thì định cư ở hai khu vực phường Tân Phong và Bình Đa. Số còn lại sống rải rác ở hầu hết 30 phường, xã của thành phố Biên Hòa.

Theo thống kê của Ủy ban Nhân dân thành phố Biên Hòa (ngày 30/9/2011) thì tổng số người Hoa là 7.588 người chiếm khoảng 0,96% dân số của thành phố Biên Hòa, phân bố tại các phường, xã như sau:

Biểu thống kê dân số người Hoa ở thành phố Biên Hòa (30/9/2011)

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số người Hoa		Ghi chú (Thời gian định cư)
		Số hộ	Số khẩu	
1	Phường Tân Phong	283	1.630	Sau năm 1954
2	Phường Quang Vinh	123	802	Đầu thế kỷ XX
3	Phường Thanh Bình	169	792	Đầu thế kỷ XX
4	Phường Bình Đa	122	648	Sau năm 1954

Nguyễn Thị Nguyệt

STT	Đơn vị hành chính	Tổng số người Hoa		Ghi chú (Thời gian định cư)
		Số hộ	Số khẩu	
5	Phường Tân Vạn	90	514	Thế kỷ XIX- XX
6	Phường Hòa Bình	104	512	Đầu thế kỷ XX
7	Phường Bửu Long	160	429	Thế kỷ XVIII-XIX
8	Phường Bửu Hòa	96	392	Thế kỷ XIX- XX
9	Phường Quyết Thắng	70	293	Thế kỷ kỷ XX
10	Phường Trung Dũng	66	278	Thế kỷ XX
11	Phường Tân Tiến	28	198	Thế kỷ XX
12	Phường An Bình	47	177	Sau năm 1954
13	Xã Phước Tân	36	135	Thế kỷ XX
14	Phường Trảng Dài	28	106	Sau năm 1954
15	Phường Long Bình	22	97	Sau năm 1975
16	Phường Tam Hòa	22	94	Sau năm 1954
17	Phường Thống Nhất	23	76	Thế kỷ XX
18	Xã Hóa An	22	71	Thế kỷ XIX-XX
19	Phường Tam Hiệp	21	70	Sau năm 1954
20	Xã Hiệp Hòa	26	67	Thế kỷ XVII
21	Xã An Hòa	13	57	Thế kỷ XIX-XX
22	Phường Long Bình Tân	15	51	Sau năm 1975
23	Phường Tân Mai	13	31	Sau năm 1954
24	Xã Tam Phước	7	30	Sau năm 1954
25	Phường Hồ Nai	2	14	Sau năm 1975
26	Xã Tân Hạnh	3	12	Thế kỷ XX
27	Phường Tân Hòa	2	10	Sau năm 1975
28	Phường Tân Hiệp	2	2	Sau năm 1975
	Tổng số	1.615 hộ	7.588 người	

(Nguyễn Thị Nguyệt lập biểu)

Theo thống kê, thành phố Biên Hòa có hai địa bàn không có người Hoa cư trú, đó là phường Tân Biên và xã Long Hưng.

Đa phần, người Hoa ở Biên Hòa sống tập trung theo cộng đồng, hình thành những dãy phố người Hoa với kiến trúc nhà ở, phong tục tập quán, sinh hoạt tiêu biểu. Đặc biệt, nhiều hội quán và các cơ sở tín ngưỡng dân gian phục vụ đời sống tinh thần của người Hoa trên quê hương mới.

Những dãy phố người Hoa ở mặt tiền đường những tuyến phố chính như: Hưng Đạo Vương, Quốc lộ 1, Phan Đình Phùng, Hà Huy Giáp, Cách mạng Tháng Tám, Quang Trung, Huỳnh Văn Lũy, Huỳnh Văn Nghệ. Những khu xóm người Hoa ở trong chợ như: chợ Biên Hòa, chợ Tân Phong (chợ Phúc Hải), chợ Tam Hòa, chợ Bình Đa, chợ Bửu Hòa (chợ Đồn)...

Đặc điểm dễ nhận biết nơi có người Hoa cư trú là trước nhà ở hay tiệm buôn bán của người Hoa đều có dán giấy đỏ in chữ Hán nhũ vàng trên cửa. Các bảng hiệu buôn bán thường là song ngữ Hán - Việt. Trong nhà bao giờ cũng có các bàn thờ Tổ tiên, Thần độ mạng, Quan Âm, Quan Công hoặc Thần Tài ở phòng khách; gian bếp thờ Định Phước Táo quân....

Người Hoa ở Biên Hòa tiêu biểu cho người Hoa ở toàn tỉnh, hội đủ các đặc điểm về lịch sử, kinh tế, phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian và lễ hội. Có thể nói, cộng đồng người Hoa ở Biên Hòa là bộ phận rất quan trọng, chủ yếu của người Hoa ở Đồng Nai với nhiều đặc trưng văn hóa cần được nghiên cứu và bảo tồn.

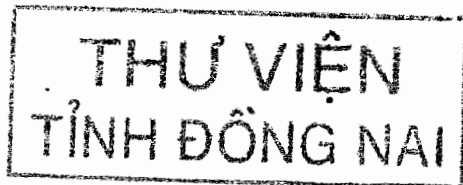
III. NGƯỜI HẠ TRONG CỘNG NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA

Trong số các nhóm người Hoa ở Biên Hòa, người Hạ sống tập trung ở một khu vực, hình thành nên nghề thủ công khá tiêu biểu có liên quan đến sự hình thành cơ sở tín ngưỡng và sinh hoạt tín ngưỡng dân gian ở vùng đất này.

Người Hạ còn gọi là Khách Gia hay Hakka (các gia đình người khách), là một tộc người Hán có Tổ tiên gốc gác ở khu vực các tỉnh Hà Nam và Sơn Tây ở miền Bắc Trung Quốc. Hiện nay người Hạ tập trung ở các vùng miền Nam Trung Quốc như tỉnh Quảng Đông, tây Phúc Kiến, Giang Tây, nam Hồ Nam, Quảng Tây, nam Quý Châu, đông nam Tứ Xuyên, các đảo Hải Nam và Đài Loan.

Người Hạ được cho là có nguồn gốc từ nhóm người Hán vùng Lạc Dương, Khai Phong (Hà Nam, thuộc vùng Hoàng Hà) di cư thành nhiều đợt liên tục xuống phía Nam từ thế kỷ IV- XIX nhằm tránh những cuộc chiến tranh tàn khốc ở quê nhà. Đợt di dân thứ nhất vào thời Đông Tấn đến Nam Bắc

Triều (317-589), điểm đến vào khoảng hạ lưu Dương Tử. Đợt thứ hai vào thời cuối Đường - Bắc Tống (880-1126), dưới tác động của cuộc khởi nghĩa Hoàng Sào, họ tiếp tục thiên di về phía Nam đến nam An Huy, Giang Tây, tây nam Phúc Kiến... Đợt thứ ba tiến hành vào thời Nam Tống đến cuối Minh (1127-1644), họ lại vượt Ngũ Lĩnh đổ về vùng Mai Châu, Long Xuyên, Huệ Dương (Bắc Quảng Đông) và định cư tại đây. Đợt thứ tư xảy ra vào đầu thời Thanh (1644-1795), người Khách Gia chia làm ba ngã di dân, một ngã đi sang Quảng Tây, một ngã sang Tứ Xuyên, một ngã vượt biển ra hải ngoại. Đợt thứ năm xảy ra vào thời điểm Chiến tranh Nha phiến (1840-1842), dưới tác động của phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1851-1864) và sự kiện Chiến tranh Punti-Hakka (Bản địa - Khách gia, 1855-1867), một bộ phận Khách Gia chạy ra nước ngoài, xuống vùng bán đảo Lôi Châu, tây nam Quảng Tây và đảo Hải Nam. Mỗi đợt di dân là một làn sóng gió, người Họ đã trải qua nhiều gian truân, đói khổ. Đi đến đâu cũng chỉ làm “khách”, và vì thế nên mới gọi Khách Gia. Trong quá trình di cư, họ đã hòa trộn dòng máu với nhiều sắc dân bản địa như người Ngô Việt, Mân Việt (hai thị tộc thuộc Bách Việt cổ vùng hạ lưu Dương Tử - vịnh Hàng Châu (Ngô Việt) và Phúc Kiến (Mân Việt), Miêu Man (tiền dân nhóm Mèo-Đao) các vùng Dương Tử, Giang Tây, Phúc Kiến



và Lương Quảng. Người Khách Gia coi thành phố Mai Châu (bắc Quảng Đông) là thủ phủ của mình¹.

Số người Hẹ di cư đến Nam bộ Việt Nam và định cư ở Biên Hòa có lẽ vào đầu thời Thanh (1644-1795). Thời kỳ khai phá, người Hẹ cùng chung sức với các nhóm Hoa khác sống tập trung ở Cù lao Phố- Biên Hòa tạo thành bảy phủ và xây dựng nên Thất Phủ võ miếu, tức chùa Ông ngày nay. Thất phủ bao gồm: Tuyên Châu, Chương Châu, Mai Châu, Triệu Khánh, Quảng Châu, Quỳnh Châu, Triều Châu. Trong đó, nhóm Mai Châu (bao gồm Mai Huyện, Đại Bô, Huệ Dương..) tự nhận là nhóm Sùng Chính, tức nhóm Hoa Hẹ. Ở nghĩa trang người Hoa ở xã Hóa An, Biên Hòa, bia mộ người Hẹ thường ghi nguyên quán Hạc Sơn, Hưng Ninh, Đông Quán, Huệ Dương, Đông Bảo, Mai Huyện, Đại Bộ...)¹.

Từ đợt người Hoa đầu tiên di cư đến Nam bộ vào cuối thế kỷ XVII (1679) đến nay đã trên 310 năm. Do người Hẹ Bửu Long là người Hẹ vùng núi có nghề thủ công cổ truyền là điêu khắc đá nên định cư ở Cù lao Phố một thời gian thì họ di chuyển đến sinh sống ở khu vực Bửu Long - nơi có nguồn nguyên liệu đá xanh dồi dào, chất lượng tốt, dễ khai

¹ Nguyễn Ngọc Thơ (2013), Bản sắc và hội nhập: “*Nội sư ngoại thánh*”, truy cập trên website: [khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/...](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/)

¹ Xem Nguyễn Ngọc Thơ (2013).

thác, phù hợp với nghề truyền thống từ chính quốc. Còn người Hẹ miền xuôi thì xuôi vùng Tiền Giang, miền Tây làm nghề thuốc bắc¹. Khi dựng các miếu thờ của người Hoa ở Nam bộ trước đây đều có sản phẩm đá của người Hẹ Bửu Long, đặc biệt là miếu Tổ Sư thờ Tổ nghề thủ công (sau đổi tên thành Thiên Hậu cổ miếu) và miếu Quan Đế (1684), còn gọi là Thất Phủ cổ miếu ở Cù lao Phố ở Biên Hòa đều có dấu ấn của người Hẹ về việc đóng góp nguyên liệu đá cũng như nhân lực thiết kế, điêu khắc và xây dựng.

Người Hẹ Biên Hòa trước đây định cư ở ba khu vực là núi Bửu Long (ấp Bình Điện), ấp Tân Thành và bên ấp Bình Trị (xã Hóa An) cũng có miếu Tổ Sư gần chỗ làm đá. Trước đây ở bên Bình Trị có mỏ đá lớn, người Hẹ tập trung ở đó một thời gian, sau mới dời qua bên này. Đời ông sơ của gia đình ông Trương Nguyên hồi đầu cũng định cư ở ấp Bình Trị bên kia sông Đồng Nai, sau này ông nội qua Bửu Long cất phố ở. Trước đây vùng Bửu Long rất ít người Hoa vì là đất của Đốc Phủ Võ Hà Thanh. Đội lân Liên Thăng đường là việc sát nhập ba đội lân của ba nhóm Hoa bang Hẹ trước kia ở Bình Trị, Tân Thành và Bửu Long thành một đội nay phục vụ cho miếu Tổ Sư và bang Hẹ - Sùng Chính Biên Hòa.

¹ Theo lời ông Trương Nguyên.

Người Hoa Hẹ ở Biên Hòa hiện nay sống tập trung tại hai khu vực: núi Bửu Long và chợ Biên Hòa. Cả hai nhóm Hẹ sinh hoạt trong một bang (trước kia) nay gọi là Hội người Hẹ- Sùng Chính. Khu vực Bửu Long là người Hẹ, còn khu vực chợ Biên Hòa là người Sùng Chính. Phường Bửu Long có khoảng 50% dân số hiện nay là người Hẹ, tập trung hai khu phố 4 và khu phố 5. Hiện tại họ đều nói tiếng Việt, chỉ một số người lớn tuổi nói được tiếng Hẹ, một số ít có thể nói tiếng Bắc Kinh và tiếng Quảng Đông. Các dòng họ tiêu biểu của người Hẹ là: Trương, Lý, Huỳnh, Đặng, Cổ, Bạch, Ngụy, Thái, Giang...

Người Hoa bang Hẹ sống cộng cư xen lẫn người Việt, do vậy có sự kết hôn giữa người Hoa và người Việt ở địa phương. Họ Hứa là một trong những họ tộc lớn của người Hẹ ở Bình Điện (Bửu Long) làm thợ đá, lấy vợ Việt cho đến đời thứ 10 thì kể như Việt hóa, tuy nhiên lớp hậu duệ con cháu vẫn luôn ý thức giữ gìn nguồn cội và tự nhận mình là người gốc Hoa¹. Những người Hoa bang Hẹ vẫn còn nhớ địa danh Trảng Lài là nơi định cư ban đầu của mình ở vùng Bình Điện (Bửu Long).

¹ Lương Văn Lưu (1972), *300 năm người Việt gốc Hoa*, bản thảo đánh máy, trang 13.

IV. MỘT SỐ LỄ TẾT CỦA NGƯỜI HỌ Ở BIÊN HÒA

Ngoài những lễ vía thần linh, trong năm, người Hoa bang Họ có nhiều lễ tết (tiết) tính theo thời gian Âm lịch. Trải qua lịch sử, nhiều tập tục và lễ tiết của người Hoa đã trở thành phong tục tập quán tốt đẹp, trở thành bản sắc văn hóa. Tuy nhiên, khi định cư ở Việt Nam, thì một số lễ tục hầu như không còn phù hợp nên dần bị mai một. Ngược lại, trong chừng mực nào đó, thì những lễ tục này có sự biến đổi và đôi khi ảnh hưởng của sự giao lưu văn hóa với cộng đồng người Việt ở địa phương.

1. Tết Nguyên đán

Năm hết tết đến, người Hoa bang Họ cũng giống như người Việt đón mừng năm mới theo Âm lịch. Chuẩn bị đón tết, cuối năm các gia đình người Hoa dọn dẹp nhà cửa sạch sẽ, sơn phết, dán giấy đỏ có chữ nhũ vàng hoặc vẽ bùa chú, hình cọp... để trấn uế tà ma, tẩy trừ xui xẻo trong năm mới. Những câu liễn đối được dán trong nhà với những câu thành ngữ chúc tụng như: “Xuất gia bình an” (dán trước cửa), “Cung chúc tân niên”, “Kim ngọc mãn đường”, “Khai trương hồng phát” (đối với những gia đình buôn bán).

Từ trưa ngày 30 tháng Chạp, người Hoa làm mâm cơm cúng rước ông bà về ăn tết với gia đình. Lễ vật cúng gồm có: mứt thèo lèo, trái cây, thịt kho tàu, gà luộc, bánh tổ, bánh

bông lan, dưa hấu, quýt, măng cầu, chuối sứ (hương), thơm, đu đủ, sung. Mâm cúng của người Hẹ là gà trống hiến lược, Lạp xưởng, canh củ cải khô nấu nước lược gà, vịt phơi khô hấp, món cải trắng ngâm muối phơi khô nấu với xương heo hoặc xào với cá lóc, thịt heo tẩm gia vị phơi khô hoặc thịt vịt phơi khô xào với khoai tây. Mâm cúng được đặt ở giữa nhà hoặc đặt trên thờ Tổ tiên. Trưa 30 Tết, cũng là bữa cơm đoàn viên (đoàn viên) con cháu làm ăn xa đều trở về tụ họp đông đủ để đón mừng năm mới.

Đúng 12 đêm là giờ khắc đón giao thừa tiễn biệt năm cũ và đón chào năm mới. Từ thời điểm đón giao thừa cho tới sáng mừng một Tết gia chủ chọn người hợp tuổi để xông đất, xông nhà với ý nghĩa “thần khí đông lai” (linh khí đến từ hướng đông). Người đến xông đất bước vào nhà với những lời chúc cho gia chủ như: “Nhứt kiến phát tài”, “Thần tài đáo gia”... sau đó thắp nhang trên bàn thờ trong nhà. Gia chủ mời người xông đất uống trà sau đó lì xì bao giấy màu đỏ. Ngược lại, người xông đất cũng lì xì lại cho những trẻ nhỏ của gia chủ.

Tại cơ sở tín ngưỡng, đêm giao thừa người ta đến lễ chùa, miếu cầu thần phù hộ may mắn cho gia đình trong năm mới, sau đó nhận những phần lộc của chùa, miếu như bao giấy đỏ lì xì, trái quýt. Người ta cũng có thể hái những cành lộc tại chùa, miếu đem về nhà.

Ngày mừng 1 Tết là ngày đầu tiên của năm mới, người Hoa bang Hẹ tổ chức ăn tết Nguyên đán. Mâm lễ vật cúng ngày mừng 1 là mâm cúng chay gồm có: mì xào, tàu hũ ki chiên, nấm mèo, bún tàu, đậu xào. Ngày tết người Hoa còn làm các loại bánh tổ (bột nếp + đường bỏ vào xừng hấp chín) phơi khô có thể để đến tháng sau, bánh mè (bột mì gạo lặn mè chiên) hình tròn trên viết chữ Hán bằng thân sa màu đỏ như: “Đại cát”, “Phúc”, “Chiêu tài tấn bửu”, “Thọ”. Bánh chữ “Chiêu tài tấn bửu” cúng trước bàn thờ Tài Bạch Tinh quân (thần Tài). Sau khi thắp nhang cúng ông bà cha mẹ, bàn thờ tổ tiên, người Hoa chúc mừng năm mới, mừng tuổi mới. Con cháu mừng tuổi ông bà, cha mẹ chúc tuổi cho con cháu mau lớn, học hành giỏi dang. Nếu là người già thì con cháu chúc như: “Sống lâu trăm tuổi”, “Sức khỏe dồi dào”; nếu cha mẹ khoảng trên 50 tuổi thì chúc “Niên niên thuận lợi”. Ngày tết người Hoa có tục lì xì phong bao màu đỏ cho trẻ nhỏ để lấy hên, lấy lộc đầu năm.

Ngày mừng 2 Tết người Hẹ cúng mặn với lễ vật là gà luộc, cải khô xào thịt heo, nếu khá giả thì cúng heo quay (những món này đã được chế biến từ ngày 30 Tết). Người Hẹ có món gà ướp muối hấp cách thủy.

Người Hoa có tục lệ mừng 1 chúc tết bên nội, mừng 2 chúc tết bên ngoại, mừng 3 chúc tết thầy cô, mừng 4 chúc tết bạn bè. Trong những ngày đầu năm, người Hoa còn tới

chùa, miếu để cầu xin thần, phật phù hộ cho bản thân và gia đình một năm mới với nhiều điều tốt đẹp...

2. Tết Nguyên tiêu

Dịp tết Nguyên tiêu, người Hoa bang Họ treo cặp đèn lồng trước nhà và trước miếu. Trên mỗi cặp đèn của đều có ghi họ của chủ nhà như “Trương phủ” (họ Trương), “Huỳnh phủ” (họ Huỳnh), “Lý phủ” (họ Lý)... Những chiếc đèn này treo trong khoảng một tháng. Các gia đình người Hoa cúng chay gồm hương, đăng, trà, quả. (Ngày 16 tháng giêng cúng cô hồn với mía khúc, cháo trắng, đường tán, giấy tiền vàng bạc ở bàn thờ ngoài sân nhà).

Vào ngày này, tại Thiên Hậu cổ miếu, người ta treo đèn lồng, trang trí giấy đỏ tạo nên một không khí lễ hội rất tưng bừng và đẹp mắt. Từ sáng sớm, các Ban trị sự miếu Hoa chuẩn bị những mâm lễ vật đem đến cúng Tổ Sư, bà Thiên Hậu và Quan Công. Lễ vật cúng rằm tháng giêng là những mâm heo quay, vịt quay, trái cây, nhang đèn... Sau khi Ban trị sự làm lễ cúng xong, bà con người Hoa bắt đầu lũ lượt đến lễ thần. Họ đến miếu thắp nhang, cầu xin thần thánh phù hộ, phước sương cúng dường. Đặc biệt vào dịp tết Nguyên tiêu, người Hoa còn đặt những khoanh nhang vòng cầu an, người ta ghi những chữ như: “Vạn sự như ý”, “Hiệp gia bình an”, “Nhất bốn vạn lợi” (nếu làm ăn buôn bán), “Tứ quý

hung long”, “Công thành danh toại” (sự nghiệp), “Đông thành tây trụ” cùng tên người phụng cúng và treo lên khoanh nhang vòng. Nhang khoanh đốt vào thánng giêng để cầu an (có người cúng để giải hạn). Những khoanh nhang vòng cháy ròngrã suốt cả thánng mới tàn. Ngoài sân miếu, người ta bày bán những động vật phóng sinh như chim, cá, rùa... Tết Nguyên tiêu, người Hoa mua động vật phóng sinh với ý nghĩa làm phước để được phước lộc trong cả năm mới.

3. Tết Thanh minh

Vào tiết Thanh Minh, khoảng giữa đến cuối thánng ba Âm lịch, người Hoa thường tổ chức cho gia đình ra nghĩa trang dọn dẹp, sửa sang mồ mả ông bà cha mẹ. Sơn phết lại những chữ Hán trên các bia mộ, dọn cỏ, đắp lại mộ hoặc đắp cỏ xanh tươi trên mộ cho những người thân đã khuất. Sau đó, người ta bày những lễ vật lên mộ để cúng vái vong hồn người đã khuất. Trước kia người Hẹ có tục tế dê và heo sống ở trên núi có mả Tổ (mộ người Hẹ đầu tiên qua Bửu Long). Tất cả những phần mộ trong gia đình, dòng họ được người thân đến cúng viếng đầy đủ. Người Hẹ thì có tục đặt một tờ giấy súc có rưới máu gà tươi dẫn bởi một trái quýt để làm dấu. Nếu trong gia đình có nhiều con cháu mà tất cả đều đến cúng mộ thì được xem là gia đình có phúc, con cháu về đầy đủ viếng mộ ông bà cha mẹ vào dịp này.

Trước đây, người Hoa bang Hẹ ở Bửu Long có ba dòng họ lớn là: Trương, Lý, Huỳnh xưa kia đều có các nhà thờ họ (tử đường). Ngày nay, các nhà thờ họ đều không còn, do vậy vào dịp tiết Thanh minh người Hoa ra cúng tại Bá Công tử trước miếu Bà Thánh, xem như miếu Tổ của cộng đồng.

4. Tết Đoan ngọ

Ngày mùng 5 tháng 5 Âm lịch hàng năm là ngày tết Đoan ngọ, tết nửa năm. Đây là thời gian nóng nhất trong năm, do vậy thường dễ sinh ra nhiều bệnh tật. Vào dịp này buổi trưa, trước đây người Hoa ở Đồng Nai thường lên núi Bửu Long hái các loại lá cây có mùi thơm như: sả, lá bưởi, lá quýt, lá cam, trắc bá diệp, khuynh diệp... đem về một nửa bày ra bàn cúng trước nhà, phần còn lại cột thành bó treo trước cửa nhà để trừ tà, răn rết (tích Thanh xà Bạch xà)... Người Hẹ cột chung với bó lá thơm là cây nhang mật چرا trị tà trên có hình bát quái treo ở cửa trước và cửa sau ngôi nhà. Sáng sớm người Hoa chưng bông hoa, trái cây và thắp nhang trên bàn thờ.

Tết Đoan ngọ cũng là dịp tưởng nhớ ngày mất nhà thơ Khuất Nguyên, vì vậy người Hoa thường có tục lệ cúng bánh trôi nước, cúng xong đổ xuống sông. Từ năm 1975 đến nay, sau khi cúng xong, tất cả lễ vật bánh trái như bánh cấp, bánh bao chỉ, bánh dính bàn (bánh lá mơ phơi khô giã nhỏ trộn

bột + đường hấp chín) được đem ra ăn uống trong gia đình. Người Hẹ có tục lệ đứng 12 giờ trưa mừng 5 tháng Năm đứng ngửa mặt lên trời, nam giới chớp mắt 7 lần, nữ giới chớp mắt 9 lần để tránh không bị nhậm mắt (đau mắt).

5. Tết Trung nguyên

Vào dịp tết Trung nguyên, người Hoa tổ chức lễ cầu siêu cho người thân mới mất trong ba năm tại nghĩa từ, đồng thời cúng cầu siêu cho những cô hồn lang thang vất vưởng chưa được siêu thoát. Trong phạm vi gia đình, người Hoa còn lập bàn thờ cúng cô hồn ở trước nhà với lễ vật là gạo, muối, bánh kẹo, trái cây, giấy vàng bạc. Cúng xong, những lễ vật này được đem cho trẻ nhỏ hoặc những người ăn xin. Trước đây, người Hoa còn có tục rải tiền các, tiền vàng bạc, gạo, muối trước nhà để cúng cô hồn.

6. Tết Trung thu

Buổi tối, người Hoa chuẩn bị lễ vật làm lễ cúng trăng với các món như: bánh trung thu, trái cây, trà tàu ngon. Mâm cúng của người Hẹ là 1 đĩa bánh (bánh trung thu, bánh dẻo, bánh thập cẩm, bánh môn), một trái bưởi gọt vỏ xẻ từng múi, 1 đĩa củ đậu phộng luộc, 1 lồng đèn... Trung thu là tết của trẻ em với các tục làm đèn, rước đèn, múa lân... Những đội lân tiêu biểu như: Thạch Sơn Liên Thăng đường, Tân Khánh đường và Đại Khánh đường. Vào dịp tết Trung thu,

người Hoa bang Hẹ tổ chức tỉ thí võ thuật và trò chơi chạy bàn (xoay bàn) cho các thanh niên ở trong bang.

7. Tết Đông chí

Tết Đông chí tổ chức vào khoảng thời gian giữa tháng 12 Âm lịch. Đây cũng là ngày được mùa, thu hoạch đã xong. Người Hẹ làm bánh củ cải nhân tôm khô, thịt bọc bột nếp bỏ vô nước gà luộc ăn chấm nước tương hoặc ăn chung với nước luộc gà như món mặn. Thịt gà trống hiến để cúng và chế biến món ăn. Mâm cúng đặt trước sân nhà để cúng trời đất, lễ vật gồm có: trái cây, nhang, đèn, con gà luộc. Mâm cúng được đem cúng lần lượt các bàn thờ thần linh từ ngoài sân vào trong nhà. Bàn thờ ông bà Tổ tiên cúng sau cùng, lúc này con gà luộc được chặt nhỏ từng miếng sắp lên đĩa cúng.

Lễ tết trông năm của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa theo truyền thống Trung Hoa. Tuy nhiên, khi định cư trên đất Đồng Nai, người Hoa lại có những tục lệ hết sức tiêu biểu, độc đáo thể hiện tinh thần sống hòa nhập với cộng đồng xã hội nhưng vẫn giữ gìn được bản sắc dân tộc.

* * *

CHƯƠNG II

NGHỀ THỦ CÔNG CỦA NGƯỜI HẸ

Người Hẹ cũng như các nhóm Hoa khác đều có những nghề nghiệp rất tiêu biểu. Người Hẹ mở tiệm thuốc Bắc và đặc biệt là làm đá mỹ nghệ, đá dân dụng... tạo nên đặc trưng cho cộng đồng này.

I. NGHỀ ĐIÊU KHẮC ĐÁ XANH

Nghề điêu khắc đá xanh ở Bửu Long là nghề thủ công truyền thống của bà con người Hoa bang Hẹ có mặt ở Biên Hòa khoảng hơn ba thế kỷ qua, tập trung ở phường Bửu Long nơi có cụm núi đá Bửu Long bên cạnh dòng Phước Long giang (sông Đồng Nai).

Nghề điêu khắc đá xanh được xem là nghề thủ công mỹ nghệ, vì sản phẩm đá xanh đã được thợ đá chạm khắc đường nét họa tiết để đá trở thành một tác phẩm nghệ thuật. Đa số thợ đá Bửu Long là người Hoa thuộc bang Hẹ đến Biên Hòa theo Trần Thượng Xuyên từ trên ba thế kỷ trước đây. Họ lập nghề ở khu vực núi đá Bửu Long, nay thuộc phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa. Cảnh quan sơn thủy hữu tình của khu du lịch Bửu Long hiện nay là do quá trình khai thác

nguyên liệu đá để điêu khắc của thợ đá, đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo không kém gì vịnh Hạ Long thu nhỏ.

Nghề làm đá điêu khắc gồm hai khâu chế tác thủ công là: làm đá sống (khai thác đá) và làm đá chín (điêu khắc mỹ thuật). Thành phần chủ yếu của đá xanh Bửu Long là Andezit và một ít đá Diabag. Người ta dùng những công cụ thô sơ như: búa, đục, nôm, ghè, dây xích, ròng rọc... để khai thác, rồi đem về chế tác, đục đẽo, gia công mỹ thuật.

Những sản phẩm của đá điêu khắc rất đa dạng, phong phú từ đồ gia dụng như: cối giã gạo, cối xay bột, ly, bàn, ghế; đến vật liệu trong xây dựng như: đá tảng kê chân cột, gạch cửa, bậc tam cấp, đá lót đường, vách tường, bia mộ, bậc tam cấp; đồ thờ cúng trong các cơ sở tín ngưỡng như: bàn thờ, đèn đá, lư hương, chân đèn cho tới những sản phẩm mỹ thuật như các loại tượng: Phật bà, Thích Ca, Di Lặc, phù điêu vũ nữ Champa, sư tử, kỳ lân, tượng kỳ lân, tượng Phật, các phù điêu trang trí... Đáng kể các sản phẩm đá mỹ thuật được tham gia vào các công trình tín ngưỡng, tôn giáo như: chùa Ông, miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu), lăng mộ tộc Võ Hà, những khu lăng mộ tộc họ người Hoa... đều cho thấy nghệ thuật điêu khắc mỹ thuật đá Bửu Long đã đạt tới trình độ cao rất sắc sảo. Những mảng phù điêu bốn mùa, những họa tiết hoa văn dưới chân cột ở chùa Ông, Thiên Hậu cổ miếu đều không khỏi làm ta tán phục.

Nghề điêu khắc đá xanh của thợ đá người Hoa, sau đó đã được nhiều người Việt học hỏi và làm nghề, đặc biệt ứng dụng trong lựa chọn nguyên liệu làm mộ và điêu khắc xung quanh mộ chí.

Một trong những công trình điêu khắc đá nổi tiếng của thợ đá Bửu Long còn đến nay ở Biên Hòa là các khu mộ bằng đá của người Hoa và người Việt. Khu mộ người Hoa của các bang Hẹ, Quảng Đông, Phước Kiến, Triều Châu ở các phường Bửu Long, Bửu Hòa và xã Hóa An đều mang dấu ấn của sản phẩm đá điêu khắc Bửu Long.

Ngoài ra, sản phẩm đá điêu khắc của người Hẹ Biên Hòa còn được trang trí trên khu mộ họ Võ Hà của người Việt ở phường Bửu Long (phía sau Trung tâm Văn miếu Trấn Biên). Khu nghĩa trang này do hậu duệ là ông Võ Hà Thanh (1876-1947) từng giữ chức vụ Đốc phủ sứ Nam kỳ lúc sinh thời đứng ra gìn giữ, tạo tác. Khu nghĩa trang này là nơi an nghỉ của 6 thế hệ thân thuộc liên tiếp trong tộc họ Võ Hà (trước đây trên cổng ghi tên Nghĩa trang họ Võ). Ngôi mộ lâu nhất là phần mộ của “Y lâm Xử sĩ Mẫn Huệ tiên sinh” lập năm 1829 là cụ Cố (Tăng tổ) của ông Võ Hà Thanh.

Đa phần những ngôi mộ lập trong khu nghĩa trang họ Võ xưa kia đều được tạo tác bằng đá xanh Bửu Long với quy cách kiến trúc của mộ người Việt (có địa vị hoặc khá giả) với

diện tích tương đối lớn gồm những hạng mục như: bình phong, uynh thành, biển ngạch và bình môn, liễn đối, mộ, bia mộ, mộ bi văn (trong đó có các bài “minh” và bài “chí”) bằng chữ Hán.

Ngoài ra, các phần mộ còn được trang trí các mảng phù điêu chạm khắc đá xanh Bửu Long rất sắc sảo với những đề tài mỹ thuật dân gian rất độc đáo. Những tác phẩm thấy trên khu mộ Võ Hà như: bình bông, dây lá cúc cách điệu, hoa diêu, linh vật, rồng, lân, trái cây...

Để có được một tác phẩm đá nghệ thuật, người thợ điêu khắc phải trải qua một quá trình lao động nghệ thuật thật nghiêm túc, trước tiên là tạo khối cơ bản, sau đó dùng mực để tạo đường nét, dùng bục và búa để ghè đẽo chạm khắc thô, rồi cuối cùng là làm nhẵn. Khâu chạm khắc đòi hỏi sự công phu, khéo léo, tỉ mỉ vừa mang tính kỹ thuật vừa đảm bảo nét mỹ thuật trên sản phẩm. Một sản phẩm điêu khắc đẹp là đã đạt tới độ tinh túy cao của nghệ nhân điêu khắc đá. Những sản phẩm mỹ thuật làm ra là một tác phẩm nghệ thuật biểu đạt được cả tính chất, tình cảm, ý nghĩa của đối tượng muốn thể hiện.

Nghề đá Bửu Long được duy trì theo tính chất cha truyền con nối. Hơn ba thế kỷ trôi qua, nhiều thế hệ điêu khắc đá đã nối tiếp nhau kế tục sự nghiệp. Hoạt động của

làng đá Bửu Long trước đây theo quy chế phường hội dưới sự quản lý chặt chẽ của ban đại diện do hội đồng bầu ra. Miếu Tổ Sư là nơi để hội họp và xử lý những ai vi phạm quy chế làng nghề. Ngày nay thợ đá Bửu Long phát triển theo hướng tự do.

Tín ngưỡng của thợ đá Bửu Long thờ Tam vị Tổ nghề (Ngũ Đẳng Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư, Uất Trì Tiên sư) ở miếu Tổ Sư dưới chân núi Bửu Long và trong nghề cũng có những kiêng kỵ hết sức tiêu biểu. Ngoài Tổ nghề, hai bên Chánh điện thờ Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân là những vị thần tiêu biểu trong tín ngưỡng dân gian người Hoa. Vì tín ngưỡng thờ Thiên Hậu rất phổ biến nên dân bà con quen gọi miếu Tổ Sư là chùa Bà Thiên Hậu hay Thiên Hậu cổ miếu (như trên cổng miếu hiện nay) nhằm thu hút nhiều người đến cúng viếng (chứ không giới hạn trong giới thợ đá), đây chính là sự kết hợp tín ngưỡng thờ phúc thần (nữ thần) và Tổ nghề trong tâm thức người Hoa. Miếu Tổ Sư cũng là một công trình điêu khắc kiến trúc đá nghệ thuật của lớp thợ đá Bửu Long tài hoa trước kia. Hàng năm thợ đá cúng Tổ vào ngày 13/6 Âm lịch, đáo lệ ba năm tổ chức cúng lớn trong ba ngày từ 10/6 đến 13/6 Âm lịch, diễn ra với nhiều hình thức lễ và hội rất phong phú, độc đáo.

Sản phẩm điêu khắc đá Bửu Long được đem đi tiêu thụ khắp nơi và nổi tiếng trong vùng. Những cơ sở điêu khắc đá

tiêu biểu ở Bửu Long nổi tiếng một thời như: Thanh Tiên, Tân Phát Hưng, Đặng Hữu Lợi, Nghĩa Hưng... lúc cao điểm giải quyết cho hàng trăm lao động ở địa phương. Đến nay, nghề điêu khắc đá đang thu hẹp dần và sản phẩm được thợ đá chế tác theo đơn đặt hàng của những hợp đồng.

Nghề chạm khắc đá ở Biên Hòa một thời đã đáp ứng được cho những nhu cầu của cuộc sống từ xây dựng đến trang trí, từ công trình xây dựng tín ngưỡng tôn giáo, nhà ở dân gian và thậm chí cả đến mộ táng cho người đã qua đời... Sản phẩm đá ong và đá xanh đều mang những giá trị rất riêng, đặc thù trong điêu khắc, chất liệu đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng. Sản phẩm chạm khắc đá Biên Hòa đã đóng góp thêm vào danh mục những làng nghề thủ công truyền thống của người Đồng Nai.

II. NGHỀ LÀM THUỐC BẮC

Ngoài nghề đá, người Hẹ còn có nghề chế biến thuốc Bắc gia truyền. Truyền thống của người Hoa bang Hẹ - Sùng Chính là nghề làm thuốc Bắc và trị bệnh theo Đông y. Những hiệu thuốc Bắc nổi tiếng của người Hẹ ở Biên Hòa trước đây như: Vạn An đường, Đồng Tế đường, Đồng Đức đường, Chí Sanh đường... Thiên Hậu cung trước có phòng khám bệnh Đông y trị bệnh theo phương pháp cổ truyền bắt mạch kê toa; đặc biệt tại đây còn lưu giữ 100 thẻ xăm thuốc

và lời giải xăm để trị bệnh bằng thuốc và niềm tin vào tín ngưỡng thần linh.

Dưới đây là nội dung của 100 cây xăm thuốc ở Thiên Hậu cung, liên quan đến nghề thuốc của người Họ - Sùng Chính Biên Hòa mà tác giả đã may mắn sưu tầm được bản chữ Hán từ ông Trương Nguyên (Ban Trị sự Thiên Hậu cung) và được Lương y Phùng Công Vỹ, pháp sư miếu Quan Âm - Tân Phong (người Hoa Quảng Ninh) giúp đỡ tra cứu dịch nghĩa¹.

Những nội dung đánh dấu “sao” (*) là do chữ Hán viết không rõ nét nên người dịch không chắc chắn về nghĩa đã dịch. Nội dung 100 bài thuốc dân gian cụ thể như sau:

- Lá xăm số 1: Báo cho anh biết: phúc, thọ, lâu bền, thịnh vượng, không cần dùng thuốc thì được tốt.

- Lá xăm số 2: Anh nên vui vẻ, thành tâm cảm thông được thần minh, chỉ có việc là trả lễ trước đây đã xin thì bệnh thuyên giảm, sao hỏa biến mất, không cần dùng thuốc thì được tốt.

¹ Xin cảm ơn ông Trương Nguyên (Ban Trị sự Thiên Hậu Cung) đã cung cấp bản dịch chữ Hán. Bản chữ Hán viết lại bằng tay, do vậy có một vài chữ theo người dịch là chưa chính xác, nên người dịch không thể tra cứu và dịch đúng. Tác giả xin gửi lời cảm ơn đến Lương y Phùng Công Vỹ đã giúp đỡ dịch nghĩa 100 bài thuốc Bắc này.

- Lá xăm số 3: Dùng nửa phần nước nóng, nửa phần nước lạnh (âm dương thủy) cộng lại thành một chén, cam thảo gần 2gr sắc uống.
- Lá xăm số 4: Trần bì 12gr.
- Lá xăm số 5: Hoài sơn 12gr, bách bộ 8gr.
- Lá xăm số 6: Tùy lòng mà tới, thành tâm dâng lên nhang thơm nén tốt, ngày mai lại đến, xin phạt hai nén nhang.
- Lá xăm số 7: Trắc bá diệp 20gr.
- Lá xăm số 8: Quảng mộc hương 12gr.
- Lá xăm số 9: Đạm trúc diệp 12gr.
- Lá xăm số 10: Xa tiền tử 12gr.
- Lá xăm số 11: Tô diệp 8 gr, kim ngân hoa 8gr.
- Lá xăm số 12: Bào khương (gừng nướng) 12gr.
- Lá xăm số 13: Hoa tươi sống 1 bó (dùng để cúng), xuyên bối mẫu 8gr sắc uống.
- Lá xăm số 14: Phục thần 12gr.
- Lá xăm số 15: Cẩn thận, xin lần nữa không có thuốc.
- Lá xăm số 16: Lấy một ít gạo cũ vo sạch nấu lên ăn.

- Lá xăm số 17: Người đến không thật lòng, tâm nên thanh tịnh quay về, ngày mai lại tới, phạt 6 đồng tiền nhang đèn.

- Lá xăm số 18: Bạch quả 20gr, đại táo 3 trái.

- Lá xăm số 19: Bảy nén nhang Quan Âm (thắp tại bàn thờ Quan Âm).

- Lá xăm số 20: Bạc hà diệp 4gr.

- Lá xăm số 21: Kinh giới 8gr, lão trà (lá trà để lâu) 8gr.

- Lá xăm số 22: Đào diệp 7 lá, ô mai 1 trái.

- Lá xăm số 23: Sữa người 1 chén, gạo (để lâu) 1 nắm.

- Lá xăm số 24: Con trai dùng thắt lưng nữ, con gái dùng thắt lưng nam, buộc lại.

- Lá xăm số 25: Lá, hoa cây đoan dương 4gr, rượu tốt 1 chén sắc uống.*

- Lá xăm số 26: Hạnh nhân 8gr.

- Lá xăm số 27: Cốc tinh 12 gr, quyết minh tử 12gr.

- Lá xăm số 28: Hành sống 3 cọng cả rễ.

- Lá xăm số 29: Toàn yết (con bọ cạp) 3 con (bỏ đầu với chân).

- Lá xăm số 30: Ngộ tiết thảo 20gr.*

- Lá xăm số 31: Hà diệp 12gr, xuyên khung 12gr.
- Lá xăm số 32: Không dùng thuốc, dăng lên 2 đồng tiền nhang đèn.
- Lá xăm số 33: Mật mông hoa 20gr.
- Lá xăm số 34: Bối mẫu 8gr.
- Lá xăm số 35: Cây đòn gánh 12gr.
- Lá xăm số 36: Hồ đào nhục 12gr.
- Lá xăm số 37: Dăng lên 2 đồng tiền nhang đèn, xin xăm lại.
- Lá xăm số 38: Bạch cúc hoa 10 bông, lão trà 8gr.
- Lá xăm số 39: Khổ định trà 12gr.
- Lá xăm số 40: Ngộ tiết 12gr, đậu xanh 8gr.*
- Lá xăm số 41: Đương quy 8gr.
- Lá xăm số 42: Xa trục mộc (trục xe ngựa) 8gr.*
- Lá xăm số 43: Tố lao đường, thốn đầu (?) một ít.*
- Lá xăm số 44: Đậu xanh 8gr, hạnh nhân 8gr.
- Lá xăm số 45: Cuống lá tía tô 4gr.
- Lá xăm số 46: Hoàng cầm 4gr, thanh bì 4gr, phục linh 4gr.

- Lá xăm số 47: Bạch cúc hoa 12gr, đồng tiền (nước tiểu trẻ em) 1 chén hòa uống.
- Lá xăm số 48: Không dùng thuốc, dùng hai tay ôm đầu gối vái 49 lần, uống thường xuyên trà ô long tự khỏi.
- Lá xăm số 49: Mộc thông 12gr, đấng tăng 2gr.
- Lá xăm số 50: Trần bì (vỏ quýt) 12gr, chỉ xác (vị thuốc) 12gr, bán hạ 12gr.
- Lá xăm số 51: Tạo giác (bồ kết) nhiều ít tùy bệnh, nấu nước rửa.
- Lá xăm số 52: Tử kim đĩnh 1 cây, uống (bôi).*
- Lá xăm số 53: Tóc trẻ con đốt thành than, ninh thần hoàn, dùng rượu tốt uống.
- Lá xăm số 54: Dùng hai tay ôm lấy vai xuống đến dưới gối, vận động cơ thể, dâng lên 2 đồng tiền nhang đèn.
- Lá xăm số 55: Toàn phúc hoa 8gr.
- Lá xăm số 56: Đạm trúc điệp 12gr.
- Lá xăm số 57: Tro lư hương 4gr, dương quy thân 4gr, 15 cái chung, đứng yên, cảm tạ thần linh.
- Lá xăm số 58: Không dùng thuốc, ngày mai xin lại thuốc uống.

- Lá xăm số 59: Chính vân liên 3gr, trả hết lễ xin trước đây.*
- Lá xăm số 60: Bông tươi sống 4gr, xuyên bối mẫu 4gr.*
- Lá xăm số 61: Hương phụ (hạt) 8gr.
- Lá xăm số 62: Bụi cát trên cột nhà 4gr, rượu tốt sắc chung.
- Lá xăm số 63: Mâm la bạc (mâm cây cà rốt) 8gr, trần bì 8gr.
- Lá xăm số 64: Bách bộ 40gr, hạnh nhân 4gr.
- Lá xăm số 65: Bách bộ 40gr nấu nước rửa vào chỗ bị bệnh.
- Lá xăm số 66: Quế chi (hướng đông) 8gr.
- Lá xăm số 67: Huyền hồ 8gr, dấm (lâu ngày) 1 chén.
- Lá xăm số 68: Bá tử nhân 8gr (bỏ dầu).
- Lá xăm số 69: Đương quy phiến 8gr, trùng tiết 8gr.*
- Lá xăm số 70: Khăn của con gái chưa chồng (khuê nữ) 1 tấm rửa sạch, sau đó dùng rửa chỗ bị bệnh. (Theo người dịch: Bởi vì ngày xưa con gái chưa chồng nề nếp lắm. Con gái thuộc về âm thuần nhất, chắc chắn bệnh này thuộc về dương).

- Lá xăm số 71: Hạnh nhân 8gr.
- Lá xăm số 72: Nam tinh 8gr.
- Lá xăm số 73: Xuyên khung 4gr.
- Lá xăm số 74: Đường cát 4gr, kim anh tử 4gr.
- Lá xăm số 75: Mộc nhĩ 20gr.
- Lá xăm số 76: Sa sâm 8gr.
- Lá xăm số 77: Phôi heo 1 cái, lõi bạch thái một ít nấu ăn.
- Lá xăm số 78: Sài hồ bắc 8gr.
- Lá xăm số 79: Thị sương (bánh làm từ trái hồng) 4gr, xuyên khung 4gr.
- Lá xăm số 80: Qua lâu bì 4gr, hạnh nhân 4gr.
- Lá xăm số 81: Lão trà 1 chén, nước 1 chén. *
- Lá xăm số 82: ...Chi tử 8gr, bào khương 8gr.*
- Lá xăm số 83: Hạt ngô đồng 40gr đốt thành than, hòa nước ấm uống.
- Lá xăm số 84: Mộc tặc 4gr, dạ minh sa (phân con dơi chữa sáng mắt) 8gr.
- Lá xăm số 85: Hợp hoan bì (chữa chứng buồn bã, bực bội, mất ngủ) 8gr, mẫu đơn bì 8gr.*
- Lá xăm số 86: Bạch cúc hoa 8gr, khiếm thực 8gr.*

- Lá xăm số 87: Bạch thược (chữa bệnh âm) 12gr, cát cánh 12gr.
- Lá xăm số 88: Mộc thông 8gr, phục thần 8gr, sài hồ 8gr.
- Lá xăm số 89: Bạch truật 8gr, hoài sơn 8gr, phục thần 8gr.
- Lá xăm số 90: Kỷ tử 8gr, ý dĩ 8gr.*
- Lá xăm số 91: Lá trà 8gr, trần bì 8gr, đạm trúc điệp 12gr.*
- Lá xăm số 92: Ngũ gia bì 8gr, phòng kỷ 8gr.
- Lá xăm số 93: Quan lâu nhân 8gr, bạch thược 8gr, khai đông phiến 8gr.*
- Lá xăm số 94: Phòng phong 4gr, lá trà 4gr, bạch chỉ 4gr.
- Lá xăm số 95: Bạch truật 4gr, phục linh 8gr, cam thảo 4gr, đương quy 8gr.
- Lá xăm số 96: Tim heo 1 cái, thần sa 4gr.
- Lá xăm số 97: Hắc chi ma (mè đen), đường cục làm thành kẹo ăn.
- Lá xăm số 98: Đào nhân 8gr, sao toan táo nhân 8gr.

- Lá xăm số 99: Mộc qua 12gr, tục đoạn 12gr. *

- Lá xăm số 100: Huyền sâm 4gr, mộc thông 4gr, thăng ma 4gr.

- Dâng lên 2 đồng tiền nhang đèn.

Qua lời dịch của 100 lá xăm thuốc cho thấy sau khi xin xăm, người bệnh sẽ căn cứ vào những vị thuốc được nêu trên lá xăm đem ra cho người giải xăm ở Thiên Hậu cung bốc thuốc theo liều lượng đã qui định. Tuy nhiên, vì lá xăm thuốc được hiểu như bà Thiên Hậu “bắt mạch kê toa” cho nên thỉnh thoảng ngoài vị thuốc Bắc còn có những vị thuốc đặc biệt là “sự thể hiện thành tâm và niềm tin đối với thần linh”. Ngày nay, bài thuốc dân gian này không còn phù hợp, nhưng trong quá khứ nó là phương thuốc “thần” chữa trị được thể bệnh và tâm bệnh.

Có thể thấy, mối liên hệ giữa các nhóm trong bang Họ - Sùng Chính thể hiện thông qua nghề nghiệp, đặc biệt liên quan đến truyền thuyết về nguồn gốc lễ Làm Chay của cộng đồng. Với chi tiết cụ thể là bà Thiên Hậu nhập đồng phán dạy tìm 100 vị thuốc trên núi Bửu Long để trị dịch bệnh hoành hành và 100 lá xăm thuốc còn lưu lại ở Thiên Hậu cung cho đến nay (đã được dịch như trên).

* * *

CHƯƠNG III

M.IẾU TỔ SƯ VÀ CÁC M.IẾU VỆ TINH CỦA BANG HẠ BIÊN HÒA

Trong lộ trình đoàn rước nghinh thỉnh chư thần về dự lễ Làm Chay, Ban Tổ chức lễ luôn cung thỉnh bài vị các vị thần ngự ở các miếu như: miếu Cây Quăn, miếu Bà Thánh (miếu Tiên Cơ), Thiên Hậu cung. Những miếu này được xem như các miếu vệ tinh của miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu) cấu thành nội dung trong diễn trình lễ hội Làm Chay ở Biên Hòa trong suốt thời gian qua.

Trước đây, miếu Tổ Sư là miếu nhỏ vị trí ở nghĩa từ bang Hạ (chỗ hai con rồng ngày nay). Sau này người ta xây dựng mới ở vị trí hiện nay (9 năm mới xong), khi hoàn thành người ta thỉnh bà Thiên Hậu vào thờ. Trước kia người Hạ làm đá ở Tân Lại, Tân Thành phía ngoài con rồng, còn khu vực miếu Tổ Sư ngày nay là địa bàn người Việt làm gạch ngói. Sau này, người Hạ mới đi lên khu vực này và do khai thác đá ở ngay trên núi Bửu Long, rồi vận chuyển xuống ngay dưới chân núi, vì vậy thuận tiện để xây dựng chùa ngay đó. Khu vực làm đá của người Hạ cũng gồm hai khu vực: Bửu Long là

khu vực khai thác đá, chẻ đá phục vụ xây dựng, còn khu vực ngoài là điêu khắc đá. Trước đây, việc vận chuyển đá đi ghe đưa xuống miền Tây bán đều do phụ nữ đảm nhiệm, còn đàn ông thì khai thác và chế tác tại chỗ.

I. MIẾU TỔ SƯ (THIÊN HẬU CỔ MIẾU)

Nằm trong khuôn viên Khu du lịch Bửu Long thuộc khu phố 5, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa, miếu Tổ Sư hay Thiên Hậu cổ miếu (mà dân gian quen gọi là chùa Bà) là một trong những cơ sở tín ngưỡng thờ Tổ Sư nghề thủ công của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa đến sinh cơ lập nghiệp cách nay hơn 300 năm.

1. Tên gọi miếu

Nguyên thủy, đây là ngôi miếu nhỏ được những người Hoa bang Hẹ làm nghề đá ở Bửu Long dựng lên để thờ ba vị Tổ nghề đá, mộc và rèn, do vậy miếu có tên gọi ban đầu là miếu Tổ Sư. Ngoài các vị Tổ sư nghề, sau này Hội đồng bang Hẹ thỉnh thờ bà Thiên Hậu từ miếu Cây Quăn và Quan Thánh Đế quân để thu hút khách hành hương từ khắp nơi đến phúng viếng. Do tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu phổ biến và lòng tin vào sự linh ứng của Bà rất mau nhiệm nên dần dần người Hoa coi đây như trú sở thờ Bà một cách chính thức, chứ không chỉ là đối tượng được phối tự với các vị Tổ nghề, bởi thế tên miếu Tổ Sư dần được đổi thành “Thiên

Hậu cổ miếu” với những nghi lễ tín ngưỡng đặc thù tồn tại đến nay.

2. Lịch sử xây dựng và thời gian trùng tu

Theo truyền lại, miếu được xây dựng cách nay trên 200 năm, người ta không nhớ chính xác nó được xây dựng vào năm nào nhưng có lẽ vào khoảng cuối thế kỷ XVIII đến đầu thế kỷ XIX. Năm Giáp Ngọ (1894) miếu được đại trùng tu có kiến trúc hiện tồn với vật liệu chính là đá xanh Bửu Long cùng với chùa Ông (Thất Phủ cổ miếu) ở Cù lao Phố. Sang thế kỷ XX, miếu được tu sửa vào các năm 1904, 1924, 1941, 1967, 1970 với các hạng mục như: xây thêm một số bệ thờ, làm một số bao lam, liễn đối bằng gỗ, trang bị thêm đồ thờ cúng (lư hương, chân đèn, làm nhà võ ca).

Trải qua thời gian đại trùng tu khá lâu, miếu Tổ Sư đã được tu sửa nhỏ vài lần... Năm 1992, trùng tu lại mái, thay mái ngói âm dương cũ, gắn một số tượng gốm như rồng châu nhật nguyệt, lý ngư hóa rồng, tượng bà Nguyệt (thay tượng cũ bị mất cắp). Năm 2001, Ban Trị sự cho lợp lại tôn giả ngói hai dãy nhà khách thay ngói cũ đã mục nát, sơn phết hoành phi liễn đối, xây hàng rào cao hơn, tu sửa sân, chỉnh trang khuôn viên sạch đẹp. Cuối năm 2006, tháo bỏ nhà võ ca, dựng nhà vòm, rộng rãi và thông thoáng, là nơi dựng đàn chay vào mỗi dịp đáo lệ Làm Chay.

3. Kiến trúc miếu

Miếu Tổ Sư tọa lạc trên một diện tích rộng lớn khoảng trên 1.000m² nằm sát tỉnh lộ 24 đường đi Vĩnh Cửu. Miếu có kiến trúc hình “cái ấn” với hai lớp mái kiểu thiềm trùng điệp ốc, kiến trúc đặc thù của chùa, miếu người Hoa gồm một tổ hợp bốn dãy nhà liên kết với nhau tạo thành mặt bằng có hình chữ “khẩu” hoặc chữ “quốc”, tạo ra một khoảng không gian ở giữa miếu gọi là sân thiên tỉnh. Diện tích nội điện khoảng 150m² (10m x 15m), hai bên nội điện có hành lang và các dãy nhà phụ dùng làm trụ sở Ban Quản trị miếu, nơi tiếp khách, hội họp, nhà hậu Tổ và nhà bếp... Nội điện miếu gồm Tiền điện, Trung điện và Chánh điện.

Miếu được xây hoàn toàn bằng đá từ lan can, cột vách, khuôn cửa đến cổng, tường rào xung quanh miếu. Mặt tiền miếu quay về hướng tây nam (hướng sông Đồng Nai), khuôn viên miếu có hai cổng: cổng tam quan ở ngoài và cổng nhỏ bên trong. Cổng ngoài lợp ngói đầu mái uốn cong, trang trí các tượng gốm lưỡng long tranh châu và cá hóa long. Giữa cổng có các chữ Hán và Việt “Thiên Hậu cổ miếu”- “Chùa Bà Bửu Long” để giới thiệu người xem bước vào bên trong.

Qua khỏi cổng tam quan là sân cỏ rộng đến khuôn viên miếu, xung quanh có tường đá xây cao ngăn cách không gian miếu chính với bên ngoài. Cổng bên trong cũng được xây

bằng những viên đá xanh kích thước lớn, trên có gắn bảng tên “Thiên Hậu cổ miếu” được sơn chữ vàng, nền đỏ nổi bật dưới tán cây bồ đề đại thụ.

4. Sân miếu

Do miếu được xây dựng nằm khuất bên trong, nên phải mất một đoạn khoảng gần 100m đi từ cổng ngoài đến cổng trong miếu. Qua khoảng sân rộng là đến cổng trong miếu. Sân miếu rộng rãi, giữa sân có lư hương lớn bằng đá. Ngoài ra, còn có một sân khấu lớn có mái che là nơi tổ chức lễ hội hoặc diễn các tuồng tích, giống nhà võ ca là nơi lập đàn làm lễ chay. Ngày nay, được lợp tôn che kín mái và dựng vách dùng làm nơi tổ chức cúng chay vào mỗi dịp lễ hội.

Phía sau sân khấu gần cổng miếu là am thờ Thổ thần và Thiên Quan Tứ Phước. Năm 2005, Ban Trị sự Miếu tôn tạo nơi này, cho xây dựng một hồ nước hình bán nguyệt thả sen, giữa hồ là kiến trúc chùa một cột thờ Thổ thần và Thiên Quan Tứ Phước. Công trình mới này cũng được kiến trúc hoàn toàn bằng đá, tạo thêm cảnh trí thơ mộng cho không gian miếu. Nơi góc trái sân có một tháp nhỏ bằng đồng dùng để đốt giấy tiền vàng bạc được chuyển từ miếu ra.

5. Tiền điện

Tiền điện là mặt tiền bên ngoài miếu, có diện tích 39,5m² (4,71m x 8,4m) gồm ba gian hai mái ngang, lợp ngói

âm dương tiểu đại hay còn gọi là ống ngũa, cuối mái có đường riềm hình lá bồ đề và hoa văn dây leo màu xanh. Đây là kiểu mái đặc trưng trong công trình kiến trúc tín ngưỡng người Hoa.

Gây ấn tượng đối với khách tham quan khi đến đây với kiến trúc mặt tiền như một bức tranh sơn thủy hùng vĩ. Trên hai lớp mái, hàng trăm tượng gốm nhỏ, sắc sảo được gắn chi chít. Đây chính là quần thể tiểu tượng gốm đặc trưng thường được trang trí trên các mái chùa miếu Hoa, giống như quần thể tiểu tượng gốm trên nóc đình Tân Lâm (thờ Đức Ông Trần Thượng Xuyên), ở chùa Ông (Cù lao Phố) và chùa Bà-Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh).

Các cụm tiểu tượng gốm được bố trí trên dưới gồm: một dãy hậu cảnh là các lầu đài hai ba tầng, tòa ngang dãy dọc, có người đứng ở khung cửa và tiền cảnh là từng nhóm người đang hoạt động theo một điển tích hoạt cảnh sinh hoạt đời thường, chúng được bố trí xen kẽ những ô trang trí nối tiếp nhau. Những tiểu tượng có nội dung rất phong phú thường là các điển tích Trung Quốc như: lưỡng long tranh châu, kỳ lân, cảnh thiếu nữ gieo cầu, diễn võ đài, cảnh triều bái, rước xách, tiễn đưa, diễn hí - tấu nhạc, cảnh vinh quy bái tổ, cảnh uống rượu đánh cờ, cảnh đề thơ ngâm vịnh, bát tiên cưỡi mây lướt gió, cảnh thiên đình đang hội triều... Hai bên có phù điêu hoa cúc, hoa mai. Màu men ở quần thể tiểu

tượng gồm với bốn màu chủ đạo: màu xanh lục đậm, xanh cobalt, trắng ngà và nâu hầu hết là sản phẩm của gốm Cây Mai (Chợ Lớn) sản xuất.

Ngoài quần thể tiểu tượng trên mái chùa, hai đầu đao còn có các tượng Ông Nhựt, Bà Nguyệt, tiên đồng ngọc nữ, lân hí cầu... Các tượng gốm tạo nên một sắc thái chủ thể gọi chung là “men lưu ly” hòa vào màu thiên thanh của bầu trời, sáng tươi sắc màu dưới nắng trời nhiệt đới. Dưới diềm mái ngói là các bức gỗ chạm nổi các đề tài trang trí truyền thống như: cúc điệu, điệu – sen, bát bửu, nai lân... Gắn nơi các góc cột trước miếu và đà ngang là các mảng phù điêu hoa cúc, trái đào tiên, phật thủ, lê lựu... chạm bằng đá rất khéo léo, sắc sảo được sơn đủ các màu xanh, hồng, nâu, ca cao, xanh lá cây, vàng... rất sặc sỡ. Đặc biệt hai cặp mãnh sư và lân đá đặt hai bên cửa Chánh điện kỹ thuật điêu khắc đá rất tinh xảo, màu sắc sơn tươi sáng, mạnh mẽ làm tăng thêm vẻ uy nghi cho miếu.

Mặt tiền miếu vẽ các bức tranh họa tiết: cúc – trĩ, sơn thủy, đồng quê, tiên cảnh, tam vị đánh cờ... tạo nên khung cảnh yên bình và là ước mơ khát khao sự may mắn của con người trước điện thờ thần thánh. Trước cửa miếu treo bức nghi môn bằng gỗ chạm nổi điển tích Trung Quốc đề tài “Lục quốc phong tương” với những hình người ở các lầu gác, múa hát cung đình rất sống động; đây là tác phẩm nghệ

thuật được dòng họ Trương thỉnh từ Trung Quốc cúng cho miếu đã hơn 200 năm. Các cột đá trước cửa chạm những bức liên đối, bên trên có hình con dơi biểu hiện sự phúc - tốt lành, may mắn.

Tiền điện kiến trúc hình chữ nhật, quy mô nhỏ, bên trái thờ Phúc Đức Chính Thần và Thần Tài. Nối Tiền điện là Trung điện (sân thiên tĩnh) trước đây đặt lư hương đồng đốt giấy vàng bạc sau vì ngộp khói nên đã chuyển ra ngoài. Hai bên Trung điện đặt hai giá đồ bát bửu (mỗi bên 4 món binh khí).

Tiền điện được bao bọc ba mặt (trước và hai bên tả hữu) là bức tường xây bằng đá, mặt sau không có tường, ăn thông sang Trung điện tạo sự thông thoáng, mát mẻ và liên hoàn không gian nội thất với nhau. Tiền điện được tạo dựng bởi hai hàng 04 cột (hai cột vuông bằng đá ẩn tường phía trước hành lang và hai cột gỗ tốt ở phía trong). Cột gỗ hình tròn, sơn đỏ, có chiều cao 3m90, đường kính 45cm, trên cột khắc liên đối màu vàng, dưới chân cột kê trên chân đế bằng đá tiện tròn để tạo dáng và ngăn sự xâm hại của mối mọt. Đầu hai cột gỗ được nối với hai vì kèo hình chữ nhật bằng gỗ thẳng sang tường có chức năng đỡ toàn bộ mái Tiền điện. Toàn bộ hệ thống xà cột tuy không chạm khắc gì nhưng được sơn đỏ nhìn rất chắc chắn, sống động và sự linh thiêng. Đặc biệt là hệ thống các đầu củng dựa trên đầu cột làm chức

năng kết cấu đỡ mái ra xa chân cột khá độc đáo. Giữa hai cột đối diện với cửa ra vào tạo thành một cửa khá lớn, có hai cánh cửa gỗ sơn màu đỏ. Theo quan niệm của người Trung Hoa, cửa này có ý nghĩa che chắn, bảo vệ nơi thờ tự linh thiêng của miếu. Phía trên là bức hoành phi cổ kính bằng gỗ khắc chữ Hán “Ngọc tái hoài xuân”, xung quanh chạm trổ rồng, dây lá rất đẹp.

Bước vào Tiền điện phải qua bậc tam cấp và hành lang còn gọi là tiền sảnh rộng khoảng 3m chạy suốt chiều ngang mặt tiền miếu. Hành lang được tạo dựng từ nền, cột đến tường hoàn toàn bằng đá xanh thô Bửu Long. Hành lang có mái được tạo dựng bởi hai cột hình vuông (cạnh 27cm x 27cm, cao 3,26m). Đặc biệt là hệ thống bán vì kèo ở hành lang khá độc đáo. Đối xứng nhau ở hai bên cửa ra vào có các thanh xà ngang (gọi là con sơn) cạnh vuông (20cm x 20cm) bằng đá được đỡ bởi những thanh chống đứng hình khối chữ nhật. Toàn bộ trọng lượng của mái lần lượt được truyền qua các con sơn và khối chống đứng. Con sơn cuối cùng một đầu gác lên cột đá, một đầu gác vào tường chịu toàn bộ trọng lượng phần mái Tiền điện. Hình thức vì kèo này có tên gọi là “chồng dậu” - một hình thức kết cấu mang đặc tính kiến trúc cổ Trung Hoa. Đặc biệt, trên các thanh con sơn được trang trí chạm khắc các đề tài dây lá, cúc, đào, lựu, cảnh rước lọng cung đình, Quan Công phò Nhị Tẩu, tất cả đều làm

bằng đá. Những nét chạm khắc mềm mại làm cho chúng nhẹ nhàng hơn so với công năng phải chịu lực của bộ vì kèo. Trên hai thanh ngang bằng đá ở sảnh đặt hai con sư tử bằng đá trông rất độc đáo và lạ mắt.

Qua khỏi tam cấp là đến cửa (đây cũng là cửa chính ra vào miếu). Khung cửa làm bằng đá xanh nguyên khối (rộng 1m16, cao 2m40), hai cánh cửa bằng gỗ sơn đỏ (cao 2m40, rộng 50cm, cánh cửa dày 5cm), trên hai cánh cửa có đề chữ Hán “Văn Thừa” và “Võ Úy” (quan Văn, quan Võ ngày xưa). Trên hai cột đá hình vuông sát cửa (30cm x 30cm, cao 2m40), khắc chìm cặp liên đối chữ Hán, sơn đỏ với nội dung tôn vinh các vị Tổ nghề:

“Sáng bá nghệ nguyên lưu tượng tâm độc vận;

Thùy thiên thu thẳng mặc sư thị hàm tôn”.

Tạm dịch: Tổ sư đã sáng tạo ra trăm nghề, là cái nguồn cho những người thợ giỏi. Tổ sư là những người dùng dây búng mực, đào tạo những bậc thầy từ ngàn năm qua, chúng ta phải biết tôn trọng.

Phía trên cửa là hoành phi bằng đá khắc chữ Hán màu đỏ “Tiên Sư cổ miếu”, bên trái đề năm trùng tu miếu (năm Quang Tự thứ 20 - tức năm Giáp Ngọ 1894). Đặc biệt trên tường sát miếu có bức tranh vẽ sơn đen diễn tả cảnh sông núi, dây lá ẩn hiện những bài thơ bằng chữ Hán viết thảo tạo

vẻ sang trọng nhưng uyển chuyển, cổ kính như dẫn dắt du khách đến nơi thanh nhàn cực lạc. Có thể nói, người Hoa đã dùng vật liệu đá xanh Bửu Long để xây dựng miếu Tổ Sư không chỉ vì đá là vật liệu bền chắc, sẵn có ở địa phương mà còn là nguyên vật liệu tiêu biểu cho nghề thủ công điêu khắc đá để xây dựng cơ sở tín ngưỡng thờ Tổ nghề. Nguyên liệu đá còn là nguyên liệu tự nhiên, vừa thể hiện tài nguyên thiên nhiên sẵn có, vừa là dấu tích thể hiện tài hoa của người thợ đá bang Họ. Kiến trúc đá biểu hiện của sự bền vững tồn tại qua thời gian và không gian. Mặt khác, kiến trúc đá còn tiêu biểu cho nơi thờ tự thần linh, cụ thể là Tam vị Tổ nghề và các thần linh phối tự mà cư dân địa phương tin rằng các vị thần có khả năng che chở, phù hộ cho họ trên bước đường mưu sinh lập nghiệp ở quê hương mới.

6. Trung điện

Trong kiến trúc đền, miếu Hoa bao giờ cũng có phần sân trống ở giữa gọi là sân Thiên tỉnh hay Giếng trời, là nơi thờ trời và đất có diện tích 47,1m (5,61m x 8,4m). Nơi đây được thiết kế sáng sủa là nơi thoát khói vào những dịp lễ hội nhiều người chen lấn để thắp nhang cho thần.

Trung điện gồm ba gian chỉ có hai bức tường tả hữu, mặt trước không có tường bao che mà thông với Tiền điện, mặt sau thông sang Chánh điện. Trung điện có mái kiểu

bánh ít (hai mái chính, hai mái phụ), lợp ngói âm dương ống ngõa tráng men xanh, phía dưới trang trí đường viền hoa văn hình lá bồ đề. Trên bờ nóc mái không trang trí gì, xung quanh mái đều thông thoáng, lộ thiên, đón nhận được nhiều ánh sáng từ thiên nhiên. Theo quan niệm của người Hoa, đây là nơi giao hòa giữa trời đất (âm dương) nơi hội tụ những tinh túy, may mắn nhất của trời đất mang lại cho con người. Mái Trung điện thấp hơn mái Tiền điện và Trung điện tạo cho hệ thống mái miếu Tổ Sư chỗ thấp, chỗ cao (trùng thiềm điệp ốc) gây ấn tượng cho người thưởng lãm.

Nền Trung điện có cấu tạo thấp hơn so với các gian khác khoảng 20cm, lát gạch men xanh. Ở giữa là hai tấm đan bằng đá xanh trang trí hoa văn, có thể mở nắp dễ dàng, phía dưới là hệ thống thoát nước cho toàn mái sau Tiền điện và mái trước của Trung điện.

Gian Trung điện được tạo dựng bởi hai hàng bốn cột đá cạnh vuông cao 4,2m, cạnh 27cm x 27cm. Trên mỗi cột đều treo liền đối chữ Hán, phía trên ngang là các bức hoành phi bằng gỗ nền đen chữ vàng nội dung hướng đến sự tốt lành cho cả người Hoa và Việt. Ở tường bên tả Trung điện có cửa gỗ thông sang nhà thờ các vị tiền bối, kho nhang đèn có kích thước ngang 90cm, cao 1m76, trên cửa treo bức hoành phi: “Thiên cổ nhất nhân” (*tạm dịch: Từ ngàn năm nay chỉ có một người - Quan Vũ*). Bên hữu Trung điện là cửa thông

sang nhà khách, bếp, có kích thước bằng bên tả, bên trên là bức hoành phi “Hải quốc trường xuân” (tạm dịch: *Hải quốc (Việt Nam) luôn tươi như mùa xuân*)¹.

7. Chánh điện

Chánh điện có diện tích 69m³ (8,21m x 8,4m), tường xây bằng đá dày 40cm rất chắc chắn, bền vững. Các cột ở giữa được dựng bởi hai hàng với 6 cột (4 cột hình vuông bằng đá có kích thước 4,76m, đường kính 45cm), chân cột kê trên đá tảng vuông để chống mối mọt. Nền lót gạch hoa màu xanh, trắng. Chánh điện lợp hai mái ngói âm dương ống ngõa men xanh, trên bờ nóc trang trí lưỡng long tranh châu tượng trưng cho mưa thuận gió hòa, cuộc sống ấm no, hạnh phúc.

Chánh điện xây kín ba mặt tường, mặt trước ăn thông với Trung điện, do vậy không gian nơi đây rất ấm cúng, kết hợp với khói hương nghi ngút bao phủ các bức hoành phi, liễn đối, hoa văn chạm trở tinh vi, đầy tính chất nghệ thuật.

Phần Chánh điện là nơi quan trọng nhất. Nội thất Chánh điện chia làm ba gian, có ba bàn thờ. Gian giữa thờ Tam vị thánh Tổ: Ngũ Đẳng Tiên sư (Tổ nghề đá), Uất Trì

¹ Hồ sơ Miếu Tổ Sư, Ban Quản lý Di tích danh thắng tỉnh, 2007, tr.11-12.

Tiên sư (Tổ nghề rèn) và Lỗ Ban Tiên sư (Tổ nghề mộc), các tượng đều được làm bằng đá xanh kích thước khá lớn. Ba tượng đá tư thế ngồi trên ngai (cao 1,05m, ngang rộng 60cm), tay phải cầm kiếm bằng sắt dài 70cm. Áo trang trí hoa văn theo kiểu võ quan phục, bên ngoài khoác xiêm y, niên đại từ khi thành lập miếu đặt trong khám thờ bằng đá xanh. Xung quanh khám thờ chạm khắc đề tài rồng châu mặt trời, dây leo, hoa lá, chim điểu, tùng, cúc, trúc, mai... tạo nên giá trị mỹ thuật cho điện thờ. Gian bên phải Chánh điện thờ Thiên Hậu Thánh mẫu (bằng gỗ) phối tự Thiên Long Nhân và Thuận Phong Nhi. Gian bên trái thờ Quan Thánh Đế quân (bằng gốm) phối tự Châu Xương và Quang Bình. Trước ba khám thờ chính còn có ba bàn hương án kiểu cuốn thư (thủ quyển) bằng đá xanh Bửu Long được mài láng nhẵn nhụi do thợ đá địa phương phụng cúng tháng 1 năm 2002, dùng để sắp các đồ cúng lễ.

Nội thất Chánh điện có kết cấu bằng đá và gỗ, ngoài bốn cột gỗ tròn nơi bức chắn trước Tiền điện và hai cột nơi gian cuối, còn lại 6 cột vuông ở giữa đều bằng đá mỗi cạnh 30cm. Xiên, kèo, đòn tay bằng gỗ sao rất chắc chắn đỡ các rui mè lợp ngói âm dương trên mái chùa. Nối các cột giữa Chánh điện là các bao lam bằng gỗ được chạm lõng chi tiết, sắc sảo những đề tài trang trí như hoa điểu, trúc tước, dây hoa lá cách điệu tạo nên sự mềm mại, uyển chuyển đầy mỹ

thuật cho không gian nội thất ngôi miếu đá. Trên các đầu cột và xà ngang, đều có treo các bức hoành phi và liễn đối chữ Hán bằng gỗ chạm khắc rất khéo léo, công phu. Nội dung các câu đối này phần lớn ca tụng về tài đức của các vị Tổ nghề, số ít nói về bà Thiên Hậu, ngoài ra còn có nhiều câu có nội dung nhắc nhở những người làm nghề đá cần thận giữ lấy nghề với tâm chính, đức độ. Một số nội dung trong hoành phi và liễn đối như:

- “Thần ân tỵ hựu”, dịch nghĩa: *Ơn của thần linh che chở và phò hộ cho người dân.*

- “Ba ân tổ đức”, dịch nghĩa: *Ơn của bà Thiên Hậu và đức của Tổ sư.*

Câu đối:

- “Tinh công diệu đặc quy củ chí kim vô song sĩ. Mặc thẳng xảo tạo tự cổ truyền lưu đệ nhất nhân”.

Tạm dịch: Tổ sư là người làm ra tác phẩm tinh xảo, đo đạc khéo léo, mọi việc đều rất khuôn mẫu, cho đến ngày nay không có người thứ hai (giỏi ngang hàng). Tổ sư là người sử dụng dây và mực để tạo ra tác phẩm tinh xảo, ngài được xem là người giỏi nhất được lưu truyền từ xưa đến nay.

Bộ khung, vì kèo ở Hậu điện mang đậm kiến trúc Trung Hoa theo lối “chồng rường, giá chiêng”. Tuy không có chạm khắc, trang trí gì nhưng được sơn đỏ làm cho bộ khung, vì kèo nhìn rất khỏe khoắn, cổ kính và linh thiêng.

Hai bên khám thờ là cặp liễn đối được khắc chìm trong đá, dát vàng lá với nội dung như sau:

“Diệu thủ tu thành kim bửu điện;

Tinh công xảo tạo ngọc long châu”

(Tạm dịch: Bàn tay khéo léo của Tổ sư đã xây dựng ngôi điện vàng ngọc; Việc làm tinh xảo, xây dựng khéo léo tạo nên ngôi miếu xinh đẹp như con rồng bằng ngọc).

Phía trước khám là bệ thờ bằng đá, bên trên đặt bát nhang, bình bông, đèn thờ dạng “thất tinh”.

Hai bên khám là cặp liễn đối dát vàng trên đá, nội dung ca ngợi công đức và tình nghĩa của Quan Thánh Đế quân đối với các bậc tiền nhân:

“Nghĩa lẫm nhất tâm phò Hán đỉnh

Thần lưu thiên cổ ngưỡng đào viên”

(Tạm dịch: Cái nghĩa lẫm liệt (của Quan Vũ) một lòng phò hộ cho nhà Hán; Cái khí (của Quan Vũ) đã lưu danh

ngàn năm khiến người ta rất ngưỡng mộ tình nghĩa chốn đào viên).

Phía trước khám là bệ thờ bằng đá, bên trên đặt bát nhang, bình bông, đèn thờ dạng “thất tinh” giống như gian thờ Tam vị Tổ nghề.

Gian bên phải thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, hai bên có Thiên Lý Nhân và Thuận Phong nữ. Các pho tượng làm bằng xi măng. Tượng được mặc những bộ xiêm y đủ màu sắc lộng lẫy, đầu đội mào miện hai bên có trái châu rủ xuống. Trước khám cũng là bệ thờ bằng đá, bên trên đặt bát nhang, bình bông, đèn thờ kiểu “thất tinh”. Hai bên khám là cặp liễn đối chữ Hán nhũ vàng trên đá với nội dung:

“Vạn phái hồi lan y hậu đức;

Thiên thu trú tự tụng từ hàng”

(Tạm dịch: Mọi người nhớ ơn bà Thiên Hậu đã chống đỡ làn sóng dữ và nguyện noi theo cái Đức của bà; vì vậy mọi người cùng xây dựng lên đèn thờ để ca tụng chiếc bè từ của bà)¹.

Có thể nói, Chánh điện là trung tâm của miếu nên bài trí nhiều hạng mục và trang trí nhiều sản phẩm điêu khắc

¹ Hồ sơ miếu Tổ Sư, Ban Quản lý Di tích danh thắng tỉnh, 2007, tr.14.

nghệ thuật. Các khám thờ trang trí hoa văn tỉ mỉ với nhiều họa tiết truyền thống tiêu biểu của thợ điêu khắc đá bang Họ ở Biên Hòa xưa.

8. Gian thờ Tiền bối

Bên phải của miếu là gian thờ Tiền bối (diện tích 1,1m x 2,06m), phía trên có dòng chữ Hán “Như sở đề an” vào Nhà thờ các vị tiền bối. Đây là dãy nhà ngang ba gian diện tích khoảng 87,9m. Hai mái lợp tôn giả ngói, màu đỏ nâu, nền lát gạch bông, tường xây bằng đá xanh, dày 40cm. Toàn bộ mặt trước Nhà tiền bối quay mặt vào gian nhà chính giữa thông sang Trung điện qua hành lang rộng 3m và một lối nhỏ. Phía trên các cột là hệ thống bao lam gỗ sơn màu giả đồng trang trí đề tài chim muông, cây cỏ, hoa lá... Gian ngoài cùng được ngăn cách với hai gian trong bởi bức tường đá dày 40cm, có một lối đi nhỏ cánh cửa bằng gỗ sơn màu đỏ thông qua, nơi đây được sử dụng làm kho nhang đèn. Hai gian trong thông thoáng với nhau. Ở chính giữa tường gian cuối cùng đặt bàn thờ các vị Tiền bối có công đóng góp tiền của trùng tu ngôi miếu thờ.

9. Nhà khách và nhà bếp

Từ sân trong của miếu đi qua một cửa sắt sơn đỏ có kích thước như cửa nhà thờ các vị Tiền bối, phía trên cửa sổ có dòng chữ Hán “Thiên hạ thái bình” bước vào nhà khách

và nhà bếp. Căn nhà có diện tích khoảng 251,6m, kiến trúc giống hệt nhà thờ các vị Tiên bối. Đây cũng là dãy nhà ngang gồm ba gian, tường xây bằng đá xanh Bửu Long, dày 40cm, hai mái ngang lợp tôn giả ngói màu đỏ nâu, bộ khung vì kèo bằng sắt sơn đỏ, nền lót gạch men xanh, trắng. Toàn bộ mặt trước nhà khách và nhà bếp để trống, không có cánh cửa, quay mặt vào điện thờ chính thông qua Trung điện bằng một hành lang rộng khoảng 3m. Mặt trước nhà là hệ thống bao lam bằng gỗ sơn giả đồng, trang trí họa tiết chim muông, cây cỏ, hoa lá... Gian ngoài cùng ngăn cách bởi tường đá được sử dụng làm nhà bếp, hai gian còn lại được sử dụng làm nhà khách. Nơi đây dùng để tiếp đón khách trong những ngày lễ trọng đại của miếu.

10. Giá trị nghệ thuật

Thiên Hậu cổ miếu không những có giá trị lịch sử mà còn là di tích độc đáo về kiến trúc nghệ thuật. Đây là ngôi miếu duy nhất ở Đồng Nai thờ “Tam vị Tổ sư”, các bộ tượng được tạo tác bằng đá, là sản phẩm của nghề điêu khắc thủ công truyền thống của người Hoa bang Họ. Nghệ thuật kiến trúc miếu Tổ Sư độc đáo bởi hệ thống vì kèo chông rường giá chiêng với sự kết hợp khéo léo giữa đá và gỗ. Quần thể tiểu tượng gồm Cây Mai trên bờ nóc mái đã tạo nên nét đặc sắc của ngôi miếu thờ Tổ nghề của người Hoa. Hệ thống bao lam, hoành phi liên đối chạm trổ các đề tài lưỡng long tranh

châu, rồng vờn mây trên gỗ và đá là những mảng phù điêu tinh xảo. Đặc biệt, những hoa văn dây lá, tứ quý, lưỡng long... chạm nổi trên các khám thờ bằng đá làm cho người xem luôn thán phục trước tài nghệ của người thợ đá đã góp phần tạo nên công trình nghệ thuật vượt thời gian hơn ba thế kỷ qua.

Các tác phẩm điêu khắc đá, chạm khắc gỗ, phù điêu, tượng tròn bài trí ở miếu đều hàm chứa tính triết lý nhân sinh sâu sắc của người Trung Hoa. Đặc biệt các mảng phù điêu thực vật trang trí Tiền điện miếu như: Trái đào hay “thọ đào” với ý nghĩa trường thọ, sống lâu, bền vững. Phật thủ là một loại trái cây thuộc họ cam bưởi, nhưng hình dáng giống như một bàn tay với các ngón hơi duỗi ra, dân gian gọi là “Phật thủ” (tức là bàn tay Phật). Quả thạch lựu được bổ làm đôi, lộ ra một nửa quả có rất nhiều hạt, mang ý nghĩa “lựu khai bách tử” (tức là lựu nở nhiều con). Trái thạch lựu được điêu khắc trên mảng phù điêu bằng đá xanh trước Thiên Hậu cổ miếu (miếu Tổ Sư). Đây cũng là sản phẩm đá của lớp nghệ nhân tài hoa bang Hẹ vào những thế kỷ trước đây. Lớp nghệ nhân này đã từng tung hoành dọc ngang đem tài năng và bàn tay khéo léo của mình tạo nên nhiều công trình đá nghệ thuật trang trí chủ yếu ở các đền miếu người Hoa Nam bộ. Sản phẩm tượng thờ bằng đá ghi dấu ấn phát triển của nghệ nhân làng đá Bửu Long trong việc trang trí làm đẹp

cho kiến trúc đền miếu, mộ táng, sản phẩm sinh hoạt của thợ đá Bửu Long xưa kia.

Miếu Tổ Sư (hay Thiên Hậu cổ miếu) không những có giá trị về kiến trúc, điêu khắc mà còn sở hữu nhiều cổ vật quý hiếm, có giá trị lịch sử văn hóa cần được bảo tồn, giữ gìn và phát huy trong quần chúng nhân dân.

Cùng với những giá trị về kiến trúc nghệ thuật và sự lan tỏa của tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu cùng với những lễ hội tiêu biểu, độc đáo góp phần tạo cho miếu Bà có một vị trí quan trọng trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng bà con người Hoa ở địa phương. Khách đến tham quan miếu Bà không những được thưởng lãm về vẻ đẹp của miếu, thưởng lãm về sản phẩm nghệ thuật tài hoa khéo léo của người thợ đá, thợ gốm mà còn có thể ước vọng những điều may mắn trong cuộc sống nhằm gắn kết tín ngưỡng dân gian trong truyền thống văn hóa của các dân tộc.

Khách đã một lần đến đây sẽ không thể bỏ qua địa điểm dừng chân lý thú trong khu du lịch Bửu Long đầy vẻ thơ mộng quyến rũ. Di tích Thiên Hậu cổ miếu Bửu Long mang nhiều giá trị nghệ thuật đã được xếp hạng Di tích Kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh và là một trong những tuyến tham quan thuộc địa bàn Khu Du lịch Bửu Long ở Biên Hòa, Đồng Nai.

II. MIẾU CÂY QUẢN (MIẾU THIÊN HẬU)

Miếu Cây Quản (còn có tên gọi là miếu Thiên Hậu), nằm sát mé sông, thuộc địa bàn tổ 25, khu phố 4, phường Bửu Long sát mé sông Đồng Nai ngó ra cù lao Rùa bên kia sông. Đây là cơ sở tín ngưỡng do người Hoa thuộc bang Hẹ ở Bửu Long xây dựng. Thời gian xây dựng miếu không xác định cụ thể nhưng chắc chắn cơ sở này được xây dựng sớm, có thể trước hoặc cùng với thời gian xây dựng Thiên Hậu cổ miếu. Một số người dân trong vùng cho rằng miếu được xây dựng cách nay trên 150 năm.

Về tên gọi là miếu Cây Quản do phía trước miếu có một cây quản lớn, nên người dân địa phương gọi miếu theo tên này và để phân biệt với các miếu thờ Thiên Hậu khác trong vùng¹. Cây quản thân to xù xì, lá dài mỏng, đầu nhọn, cành lá sum suê và nhẵn láng có gân đối xứng giống lá cây lộc vừng. Cây quản lớn đó còn gọi là cây quản già mọc sát mé sông, lâu ngày bờ sông bị sạt lở nên đã tróc toàn bộ gốc cây quản già trôi ra sông. Hiện nay, trước ngôi miếu còn lại một cây quản con mọc khá xanh tốt gần vị trí cây quản già trước đây.

¹ Khu vực Bửu Long có 5 ngôi miếu thờ Thiên Hậu của cả người Hoa và người Việt.

Kiến trúc miếu hình chữ Nhất (—), quy mô nhỏ. Tường vách miếu được xây bằng loại đá xanh chẻ do nhưng người thợ đá Bửu Long thực hiện. Cơ sở tín ngưỡng này đã trải qua nhiều lần tu bổ. Hiện nay, cấu trúc ban đầu của miếu vẫn còn được bảo lưu nhưng được tôn cao hơn. Vào năm 2000, mái ngói của miếu trước đây được thay bằng vật liệu tôn. Năm 2002, miếu được tu sửa lại như hiện nay. Chân tường xây bằng đá xanh kích thước lớn cao khoảng 1 mét, phần trên là tường gạch, mái lợp tôn giả ngói. Đỉnh mái gắn tượng gốm lưỡng long châu nhật, hai bên gắn cá chép. Trước sân miếu có mái che lợp tôn.

Trước đây Chánh điện miếu có tượng bà Thiên Hậu, sau đã được thỉnh về miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu). Nay Chánh điện miếu xây bệ cao ở giữa đặt tượng Thiên Hậu Thánh mẫu (nhỏ), hai bên phối tự Phúc Đức Thổ thần và Ngũ Hành Thần tiên bằng chữ Hán. Năm 2001-2002, bà Trương Phượng Hằng (người coi sóc miếu) thỉnh tượng bà Thiên Hậu từ Chợ Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh) về thờ giữa Chánh điện. Giữa miếu là bệ hình vuông cao đặt bát nhang, chân đèn để phục vụ cúng lễ. Trước sân miếu có am nhỏ thờ Thiên Quan Tứ Phước, hai bên đặt tượng Ông Địa và Thần Tài.

Tương truyền miếu Cây Quăn rất linh. Bà Trương Phượng Hằng kể lại, mẹ bà là Nguyễn Thị Nữa (1913-1991)

người coi sóc miếu trước đây (sau khi bà Nữa mất, chị Hằng tiếp tục coi sóc miếu cho tới nay) cho biết: Trước đây thường có hai con rắn to bằng bắp chân, thân ngắn màu đen, mông đỏ, hàng tháng cứ đến ngày 14 - 15 Âm lịch thì bò vào miếu, những ngày khác thì không có. Thấy vậy, bà Nữa phải khấn vái nhiều lần nên sau này rắn bỏ đi không đến nữa.

Hàng năm, miếu Cây Quăn tổ chức vía chính Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng ba Âm lịch. Vào ngày này, mọi người tụ tập đến đây rất đông, đóng góp tiền của cho chị Hằng làm lễ cúng Bà. Sau đó tụ họp ăn uống vui vẻ. Lễ vật cúng bà Thiên Hậu là đồ chay, còn cúng vong là đồ mặn như thịt gà, thịt vịt, trứng vịt, cháo... do bá tánh đem đến cúng. Ngày rằm hàng tháng cúng trái cây tại các bàn thờ trong miếu. Ngày 16 Âm lịch cúng cô hồn, cúng vong trên bờ, làm bè chuối cúng thí thả dưới sông cầu an cho người sống, cầu siêu cho vong hồn.

Theo truyền lại, xưa kia vùng này xảy ra dịch bệnh, nhiều người đã đến miếu Cây Quăn để xin quẻ bà Thiên Hậu mách thuốc chữa lành bệnh tật. Sự việc linh ứng, người ta tín sùng bà Thiên Hậu và để thuận tiện trong việc thờ cúng nên bang hội đã thỉnh tượng Bà về phối tự tại miếu Tổ Sư vốn to lớn, kang trang và nằm ở trung tâm khu dân cư người Hẹ làm đá. Họ xin keo thuận ý Bà rồi tổ chức rước Bà về thờ tại miếu Tổ Sư. Và một điều khá đặc biệt là từ khi

thỉnh rước bà Thiên Hậu từ miếu Cây Quăn về miếu Tổ Sư, với niềm tin tín ngưỡng và sự thực hành nghi lễ cúng Bà, dần dần tín ngưỡng Thiên Hậu bao trùm lên tín ngưỡng nghề nghiệp của một bộ phận làm nghề thủ công và cuối cùng mọi người chính thức đổi tên miếu Tổ Sư thờ Tổ nghề làm đá thành tên gọi Thiên Hậu cổ miếu tồn tại cho đến nay.

Vì sự liên hệ đó mà mỗi lần miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu) tổ chức lễ Làm Chay đều phải có nghi thức thỉnh Bà từ miếu Cây Quăn về chúng giám lễ tại nơi tổ chức lễ hội trong suốt những ngày Làm Chay.

III. MIẾU BÀ THÁNH (MIẾU TIÊN CƠ)

Miếu Bà Thánh còn có tên gọi miếu Tiên Cơ, nằm trong phạm vi của Khu du lịch Bửu Long. Theo tư liệu điền dã, ngôi miếu được xây dựng sau miếu Tổ Sư nghề đá nhưng không xác định thời gian cụ thể. Ngoài ra, còn có ý kiến cho rằng miếu Bà Thánh được xây dựng vào năm 1894 – vào năm trùng tu lần đầu tiên của miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu).

Phía trước miếu Bà Thánh có một am nhỏ (Bá Công Từ), bên trong đặt tượng Bá công hay Thổ công. Tượng Bá công do ông Ôn Sồi – một thợ đá có tiếng của làng đá Bửu Long thực hiện. Tượng thờ trong miếu Thổ công trước đây ở

nghĩa từ bang Họ, nay chuyển về đặt trong am thờ trước miếu Bà Thánh.

Tương truyền, Bà Thánh là một phụ nữ người Họ, từ Trung Hoa qua Việt Nam sinh sống, lập nghiệp tại Biên Hòa từ thế kỷ XVIII. Bà là một phụ nữ bình thường, khi qua đời, hiển thánh và được dân chúng tôn thờ. Mộ của bà sau khi chôn (phía sau miếu hiện nay) một thời gian, phần nắm mộ bị sụt xuống, làm cho các vách hòm lộ thiên. Nhiều người dân trong vùng mắc những bệnh hiểm nghèo đã đến cầu xin và lấy gỗ từ vách hòm về làm thuốc, chữa được bệnh. Tin vào sự giúp đỡ thần bí của Bà nên dân chúng đã lấp lại phần mộ chỉnh trang và xây miếu thờ.

Mộ Bà Thánh nằm sau miếu, trước đây chôn bia mộ bằng đá có khắc chữ tên Bà nhưng đã bị chôn sâu xuống dưới sau bệ thờ Bà. Trước đây gọi là miếu Bà Ủ, sau mới gọi là Bà Thánh. Bà rất linh, trước đây ai đi qua mà có những hành vi nhạo báng... về bị thổ huyết chết, người dân thấy Bà linh thiêng nên tôn xưng là Bà Thánh và Tiên Cơ Nương. Bà Năm Kẻo là người coi sóc miếu Bà Thánh cho đến lúc mất, hiện anh Thành (cháu nội bà) tiếp tục coi sóc miếu... Địa điểm miếu Bà Thánh là nơi chôn cất bà trước đây, tháp mộ nay nằm phía sau miếu.

Kiến trúc của miếu được xây bằng loại đá xanh khá kiên cố. Phía trước có sân rộng trồng nhiều cây có bóng mát. Chánh điện hình chữ khẩu, bài trí bàn thờ đá bên trong có tượng Bà Thánh ở giữa, hai bên có hai tượng đồng nữ. Hai bên khám thờ Chánh điện có hai hàng chữ Hán “Cố vấn bá tánh vạn gia truyền” và “Nương tiên hiệu ứng cổ triều quang”.

Ngoài ra còn có các bàn thờ và bài vị thờ Phật Bà Quan Âm, Quan công, Linh Sơn Thánh mẫu, Chúa Tiên Nương nương, Mẹ Sanh Mẹ Độ, Ngũ Phương Ngũ Thổ Long thần, ông Địa – Thần Tài và các di ảnh, bài vị cúng vong (trong đó có di ảnh bà Năm Kẹo – người coi sóc miếu lâu năm trước đây).

Di tích tọa lạc trên phần cao của ngọn đồi trong tổng thể chung của Khu du lịch Bửu Long.

Hằng năm, tại miếu tổ chức cúng vào các ngày rằm (tháng Giêng, tháng 7, tháng 10 - Âm lịch). Ngày 22 và 23 tháng 7 (Âm lịch) trong năm là ngày lễ chính vía Bà Thánh, cúng chay. Đặc biệt, miếu là cơ sở tín ngưỡng cấu thành lễ hội Làm Chay đáo lệ ba năm tại miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu) của người Họ. Đây là điểm thứ hai trong chặng hành trình rước kiệu Bà từ miếu Tổ Sư đến miếu Cây Quắn và quay về miếu Tổ. Tại miếu có tục xin xăm.

IV. THIÊN HẬU CUNG

Thiên Hậu cung tọa lạc tại địa chỉ số 20 đường Quang Trung, phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa. Thiên Hậu cung được bà con người Hoa bang Sùng Chính (Hẹ) khu vực chợ Biên Hòa xây dựng năm 1973 để thờ bà Thiên Hậu.

Địa điểm xây dựng là một khu đất trống, được dùng làm nơi chứa gỗ. Một số người Hoa gốc bang Sùng Chính đang sinh sống tại khu vực chợ Biên Hòa quyên góp tiền mua và xây dựng cơ sở tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu. Hầu hết, những người sáng lập đã lớn tuổi, một số đã qua đời, một số định cư ở nước ngoài. Tên của những người có công sáng lập, xây dựng Thiên Hậu cung đều được khắc lưu trên Bia công đức hiện vẫn còn trên tường của cơ sở tín ngưỡng này.

Thiên Hậu cung có kiến trúc tương đối lớn hình chữ nhật, xây dựng cao, có lầu gác, kết cấu kiến trúc hình chữ đình bằng các loại nguyên vật liệu kiên cố. Cơ sở có vách bằng xi- măng, mái lợp tôn, nền lát gạch bông. Phần phía dưới được dùng làm Chánh điện, nơi bày trí thờ tự; phía trên dùng làm hội trường và phía sau là nơi sinh hoạt. Đặc biệt, phía trên cơ sở này được xây cao lên hình tháp tạo dáng một cung thờ. Đây là cơ sở tín ngưỡng và cũng là Hội quán sinh hoạt của cộng đồng người Hoa bang Hẹ, Sùng Chính và Hải

Nam (người Sùng Chính, Hải Nam ít nên sáp nhập vào bang Hẹ), do vậy còn gọi là bang Hẹ - Sùng Chính.

Chánh điện thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, hai bên phối tự Kim Hoa Nương nương và Quan Thánh Đế quân (tùng tự Châu Xương và Quan Bình). Các tượng được tạc bằng xi măng rất chắc chắn. Trước điện thờ là bao lam chạm lõng sơn thếp vàng rực rỡ. Những họa tiết được chạm trổ với các đề tài như: cúc trĩ, lưỡng đầu châu nhật, long lân qui phụng, dây lá cúc... tạo vẻ mỹ thuật cho Chánh điện thờ.

Ở bên phải Chánh điện là bàn thờ Tài Bạch Tinh quân (Thần Tài) và khám thờ Thổ Thần nhỏ ở bên trái. Đây là những bàn thờ được các mạnh thường quân phụng cúng năm 2011.

Điều đặc biệt là tại Thiên Hậu cung hiện có hai loại xăm đó là xăm thường và xăm thuốc. Riêng 100 lá xăm thuốc có liên quan đến truyền thuyết về nguồn gốc lễ hội Làm Chay ở miếu Tổ Sư. Nội dung 100 bài xăm thuốc đã được giới thiệu ở Chương II của sách này. Trước đây, gian bên trái Chánh điện là phòng chẩn trị bốc thuốc trị bệnh theo phương thuốc Bắc truyền thống tiêu biểu của bang Hẹ - Sùng Chính ở Biên Hòa.

Hàng năm, tại Thiên Hậu cung tổ chức các lễ cúng chính như: khai ấn vào đêm 19 rạng ngày 20 tháng Giêng và

lễ đóng ấn vào đêm 19 rạng ngày 20 tháng Chạp Âm lịch. Lễ cúng lớn là vía Thiên Hậu Thánh mẫu vào ngày 23 tháng 3 Âm lịch, vía Kim Hoa Nương nương vào ngày 17 tháng 4 Âm lịch, vía Quan Thánh Đế quân vào ngày 24 tháng 6 Âm lịch. Ngoài ra, còn có lễ kỷ niệm ngày thành lập cơ sở tín ngưỡng vào ngày 20 tháng 11 Âm lịch. Những lễ vật cúng tại Thiên Hậu cung đều là đồ mặn.

Đặc biệt, trong lộ trình rước chư thần về dự lễ hội Làm Chay tại miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu), Thiên Hậu cung là điểm cuối cùng mà Ban Tổ chức đến cung thỉnh bài vị Thiên Hậu Thánh mẫu cùng về chứng giám lễ Chay của cộng đồng người Hoa bang Họ - Sùng Chính ở Biên Hòa. Đây cũng được xem là một trong ba miếu vệ tinh của miếu Tổ Sư trong hành trình cung nghinh thần linh chư vị trong ngày khai lễ Làm Chay ở Biên Hòa.

V. THÂN LINH TẠI CÁC MIẾU THỜ

1. Quan Thánh Đế quân

Quan Thánh Đế quân là đối tượng được thờ chính tại Thất Phủ cổ miếu, các miếu Quan Đế. Bên trong Chánh điện của các cơ sở tín ngưỡng này, thường là gian Chánh điện có ba gian. Gian giữa luôn là khám thờ chính thờ Quan Thánh Đế quân (hai bên có Châu Xương và Quan Bình tưng tự) với cốt tượng là một vị quan râu tóc dài, mặt đỏ trông rất uy

nghi và linh thiêng, hai bên phối tự có khi là Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương, Phúc Đức Chính thần hoặc các vị thần linh khác...

Quan Thánh Đế quân hay Quan Công tên thật là Quan Vũ (162 - 220) cũng được gọi là tự là Vân Trường, người Hà Đông, là một vị tướng sống thời kỳ cuối nhà Đông Hán và thời Tam Quốc ở Trung Quốc. Ông là người đã góp công lớn vào việc thành lập nhà Thục Hán, với vị hoàng đế đầu tiên là Lưu Bị. Ông cũng là người đứng đầu trong số ngũ hổ tướng của nhà Thục Hán, bao gồm: Quan Vũ, Trương Phi, Triệu Vân, Hoàng Trung và Mã Siêu.

Quan Vũ là một trong những nhân vật lịch sử của Trung Quốc được biết đến nhiều nhất ở khu vực Đông Á, hình tượng của ông khắc họa với những chiến tích và phẩm chất đạo đức được đề cao cũng như được thần thánh hóa trong các câu chuyện dân gian. Ông cũng được thờ cúng ở nhiều nơi với tượng mặt đỏ, râu dài, tay cầm cây thanh long yển nguyệt hoặc cưỡi ngựa xích thố. Về dung mạo Quan Công, La Quán Trung miêu tả như sau: “... to lớn trượng phu, mình dài chín thước, râu dài hai thước¹, mặt đỏ như gấc; môi thắm như son; mắt phượng, mày ngài; tướng mạo đường đường; uy phong lẫm lẫm”. Kinh Minh Thánh tả:

¹ Một thước tào (xích) khoảng 0,3581 mét.

“Ngọa tầm mi bát tự, Đan phụng mục song tinh. Ngũ long tu bái vĩ, Nhứt hổ ngạch dao thân” (Mày tầm nằm hình chữ bát, mắt phượng sáng như sao. Râu rồng rõ năm chòm, Trán hùm thân lấm liệt). Dân gian xem ông như một biểu tượng của tính hào hiệp, trọng nghĩa. Ông là anh em kết nghĩa với Lưu Bị và Trương Phi, thề sống chết cùng có nhau.

Sau khi mất, Quan Vũ được Lưu Bị truy tặng chức Tráng Mậu hầu. Ông được đánh giá là người dũng cảm phi thường, đứng đầu toàn quân. Ông trọng điều nghĩa, giữ chữ tín, là bầy tôi trung thành. Với nghĩa khí của Quan Vũ nên đã được người đời thờ phụng và tôn xưng là Quan Thánh Đế quân, được người Hoa tin sùng trong các miếu thờ dân gian với tên thường gọi là chùa Ông.

Quan Thánh Đế quân được người Hoa ở Biên Hòa thờ chính hoặc phối tự trong các miếu thờ thần như: Thất Phủ cổ miếu, miếu Quan Đế. Thất Phủ cổ miếu là ngôi cổ miếu được người Hoa xây dựng từ thế kỷ XVII, tôn thờ Quan Thánh Đế quân cùng với Thiên Hậu Thánh mẫu và Kim Hoa Nương nương cùng nhiều vị thần linh khác của người Hoa.

Hàng năm, Thất Phủ cổ miếu tổ chức cúng lễ vào các dịp như: vía Sanh Quan Công (13 tháng Giêng), tết Nguyên tiêu hay Thượng nguyên (Rằm tháng Giêng), vía bà Thiên Hậu (23 tháng 3 Âm lịch), vía ngày mất Quan Công (13

tháng 5 Âm lịch) phối tự vía Quan Bình, vía Quan Công hiển thánh (24 tháng sáu Âm lịch), tết Trung nguyên (từ 10-12 tháng 7 Âm lịch), tết Hạ nguyên (rằm tháng 10 Âm lịch) còn gọi là lễ tạ ơn trả lễ cuối năm, vía Châu Xương (30 tháng 10 Âm lịch). Ngày 24 tháng 6 Âm lịch là ngày lễ lớn nhất trong năm. Vào lễ này, Thất Phủ cổ miếu tổ chức cúng chay một ngày nhưng thu hút được đông đảo người Hoa và Việt ở trong và ngoài địa phương tham gia. Đặc biệt vào ngày này, các bang người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh cũng về cúng viếng tưởng nhớ công đức của Quan Thánh Đế quân, vị thần phổ biến trong tín ngưỡng người Hoa.

Còn tại miếu Quan Đế, hàng năm tổ chức cúng chay vào ngày 15 tháng Giêng (Âm lịch), ngày 24 tháng 6 (Âm lịch) là ngày vía Quan Công. Đây là lễ lớn nhất tại miếu, tổ chức cúng trong một ngày. Hầu hết người Hoa bang Quảng Đông nói riêng và người Hoa ở Biên Hòa nói chung đều tham dự. Trước năm 1975, cứ ba năm một lần vào ngày 15 tháng 5 Âm lịch, miếu lại tổ chức lễ rước kiệu Quan Công rất qui mô và long trọng. Đoàn rước diễu hành qua các phố người Hoa ở Biên Hòa. Trọng lễ cúng này còn có tục đấu giá đèn lồng để gây quỹ cho hoạt động của miếu và các công việc phúc lợi cho cộng đồng.

Người Hoa thờ Quan Công với ý nghĩa tượng trưng cho danh dự, lòng thủy chung, sự hy sinh, độ lượng, can đảm,

lòng tốt, sự công minh chính trực, dũng cảm và tấm gương trung nghĩa tỏa sáng muôn đời. Quan Thánh Đế quân - vị thần bảo hộ cho cộng đồng người Hoa trước tiên là vị thần của giới võ tướng. Ngoài ra, cũng có người tin rằng ông là nhân vật thiêng đã hiển thánh và là thần “độ” cho nam giới.

2. Thiên Hậu Thánh mẫu

Thiên Hậu Thánh mẫu (hay Thiên Hậu Nương nương hay bà Thiên Hậu) là vị nữ thần được người Hoa thờ cúng rất lâu đời trong đời sống tinh thần ở Trung Quốc. Đặc biệt Thiên Hậu được thờ nhiều ở miền duyên hải (vùng Hải Nam-Trung Quốc), song Bà được thờ phổ biến trong tín ngưỡng của người Hoa sống ở nước ngoài, xa cố quốc. Trong tiến trình cộng đồng người Hoa vượt biển di dân đến Việt Nam sinh cơ lập nghiệp từ nhiều thế kỷ trước đây, tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu cũng được họ đưa vào trong hành trang sinh hoạt tinh thần của cộng đồng người Hoa vượt biển đến với vùng đất mới và được duy trì cho đến nay.

Theo nhiều tài liệu cho biết: Thiên Hậu Thánh mẫu có tục danh là My Châu (có tài liệu ghi là Lâm Mặc cô nương), con gái ông Lâm Tích Khánh, quê huyện Phổ Điền, Hưng Hóa, tỉnh Phúc Kiến, Trung Quốc. Bà sinh vào giờ Thìn ngày 23 tháng 3 năm Giáp Thân đời Tống (năm 960) trong một gia đình ngư phủ và thăng thiên ngày 9 tháng 9 Âm lịch

(năm 987). Năm 8 tuổi đi học, hiểu thông tường tận chữ nghĩa. Năm 11 tuổi, có ý hướng quy y theo Phật giáo, thường xuyên thấp nhang cúng vái, niệm Phật. Năm 13 tuổi, được Thần Võ Y truyền cho sách “*Nguyên vị bí quyết*”. Năm 16 tuổi nhìn vào giếng được lá bùa nên thông suốt các phép thần linh. Bà luyện phép Linh cảm có thể đoán được quá khứ, vị lai. Bà tiên đoán rất chính xác tương lai của những người thân quen. Một lần cha và anh của Bà đi biển gặp sóng gió rất nguy hiểm. Lúc đó, Lâm My Châu đang ngồi dệt lụa cùng với mẹ ở nhà, bỗng nhiên Bà ngừng tay thoi rồi nhắm nghiền mắt lại, đưa tay ra trước với dáng điệu như cố níu kéo một vật gì, miệng bà ú ớ phát ra vài tiếng như đang trong cơn ác mộng. Người mẹ thấy vậy lay gọi con, Bà mở mắt ra, ứa nước mắt và nói với mẹ rằng cha và anh đang gặp nạn ngoài biển khơi nhưng Bà chỉ cứu được hai anh. Nghe Bà nói, người mẹ còn bàng hoàng và chưa tin. Quả nhiên, mấy ngày sau, hai anh trai của Bà mình trần, tay trắng sống sót trở về, còn người cha thì bật âm vô tín.

Từ đó, Lâm My Châu dần dần nổi tiếng có tài tiên đoán về thời tiết, biết trước gió bão trên biển khơi nên đã giúp cho ngư dân thoát được nhiều cơn hiểm nghèo. Năm 27 tuổi Bà từ giã cõi đời, sau khi mất, Bà rất hiển linh. Truyền thuyết dân gian kể Bà thường khoác bộ y phục màu nâu, bay lượn trên biển để cứu những thuyền bè lâm nạn trong phong ba,

bão táp. Bà cũng từng hiển hiện cứu được nhiều đoàn chiến thuyền và sứ thuyền của các hoàng đế Trung Hoa gặp nạn trên biển. Vì vậy, các đời hoàng đế Trung Hoa đã phong tặng Bà nhiều danh hiệu cao quý.

- Đời Tống, Thiên Hậu lần lượt được sắc phong: Sùng Phúc Phu nhân, Linh Huệ Phu nhân, Linh Huệ Chiêu ứng Phu nhân, Linh từ Chiêu ứng Phu nhân, Linh Huệ Phi, Trợ thuận Linh Huệ Phi, Hiển Vệ Phi, Hộ Quốc Trợ Thuận Gia ứng Anh liệt Phi, Linh huệ Trợ thuận Gia ứng Từ tế Phi, Linh Huệ Hiệp chính Gia ứng Hiển khánh Phi và Hiển Tế Phi.

- Đời Nguyên, Bà được sắc phong là: Hộ quốc Minh trứ Thiên Phi, Hiển Hựu Thiên Phi, Phụ thánh Tý Dân Thiên Phi, Hộ quốc Tý dân Quảng tế Minh trứ Thiên Phi, Hộ quốc Tý dân Linh cảm Trợ thuận Huy liệt Minh trứ Thiên Phi và tám biển tặng miếu thờ tên Linh Từ Cung.

- Đời Minh lần lượt sắc phong là: Chiêu hiếu Thuận chính Phù tế Cảm ứng Thánh phi, Hộ quốc Tý dân Diệu linh Chiêu ứng Hoàng nhân Phổ tế Thiên phi.

- Đời Thanh đặc phong: Hộ quốc Tý dân Diệu linh Chiêu ứng Hoàng nhân Phổ tế Thiên Hậu, năm Khang Hy thứ 25 đặc phong là “Thiên Hậu Nương nương”; Ung Chính phong “Thiên Hậu Nguyên quân”; Càn Long gia phong

là Phúc Hựu Quần sinh Thiên Hậu, Hoằng nhân Phổ tế Hộ quốc Tý dân Quần tiên Giáo chủ Tĩnh Hải Thiên Hậu Nguyên quân, Chiếu Linh Hiển ứng Nhân từ Thiên Hậu Thánh mẫu, Đìem Lan Chiêu hướng (*làm cho sóng yên*), Gia hiển Thần tán Thuận linh Chiếu linh Hiển ứng Nhân từ Thiên Hậu Thánh mẫu, Hộ quốc Tý dân Diệu linh Chiêu ứng Hoằng nhân Phổ tế Phúc hựu Quần sinh Thành cảm Hàm phù Hiển thần Tán thuận Thùy từ Đốc hựu, Thiên Thượng Thánh mẫu Vô cực Nguyên quân, An lan Lợi vận (*yên sóng gió, lợi vận tải*).

Như vậy, Thiên Hậu ban đầu được thờ như vị nữ thần cứu hộ ngư dân, những người đi biển, những thương nhân đường biển nhưng dần dần Thiên Hậu trở thành phúc thần, có chức năng toàn diện được nhân dân Trung Hoa tôn thờ như bậc hiển thánh.

Từ truyền thuyết dân gian, bà Thiên Hậu đã được tôn thờ trong tín ngưỡng bản địa của người Trung Quốc và cộng đồng người Hoa sống xa quê hương. Mặc dù tại các cơ sở tín ngưỡng thờ Bà, thần tích về Bà có ít nhiều sự khác biệt, song tựu trung đều ca ngợi, suy tôn Bà là người phụ nữ đức hạnh, có tấm lòng hiếu thảo đối với cha mẹ, nhân ái cứu giúp người lâm nạn trên biển, khi chết trở thành hiển linh. Đền cao bà Thiên Hậu, ngưỡng mộ và phụng thờ Bà như vị hiển thánh, người Hoa muốn thông qua tấm gương của Bà để học

tập lòng hiếu thuận, đức nhân hậu, sống có nhân nghĩa. Mặt khác, trên con đường vượt biển về phương Nam trong phong ba, sóng gió, người Hoa luôn cầu nguyện Thiên Hậu phù hộ, chở che. Sau khi ổn định trên đất mới, họ làm ăn phát đạt, sống bình yên hạnh phúc tại quê hương thứ hai nên đã cùng nhau lập đền, miếu thờ Bà để tỏ lòng biết ơn, ngưỡng vọng sâu sắc.

Người Hoa ở Biên Hòa thờ Thiên Hậu Thánh mẫu tại một số cơ sở tín ngưỡng chính và phối tự ở một số miếu thờ khác. Các cơ sở thờ bà Thiên Hậu của người Hoa đa số tập trung ở thành phố Biên Hòa với 03 cơ sở chính như: Thiên Hậu miếu (miếu Cây Quăn) ở phường Bửu Long, Thiên Hậu cung và Thiên Hậu tự ở phường Hòa Bình. Ngoài ra có 04 cơ sở tín ngưỡng phối tự Thiên Hậu với Quan Thánh Đế quân, Kim Hoa Nương nương, Cửu Thiên Huyền nữ, Phật Bà Quan Âm và Phúc Đức Chính thần.

Một trường hợp rất đặc biệt là miếu Tổ Sư thờ Tam vị Tổ nghề thủ công (đá, mộc, rèn) xây dựng cách nay trên 200 năm của những người Hoa bang Hẹ làm đá ở phường Bửu Long. Nay cơ sở đổi tên là Thiên Hậu cổ miếu với quan niệm Thiên Hậu là nữ thần vốn rất phổ biến trong tín ngưỡng người Hoa. Do vậy, với tên gọi Thiên Hậu cổ miếu thì sẽ thu hút được nhiều người đến cúng viếng chứ

không chỉ giới hạn trong những người làm nghề thủ công ở địa phương.

Thiên Hậu Thánh mẫu được thờ thể hiện dưới dạng một người phụ nữ ngồi trên sóng hay trên mây, hoặc có khi ngồi trên ngai. Bà mặc áo choàng dài thắt lưng, đầu đội mũ hậu có tua. Bên cạnh Bà thường là hai tỳ nữ trợ tá. Tuy nhiên, cũng có miếu bài trí bên cạnh Thiên Hậu Thánh mẫu với hai nhân vật thuộc hạ là Thiên Lý Nhân và Thuận Phong Nhi. Hai người này nghe và thấy tất cả những gì xảy ra trên thế gian. Hình dạng là hai người đứng thẳng, một người tay chỉ vào tai, một người tay che bên trên mắt để nghe và nhìn thấu suốt. Theo *“Phong Thần diễn nghĩa”* thì hai nhân vật này từng phục vụ trong quân đội của bạo chúa đời Ân¹.

Hàng năm, Thiên Hậu Thánh mẫu được tổ chức lễ vía chính vào ngày 23/3 Âm lịch. Đặc biệt, tại Thiên Hậu cổ miếu vào ngày vía Tổ Sư 13/6 Âm lịch đảo lệ ba năm một lần, tổ chức lễ hội kéo dài ba ngày còn gọi là lễ hội Làm Chay. Sự lan tỏa của tín ngưỡng thờ bà Thiên Hậu cùng với những lễ hội tiêu biểu, độc đáo góp phần tạo cho miếu thờ Thiên Hậu có một vị trí quan trọng trong sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng bà con người Hoa ở địa phương.

¹ Henri Maspéro, Lê Diên dịch (2000), *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 261.

3. Tổ Sư nghề (Tam vị Tổ)

Theo quan niệm của người Hoa, Tổ sư nghề nghiệp có tam vị Thánh Tổ là Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư. Thánh sư là những vị có công khai sáng nghề nghiệp, Tổ sư là những vị có công cải tiến nghề nghiệp và Tiên sư là những vị có công truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau.

Tại miếu Tổ Sư (nay là Thiên Hậu cổ miếu) của người Họ phường Bửu Long, Biên Hòa thờ các vị Tổ sư của nghề thủ công làm đá. Các vị này được thờ với hình dạng bộ ba tượng tròn bằng đá xanh do các nghệ nhân đá Bửu Long chế tác. Tam vị Tổ nghề gồm ba vị là Ngũ Đẳng Tiên sư (Tổ nghề đá), Lỗ Ban Tiên sư (Tổ nghề mộc) và Uất Trì Tiên sư (Tổ nghề sắt).

Trong Tổ sư nghề nghiệp có hai nhóm: Thủy Tổ thần và Thánh thần. Trong đó, Tổ nghề đá Thủy Tổ thần là Nữ Oa Nương nương (theo thuyết Nữ Oa luyện đá vá trời) và Thánh thần là Lỗ Ban Tiên sư (người có công cải tiến và truyền dạy nghề nghiệp cho đời sau). Tam vị Thánh Tổ là ba vị Thánh thần. Khi đem vào thờ tự tùy từng địa phương, cộng đồng cư trú lại có sự thay đổi phù hợp với ngành nghề. Đó là sự tiếp biến văn hóa trong tín ngưỡng thờ cúng. Ba vị Thánh Tổ được thờ tại miếu Tổ Sư là Ngũ Đẳng Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư, Uất Trì Cung Tiên sư. Khi du nhập vào nước ta người Họ

đã tin ngưỡng về nghề đá, vì vậy Ngũ Đẳng (Ngũ Đinh) Tiên sư mặc dù không phải là người có công chính trong việc sáng chế nghề đá nhưng đã được cộng đồng người Hoa bang Hẹ thờ chính ở miếu Tổ Sư. Ngũ Đẳng Tiên sư được đặt ở vị trí chính giữa. Bài vị thờ đều phong cho các vị này những chức tước rất cao, biểu lộ niềm sùng tín, ngưỡng mộ, biết ơn các bậc khai sáng nghề nghiệp. Việc thờ Tam vị Tổ này giải thích mối quan hệ chặt chẽ giữa ba nghề, dựa vào nhau cùng tồn tại và phát triển. Nghề rèn làm và sửa dụng cụ búa, đục các loại cho nghề mộc, nghề đá. Nghề đá, mộc làm ra sản phẩm để nuôi sống mình và nghề rèn...

a. Ngũ Đẳng Tiên sư

Người Trung Hoa thường biết đến Ngũ Đẳng là một lực sĩ lớn mạnh. Ông là người nước Thục, sống vào đời Tiên Tần. Tuy không phải là ông Tổ nghề đá, nhưng ông có công trong việc cùng sáng lập nghề nghiệp và có lẽ do có sức khỏe nên người Hoa tôn vinh ông là vị Tổ nghề đá. Sinh thời ông được vua phong chức Thái Tử Thiếu bảo.

Huyền thoại kể về nghề đá như sau: Ngày xưa thợ đá được Sơn Tiên ban cho một ống mực thần to lớn dùng để chẻ đá trên núi. Dây mực thấm nước, kéo lên bung xuống là đá nứt ra từng phiến theo ý muốn. Mỗi lần hết nước, phải

khiêng ống mực cùng với bát quai thủy bàn xuống đồng bằng để lấy nước đổ vào.

Một lần, có người đố kỵ trong nghề nên đã lập kế phá vỡ công hiệu của ống mực và thủy bàn. Kẻ xấu đón đường và nói với những người khiêng ống mực và thủy bàn đi lấy nước rằng: *“Tuởng khó khăn gì, chớ tìm nước thì dễ lắm. Mấy anh em cứ tiểu vào ống mực thay nước, tội gì phải khuân vác lên cho nhọc công. Còn thủy bàn, cứ tháo ra mà xách mỗi người một phần cho gọn, cần gì phải xúm nhau khiêng cho nó đi”*¹. Những người này tưởng thật làm theo, ống mực thân hết linh nghiệm, búng lên không chẻ được đá. Còn bát quai thủy bàn khi ráp lại cũng mất hiệu quả, chỉ dò được phương hướng mà không tìm được mạch nước. Từ đó, thợ đá phải dùng búa, đục để khai thác đá.

Thời gian sau, trong nước có loạn, vua chạy lên núi gặp ông lão thợ đá chỉ nhà vua trốn vào hang. Nhưng vua nghi ngờ ông lão lừa mình để cho giặc bắt, nên rút gươm ra chém đầu người thợ đá. Đường cùng, nhà vua cũng phải chui vào hang đá ẩn nấp nên đã thoát nạn. Sau này, nhà vua hồi cung và rất hối hận vì đã nghi oan cho người thợ đá. Vua truy phong cho ông là “Thái Tử Thiếu bảo” vì đã có công cứu giá

¹ Lương Văn Lựu, Tlđđ, tr.67.

và cho lập miếu thờ trước hang vua lánh nạn. Những nghệ nhân hậu thế đều tôn ông là vị Tổ sư nghề làm đá¹.

Tượng Ngũ Đấng Tiên sư được chế tác bằng đá xanh Bửu Long, kích thước khá lớn với nhân dạng người đàn ông râu dài, khuôn mặt quắc thước, mặc quan phục đầu đội mũ quan, hai tay cầm vật dụng là những dụng cụ có liên quan đến nghề thủ công. Tượng Ngũ Đấng Tiên sư đặt ở ngai thờ giữa của chính điện miếu Tổ Sư.

b. Lỗ Ban Tiên sư

Truyền thuyết Trung Hoa kể rằng, thuở hồng hoang con người phải sống trong hang đá, trời thương nên bèn sai một vị nữ thần xuống trần dạy mọi người làm nhà ở. Bà dạy nghề bằng cách ra hiệu như: đứng thẳng người, hai tay chống nạnh vào hông gợi ý làm cái cột và kèo; lấy lá dứa cửa vào tay gợi ý làm cái cửa.... Trong đó, có hai anh em tên Lỗ Ban và Lỗ Bộc sáng ý nên đã lĩnh hội được ý nghĩa dạy nghề của Bà nên chế ra các dụng cụ như: cửa, đục, thước để dựng nhà ở. Nghề mộc ra đời từ đó và các thợ mộc sau này đều tôn vinh ông Lỗ Ban là vị Tổ nghề của mình. Ông là một kỹ sư xây dựng nổi tiếng và thợ thủ công trong lịch sử Trung Quốc và từng làm quan trong Bộ Xây dựng.

¹ Lương Văn Lựu, Tlđđ, tr.68.

Lỗ Ban họ Hàn tên thật là Công Thâu Ban hay Công Thâu Tử tự Y Trí, Lỗ Văn, Thánh Hiền; cha là Hàn Hiền, mẹ là Ngô Thị. Ông vốn người nước Lỗ, thuộc Lư Châu, phủ Long Hưng, huyện Long Hưng thôn Lai Bình, nên người dân thường gọi ông là Lỗ Ban. Lỗ Ban sinh vào ngày 7 tháng 5 năm 507 trước Công nguyên. Ông sống vào thời Xuân Thu Chiến quốc, Lỗ Ban được coi là người thợ khéo của thiên hạ (thiên hạ chi tinh xảo) có công truyền nghề lại cho các thế hệ sau.

Tục ngữ dân gian Trung Quốc có câu: *“Trong 360 nghề, nếu một nghề mà không có người sáng lập, thì nghề đó không thể đứng (tồn tại) với thời gian”*. Người sáng lập của mỗi một nghề thật sự là sự chuyển sinh của chư thần, người mà đến xã hội (con người), trực tiếp hoặc gián tiếp, sáng tạo ra nghề đó được xem như “thần bảo hộ”¹.

Lỗ Ban được tôn vinh như bậc thầy kiến trúc của Trung Quốc, nổi tiếng nhất thời Xuân Thu. Những người làm nghề thủ công như: thợ mộc, thợ xây, thợ nề, các nhà chế tạo công nghệ xây dựng và nội thất tất cả đều suy tôn Lỗ Ban như là người sáng lập của nghề này. Khoảng 40 tuổi, Lỗ Ban quay về sống ở núi, ông gặp được vị thần đã truyền dạy ông

1

<http://vn.360plus.yahoo.com/lythienhuonghn/article?mid=689&fid=-1>

một vài điều huyền bí. Sau đó, Lỗ Ban đã đi khắp nơi trên thế giới. Cuối cùng, khi 70 tuổi ông đã bay lên giữa bạch nhật, cái rìu và cửa của ông để lại trên Bạch Dương Nham.

Các triều đại phong kiến Trung Quốc đã tôn sùng và ban tặng nhiều danh hiệu cao quý cho Lỗ Ban Tiên sư. Sách *Nghiên cứu của Lỗ Ban* thời Đường cho biết các công nhân xây dựng thường phải khấu đầu lạy tạ Lỗ Ban trước khi họ bắt đầu thiết kế xà trên ngôi nhà. Triều đình nhà Tần khi bắt đầu một dự án lớn xây dựng, thường dâng quà và cúng bái Lỗ Ban, cầu nguyện chư thần ban phước lành cho dự án của họ. Thời Minh, hơn 10.000 người đã xây Long Phủ Bắc Kinh, một dự án khổng lồ được hoàn thành theo bản hướng dẫn của Lỗ Ban. Người dân thời kỳ ấy đã xây một đền tưởng nhớ đến Lỗ Ban. Những ghi khắc trên bia trong đền đọc là “Lỗ Ban Quan”. Hoàng đế thời đó đề tặng câu “Quý nhân phò quốc.” Hàng năm, người dân dùng Thái Lao (bò cái, dê, lợn) để cúng Lỗ Ban hai lần. Đây là một lễ lớn giống như lễ vía Khổng Tử. Các thợ thủ công khi có việc, đều có thể đến đền thờ Lỗ Ban xin thần chỉ dẫn để thực hành nghề.

Lỗ Ban đã ảnh hưởng đến cuộc sống của các thợ xây dựng và công cụ của ông vẫn còn được sử dụng đến hôm nay. Các thành phố, nhà, cửa chính, cửa sổ của Trung Quốc đều được xây dựng theo “đúng trật tự” của Lỗ Ban. Lỗ Ban giúp con người sống an toàn và thoải mái, điều này giúp giữ

được chuẩn mực đạo đức cho dân tộc Trung Hoa suốt hơn năm ngàn năm.

Tượng Lỗ Ban Tiên sư cũng được tạc bằng đá xanh Bửu Long bài trí ở khám thờ chính giữa bên cạnh tượng Ngũ Đẳng Tiên sư. Nhân dạng và quy chuẩn cũng giống như tượng Ngũ Đẳng Tiên sư, một tay đặt trước ngực và một tay cầm cân đai.

c. Uất Trì Tiên sư

Tổ nghề rèn tên Uất Trì Cung sống vào thời Đường ở Trung Quốc (627 - 649), là một vị công thần tương truyền là người sáng chế ra nghề rèn. Uất Trì Cung từng phò tá cho Lý Thế Dân góp công dẹp loạn ngoại bang thống nhất đất nước thành lập nhà Đại Đường và ông cũng chính là người sáng tạo ra các công cụ binh khí và các nông cụ như: cày, cuốc, đục... góp phần dẹp loạn xâm lăng và sản xuất nông nghiệp cho người dân. Thấy được công lao to lớn của ông, ngay khi còn sống, người dân đã tôn vinh ông là vị Tổ nghề rèn. Khi ông mất, hình ảnh Uất Trì Cung đã ăn sâu vào tâm trí người dân, do vậy các cơ sở tín ngưỡng có thờ các vị Tổ nghề trong đó có Tổ nghề rèn là ông Uất Trì Cung. Ông cũng được phong Hộ Quốc Công thần, từ thuở nhỏ ông cũng là người thợ đục đá.

Tượng Uất Trì Tiên sư cũng được tạc bằng đá xanh Bửu Long bài trí ở khám thờ chính giữa bên cạnh tượng Ngũ Đẳng Tiên sư, bên kia là tượng Lỗ Ban Tiên sư. Nhân dạng và quy chuẩn cũng giống như tượng Lỗ Ban Tiên sư.

Hàng năm, Tam vị Tổ sư được vía vào ngày 13 tháng 6 Âm lịch tại Thiên Hậu cổ miếu (nguyên là miếu Tổ Sư). Đáo lệ ba năm một lần, miếu Tổ Sư lại tổ chức lễ Làm Chay rất lớn với nhiều nghi thức lễ và hội kéo dài từ ngày 10-13 tháng 6 Âm lịch tưởng nhớ công đức Tam vị Tổ. Chánh lễ vào ngày 13 đó cũng là ngày đản sanh của Lỗ Ban Tiên sư, được xem là ông Tổ của các nghề thủ công gỗ, đá, bùn, ngói...

4. Tiên Cơ Nương nương

Nương Cơ Tiên còn gọi là Bà Thánh. Tại Khu du lịch Bửu Long, phường Bửu Long, thành phố Biên Hòa có miếu Nương Cơ Tiên (Tiên Cô Nương nương). Tương truyền Bà là phu nhân của một bậc văn thần Đô sát Ngự sử, giám khảo cuộc thi đời vua Khang Hy (Trung Quốc). Bà là người Họ cùng gia quyến sang Việt Nam sinh sống, lập nghiệp tại thôn Tân Lại, Bửu Long, Biên Hòa từ thế kỷ XVII.

Để gợi nhớ về cố hương (Trung Hoa) nên Bà đã ra sức trồng xung quanh nhà đủ 100 cây thông (cây dương). Thế nhưng, trồng mãi cũng chỉ được 99 cây, còn cây thứ 100 không thể sống được. Cứ trồng xong lại chết. Bà tiên

đoán những cây thông này về sau sẽ chết hết. Vị trí Bà trông vườn thông sau này (1715) được chúa Nguyễn cho xây dựng Văn miếu Trấn Biên. Những gốc thông mục trước kia vẫn còn thấy ở phía sau cơ sở đá Đặng Hữu Lợi¹.

Một ngày, Bà bị cảm gió ngã bệnh rồi qua đời. Gia quyến an táng, liệm xác Bà trong chiếc quan tài bằng gỗ cây huỳnh đường. Mộ Bà được chôn ở triền núi Long Ẩn (ở phía sau miếu thờ hiện nay).

Một lần trong vùng bị bệnh đậu mùa. Dư luận đồn rằng: có một gia đình Hoa kiều ở Cần Thơ được Bà nhập đồng báo mộng lên khu vực mộ Bà hái thảo dược mọc xung quanh đem về nấu uống sẽ khỏi bệnh. Người nhà làm theo và quả nhiên hết bệnh nên gia đình đem lễ cúng tạ trước phần mộ Bà. Người trong vùng thấy vậy cũng làm theo và đều hết bệnh. Tin ngày càng đồn xa. Nhiều người đến cầu cúng và nhiều việc được ứng nghiệm.

Lúc đó, ông Lê Văn Trực (còn gọi là ông Cả Lửa) dựng tạm một trại nhỏ bằng lá gần mộ phần làm chỗ để lễ bái Bà. Người dân trong thôn tin ngưỡng vào sự phù hộ của Bà nên đến xin xăm và đào móc lấy dăm ván hòm của Bà đem về mài uống đều được khỏi bệnh. Vì có nhiều người đến vật

¹ Lương Văn Lựu, Tlđd, tr.73.

dăm hòm, nên chẳng bao lâu các mảnh ván mục đã bị đào hết và mộ bị lộ ra ngày càng nhiều.

Năm 1928, Bang trưởng người Hẹ là ông Huỳnh Phúng đã tổ chức một lễ cúng lớn có hát chầu, rồi cho hốt tro cốt Bà đựng vào khạp chôn lại chỗ cũ và lập miếu thờ trước bia mộ, vì người ta tin rằng Bà đã hiển thánh. Miếu thờ Bà với tên gọi là miếu Bà Thánh hay miếu Nương Cơ tiên.

Trong nghi thức chiêu thỉnh chư thần ở các miếu lân cận về dự lễ làm chay ở miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu) bao giờ cũng có nghi thức thỉnh bài vị Tiên Cô Nương nương từ miếu Nương Tư Tiên về Thiên Hậu cổ miếu chứng giám trong các ngày làm lễ chay.

5. Kim Hoa Nương nương

Kim Hoa Nương nương là nữ tướng đời nhà Chu (Trung Quốc), còn gọi là Kim Huê, Kim Hoa Thánh mẫu hay Mẹ Sinh, Mẹ Đậu là nữ thần trọng Lục Cung Thánh mẫu (6 vị nữ thần) của Trung Quốc được phong thần vào thời Khương Tử Nha. Kim Hoa Nương nương còn được gọi là Chủ Sanh tức Bà Mẹ Sanh (người Việt gọi là Bà chúa Thai sanh). Người Minh Hương gọi là Chú Sanh Nương nương, người Quảng Đông gọi là Huệ Phẩm Phu nhân hay Huệ Phước Phu nhân là nữ thần chú tạo thai phôi, phù hộ trẻ sơ sinh. Bà giúp các sản phụ sinh nở mẹ tròn con vuông. Theo dân gian, một đứa

trẻ khi được tượng hình do tinh huyết của cha mẹ rồi lọt lòng và phát triển thành một nhi đồng đến 12 tuổi... đều có những vị nữ thần phù hộ, gọi là thần độ sinh hay nôm na là “mẹ sanh”.

Hệ thống thần độ sinh đại khái có các vị thần coi việc sản dục như Kim Hoa Thánh mẫu coi việc thai sản và phù hộ trẻ sơ sinh. Dưới quyền Kim Hoa Thánh mẫu có 3 Đức thầy, tức ba vị Tổ sư ngành hộ sản: Tiên sư, Tổ sư, Thánh sư và Thập Nhị Huệ bà tức 12 bà mụ, coi việc sinh đẻ trong từng con giáp. Khi trẻ lọt lòng Thập Nhị Huệ bà, Lục Cung Thánh mẫu và Thủy Triều Long cung phù hộ, không phân biệt nam – nữ.

Thập Nhị Bà thư (12 bà chị) hoặc Thập Nhị Diên nữ (12 nàng Tăng thọ) gồm 12 mụ bà lo cho các trẻ sơ sinh mạnh khỏe còn gọi là Thập nhị Tiên cô, mỗi Bà có một nhiệm vụ khác nhau:

- Chú sinh Bà thư Trần Tứ nương làm nhiệm vụ chú sinh.
- Chú thai Bà thư Vạn Tứ nương làm nhiệm vụ chú thai.
- Giám sinh Bà thư Nguyễn Tam nương làm nhiệm vụ giám sinh.

- Bảo tống Bà thư Tăng Ngũ nương làm nhiệm vụ bảo tống (ẵm trao).
- Thủ thai Bà thư Lâm Cửu nương làm nhiệm vụ thủ thai (giữ thai).
- Chuyển sinh Bà thư Lý Đại nương làm nhiệm vụ chuyển sinh.
- Hộ sản Bà thư Hứa Đại nương làm nhiệm vụ hộ sản.
- Chú nam nữ Bà thư Lưu Thất nương làm nhiệm vụ tạo nam nữ.
- Tống tử Bà thư Ngũ Mã nương làm nhiệm vụ trao con.
- An thai Bà thư Lâm Nhất nương làm nhiệm vụ an thai.
- Dưỡng sinh Bà thư Cao Tứ nương làm nhiệm vụ dưỡng sinh.
- Bảo tử Bà thư Trác Ngũ nương làm nhiệm vụ ẵm trẻ¹.

Kim Hoa Nương nương được thờ ở một số cơ sở tín ngưỡng dân gian người Hoa ở Biên Hòa - Đồng Nai như Thiên Hậu cung, Thất Phủ cổ miếu, Quan Đế miếu, Phụng Sơn tự. Kim Hoa Nương nương thường được phối tự với Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân.

¹ Ban Trị sự Thất Phủ cổ miếu, *Thất Phủ cổ miếu* (chùa Ông, Cù lao Phố- Biên Hòa), Nxb. Đồng Nai, 2010, tr.121.

Ở Thất Phủ cổ miếu, Kim Hoa Nương nương được thờ ở gian bên phải chính điện thờ Quan Công, hai bên có hai tượng Bà (tượng trưng cho 12 Bà Mụ) và một Đức thầy (đại diện cho ba Đức thầy). Ở Thiên Hậu cung và miếu Thiên Hậu (trong Phụng Sơn tự), Kim Hoa Nương nương được thờ bên cạnh Thiên Hậu Thánh mẫu.

Vào ngày vía 17 tháng 4 Âm lịch và những dịp lễ tết, bà con thường dâng cúng Kim Hoa Nương nương những lễ vật như: hoa, trà, quả, xôi nhuộm đỏ, chè trôi nước, giấy tiền vàng bạc. Chè trôi nước viên tròn tượng trưng cho sự viên mãn. Tương tự như lời chúc: “mẹ tròn con vuông”. Lễ vật dâng cúng cũng có thể là heo quay, gừng ngâm chua (chúc khương kiện), trứng vịt luộc vỏ nhuộm đỏ (chúc “hồng giáp” tức đậu khoa cao). Những người cầu tự hay cầu cho việc sinh đẻ tốt lành, mẹ tròn con vuông thường đến khấn vái trước bàn thờ Kim Hoa Nương nương.

6. Phước Đức Chính thần

Vị thần được giải thích bằng nhiều nhân vật khác nhau, đó là Bồn Đầu Công hay còn gọi là Phúc Đức Chính thần; hoặc Ông Bồn là người đã phù hộ và hướng dẫn người Hoa vượt biển bình yên đến cư ngụ ở Nam bộ và giúp họ làm ăn ổn định, gia đình an khang. Ở tư liệu khác, Ông Bồn là hiện thân của Trịnh Hòa (thời Minh) hoặc Châu Đạt Quan (sứ

thần nhà Nguyên)... Những người này được xem là phúc thần độ trì của người Hoa di dân. Ông Bổn còn là thần Thành hoàng của làng xã kiêm Thần Tài của người Hoa. Người Hoa Triều Châu tại Nam bộ đều thờ bài vị chữ “Thần” (神) ở nhà, họ xem đó là thờ Ông Bổn, là vị Thổ thần bảo hộ sự bình yên cho gia đình, làng xóm.

Ông Bổn hay còn gọi là Bổn Đầu Công, vị thần bảo vệ đất đai và con người, là vị thần phổ biến của người Hoa gốc Phúc Kiến. Về lai lịch Bổn Đầu Công, Vương Hồng Sển cho biết: *“Nguyên đời Vĩnh Lạc (1403-1424), vua có sai ông thái giám Trịnh Hòa, cỡi thuyền buồm dạo khắp các nước miền Đông Nam Á ban bố văn hóa Trung Hoa, và luôn dịp mua về cho hoàng đế Minh Triều những kỳ trân dị bửu Ấn Độ, Xiêm La, Miến Điện, Cao Miên, Việt Nam, Chiêm Thành, Tân Gia Ba, Chà Và, Nam Dương quần đảo... Trịnh Hòa tỏ ra vừa nhà thám hiểm, du lịch, khảo cứu địa dư, ngoại giao, ngôn ngữ học, mỗi mỗi đều tài tình. Đi đến đâu, ông thi nhân bố đức, và đưa người Tàu đến lập nghiệp đến đó, hoặc chỗ nào có người Trung Hoa ở sẵn thì ông chỉnh đốn sắp đặt cho có thêm trật tự. Sau này ông mất, dân ngoại kiều cảm đức sâu, thờ làm phúc thần, vua sắc phong “Tam*

Bửu Công”, cũng gọi “*Bốn Đầu Công*” (đọc theo tiếng Quảng là *Pửn Thầu Cúng*) gọi tắt là “*Ông Bốn*”¹.

Ở Thất Phủ cổ miếu, Phụng Sơn tự và Thiên Hậu cổ miếu, Phúc Đức Chính thần được thờ ở Chánh điện và gian Tiền điện. Hình tượng thể hiện một vị quan có râu dài, khuôn mặt quắc thước, nhân hậu, dáng ngồi thoải mái, hai tay gác lên tay ngai trông rất ung dung tự tại...

Phúc Đức Chính thần được xem như vị thần có công năng trấn trạch bình an cho cơ sở tín ngưỡng và cả cộng đồng. Lễ vía Phúc Đức Chính thần ở Biên Hòa được cúng vào ngày 2 tháng 2 Âm lịch. Lễ vật cúng gồm có: gà luộc, cua luộc, cá chép chiên xù, trái cây, giấy tiền vàng bạc, hoa tươi, nhang đèn... “Cá chép” có ý nghĩa được dư thừa, sung túc, giàu có; còn “cua” có ý nghĩa làm ăn hoạnh phát, thịnh vượng... là những điều tốt đẹp, may mắn mà mọi người đều mong ước.

7. Ngũ Hành Nương nương

Từ thời Trung Hoa cổ đại, Ngũ hành vốn là một khái niệm siêu hình học nền tảng trong các học thuyết về Âm dương/ Ngũ hành của Khổng tử và Lão tử. Ngũ Hành là năm

1

http://vi.wikipedia.org/wiki/Mi%E1%BA%BFu_Nh%E1%BB%8B_Ph%E1%B%A7

loại vật chất căn bản, gồm: Kim (kim loại), Mộc (gỗ), Thủy (nước), Hỏa (lửa) và Thổ (đất). Như giải thích trong kinh Dịch và kinh Thư, năm chất liệu ấy vận động, phát triển theo hướng “tương sinh” và “tương khắc”, đồng thời biểu thị quy luật sinh thành/vận động của toàn vũ trụ, thế giới và cả trong cuộc sinh tồn của nhân loại.

Các nhà tư tưởng Trung Quốc lấy năm loại vật chất thường thấy trong đời sống hàng ngày để suy luận nguồn gốc cùng với sự đa dạng. Người ta không những nhận thức đặc tính của năm loại vật chất mà còn nhận thức quan hệ sai biệt và thống nhất của chúng. Đến thời Chiến quốc đã xác định quan niệm Ngũ hành có tương sinh tương khắc. Tử Tư, Mạnh Tử đã cải tạo thuyết Ngũ Hành, Trâu Diễn gắn thuyết Âm dương Ngũ hành với tư tưởng luân lý Nho gia, hình thành nên thuyết “Ngũ đức chung thủy” để suy diễn sự hưng phế của các vương triều, dự báo việc cát hung. Đến đời Hán, thuyết Âm dương Ngũ hành cực thịnh, trở thành quan niệm quan trọng trong lịch sử tư tưởng. Trong các thời đại khác nhau, Ngũ hành có nội dung khác nhau. Ở đây, trong tâm thức dân gian Ngũ hành được coi là gốc của muôn vật mà biểu tượng là Ngũ Hành Nương nương, các vị nữ thần. Vì vũ trụ sinh trưởng hay vì sự cầu mong mọi vật sinh trưởng nên dùng biểu tượng nữ thần. Gọi theo thông tục là “Năm bà Ngũ Hành” hay “Năm mẹ Ngũ Hành”. Tất cả chủ vào

cái đức hóa sinh của Ngũ Hành nên Ngũ Hành Nương nương có các tôn danh là: Thổ Đức Thánh phi, Hỏa Đức Thánh phi, Kim Đức Thánh phi, Thủy Đức Thánh phi và Mộc Đức Thánh phi.

Xuất phát từ Trung Quốc, lân hồi thuyết Ngũ hành được tín ngưỡng hóa, thành sự thờ phượng “vạn vật linh thiêng” rất phổ biến trong nhiều dân tộc Á Đông cho đến ngày nay. Trong tín ngưỡng dân gian, Ngũ hành xuất hiện dưới hình thức “nương nương,” vì phụ nữ bao giờ cũng biểu hiện cho sự phồn thịnh, sự sinh sôi nảy nở, thể hiện đúng đặc tính của ngũ hành là kết hợp với nhau, tương sinh, tương khắc để tạo nên vô vàn vật chất biến hóa. Vì thế miếu Ngũ Hành còn gọi là miếu Bà, miếu Ngũ Hành Nương Nương...

Dân gian tin rằng các Bà có những quyền năng nhất định đối với các nghề liên quan đến đất đai, củi lửa, kim khí, nước nôi và cây gỗ. Có nghĩa đây là nhóm thần linh có thể phù hộ cho đám nông dân, ngư dân, thợ thủ công..., nói chung là hầu hết tầng lớp bình dân trong xã hội cổ xưa. Ngũ vị là năm vị tượng trưng cho Kim Mộc Thủy Hỏa Thổ, mà theo triết lý đông phương là những yếu tố khởi thủy cấu tạo nên vật chất. Mỗi vị khoác áo màu sắc khác nhau tiêu biểu cho hành riêng của mình, cụ thể:

- Thổ Đức Thánh phi: mặc áo màu vàng (vị trí ở giữa, tương ứng với hành Thổ ở trung tâm).
- Hỏa Đức Thánh phi: mặc áo màu đỏ (tượng trưng cho hành Hỏa ở phương Nam).
- Kim Đức Thánh phi: mặc áo màu trắng (tượng trưng cho hành Kim ở phương Tây).
- Thủy Đức Thánh phi: mặc áo màu đen hoặc màu tím (tượng trưng cho hành Thủy ở phương Bắc).
- Mộc Đức Thánh phi: mặc áo màu xanh (tượng trưng cho hành Mộc ở phương Đông).

Ở Biên Hòa, Ngũ Hành Nương nương được thờ trong các miếu nhỏ ở bên cạnh các cơ sở tín ngưỡng chính của người Hoa như: đình Tân Lâm, Thất Phủ cổ miếu... Ban đầu, người ta thờ Bà bằng bài vị chữ Hán, nhưng sau này miếu có tượng bằng gốm sứ, đất nung hoặc xi măng. Trên các cốt tượng, các Bà được khoác áo choàng theo các màu tượng trưng cho các hành trong Ngũ hành. Hàng năm, Ngũ Hành Nương nương được thờ cúng vào ngày 21 tháng bảy Âm lịch, có nơi cúng vào ngày 19 tháng ba hoặc 23 tháng ba Âm lịch.

8. Tài Bạch Tinh quân (Thần Tài)

Theo như tên gọi, đây là một tinh quân, tức một vì sao/thần chủ quản một vì sao trên trời Đô Thiên, có công

năng ban phát tài lộc cho con người ở trần gian. Xem xét danh mục các sao, đây là sao Thái Bạch (tức sao Kim/Kim Tinh) còn gọi là sao Khải Minh, Trường Canh, Minh Tinh. Thái Bạch là tên gọi vì sao sáng sớm xuất hiện ở phương Đông gọi là sao Khải Minh; chiều tối xuất hiện ở phương Tây gọi là sao Thái Bạch. Vị thần sao này được nhân hình hóa là một ông lão râu tóc bạc, một vị thần trong truyền thuyết dân gian về việc ban phát điều lành và của cải giàu có.

Theo truyện Phong Thần, Triệu Công Minh được phong là Tài Bạch Tinh quân (còn gọi là Tài Bạch gia gia) chủ quản tài lộc, bên cạnh Thượng Đế. Theo nội dung truyện *Phong Thần diễn nghĩa*, Khương Tử Nha thừa lệnh Thái Thượng Nguyên Thỉ phong thần cho các vong hồn tử trận. Trong đó, Triệu Công Minh được phong làm Như ý Chính nhất Long Hồ Huyền Đàn Chân quân, quản suất bốn vị kiết thần lo việc giúp người lương thiện như:

- Tiêu Thăng được phong là “Chiêu Bửu Thiên tôn”.
- Tào Bửu được phong làm “Nạp Trân Thiên tôn”.
- Trần Cửu Công được phong làm “Chiêu Tài Sứ giả”.
- Dao Thiếu Tư được phong làm “Lợi Thị Tiên quân”.

Nói chung do sự tích hợp các tín nhiều nguồn đa tạp nên đã dẫn đến sự đồng nhất Thái Bạch Kim tinh và Tài

Bạch Tinh quân. Ở đây cần lưu ý đến lưu ý đến tính chất đa dạng của Tài thần trong tín ngưỡng các địa phương ở Trung Quốc, cũng như của các cộng đồng người Hoa và tính chất đa công năng của Triệu Công Minh: ngoài việc chủ quản bộ tài lộc, vị thần này còn là một trong “Tứ đại nguyên soái” của Đạo giáo và là thần trấn môn với danh hiệu “Huyền Đàn Trấn môn”.

9. Môn thần

Môn thần là vị thần có từ trong thần thoại cổ đại Trung Quốc và tục lệ dán hình vẽ Môn thần trước cửa để xua đuổi ma quỷ cũng có từ xa xưa. Bắt đầu từ thời nhà Chu, tập tục cho rằng: Cây đào ở phương Tây, có vị cay, khí xấu, loài vật hay phá phách rất ghét loài cây này. Đào là tinh của Ngũ hành, ngăn trở tà khí, chế ngự bách quỷ. Đến đời Ngụy - Tấn lấy gỗ đào làm bùa - gọi là đào phù, trên viết tên Thần Đồ - Uất Lũy (có sách viết Thần Đồ - Úc Lũy) để trấn tà. Tương truyền, hai vị thần này sống trên núi Độ Sóc ở Đông Hải. Trên núi có cây phù tang, ngọn cây đậu con ngọc kê. Gần đó có cây đào lớn, trên ngọn có con kim kê và dưới gốc có một vạn con quỷ. Hai thần có chức trách quản lý bọn quỷ này.

Cứ mỗi ngày, khi mặt trời chiếu tia sáng đầu tiên thì con ngọc kê đậu trên cây phù tang cất tiếng gáy và con kim kê cũng cất tiếng gáy theo để báo hiệu cho bọn quỷ trở về

quý quốc. Thần Đò và Uất Lũy trấn giữ quỷ môn ở phía đông bắc cây đào có trách nhiệm kiểm tra: con quỷ độc ác nào trong đêm qua gây hại trong dương gian thì liền bị hai vị thần này bắt trời lại bằng dây thừng, vút cho hổ ăn thịt lập tức. Do đó, bọn quỷ rất sợ Thần Đò và Uất Lũy.

Trong dân gian thường vẽ khắc hình tượng Thần Đò và Uất Lũy để trừ tà. Thời nhà Đường, hai vị Môn thần này biến thành Tân Thúc Bảo và Từ Kính Đức. Tương truyền đây là quan võ của vua Đường Thái Tông đã từng đứng gác ngoài cửa cung đuổi được bọn quỷ hại vua khi vua lâm trọng bệnh.

Thần tích này làm cơ sở cho việc vẽ hình hai vị quan võ hay đặt ống nhang để cung kính hai vị Môn thần ở cửa chính các đền, miếu của người Hoa. Hình Môn thần được vẽ trên cửa chính hay cổng miếu người Hoa là hai vị thần mặt đỏ, dung mạo rất phương phi, râu tóc dài trông rất uy nghiêm; một người nhìn hung dữ, một người vẻ mặt hiền hòa.

Trong bài văn cúng lễ của miếu bao giờ có cũng tên Môn thần trong danh sách những vị thần được thờ, đây là những vị thần trong tín ngưỡng truyền thống tại các cơ sở tín ngưỡng người Hoa.

10. Thiên Quan Tứ Phước

Thiên Quan Tứ Phước được thờ phổ biến trong gia đình và ngoài cộng đồng.

Theo Đạo giáo, Ngọc Hoàng Thượng Đế là đấng tối cao, trông coi ở cả thượng giới, trần gian và âm giới. Ngọc Hoàng Thượng Đế có ba vị đại thần đại diện ở trần gian là “Tam Quan Đại Đế” hay còn gọi là ông Tam giới, bao gồm: Thứ nhất là Thiên Quan Đại Đế trực khoảng đầu một năm, vía vào ngày Thượng nguyên (rằm tháng giêng), còn được gọi là Phúc thần, Phúc tinh, Phúc phán tức là vị thần ban phúc nên còn được gọi là Thiên Quan Tứ Phước hay Tứ Phước Tài thần ban vận may, tài lộc cho con người; Thứ hai là Địa Quan Đại Đế trực khoảng giữa năm, vía vào ngày Trung nguyên (rằm tháng bảy), coi việc xá tội cho nhân gian nên còn gọi là Địa quan xá tội; Thứ ba là Thủy Quan Đại Đế trực vào khoảng cuối năm, vía vào ngày Hạ nguyên (rằm tháng mười), coi việc cởi mở tai ách cho thế gian cho nên còn gọi là Thủy Quan giải ách.

Tuy là Tam Quan Đại Đế nhưng người Hoa chỉ thờ mỗi Thiên Quan Tứ Phước vì họ quan niệm rằng sự hiện diện của thần cũng là sự hiện diện cho cả Tam Quan Đại đế, đồng thời còn đại diện cho cả Ngọc Hoàng Thượng Đế ở trần gian, hơn nữa thần còn là người luôn ban phúc, mang vận may

đến cho con người. Vì thế những bức niên họa dán ngày Tết vẽ Thiên Quan Tứ Phước trong trang phục một vị quan, mặc áo bào màu đỏ, đeo đai ngọc thêu rồng, tay cầm đại như ý, chân đi hài, mặt mũi phúc hậu. Có khi bên cạnh ông có một đồng tử, tay ôm bình hoa, trong bình cắm hoa ngọc lan, mẫu đơn biểu thị ý nghĩa “ngọc đường phú quý”. Hoặc có khi Thiên Quan mặt mũi tươi cười, tay ôm lưng năm đứa bé, tay các đứa bé cầm các vật tốt lành như đào tiên, thạch lựu, phật thủ và đàn cá chép. Trước đây bức tranh Thiên Quan Tứ Phước và năm đứa bé xuất hiện rất nhiều trong các gia đình vào dịp đầu năm nhằm cầu mong được thần ban phúc, đem đến cho gia đình nhiều vận may. Ngoài ra, còn có hình vẽ Thiên Quan Tứ Phước tay cầm đại như ý ngồi một cách trang trọng, bên trên có núi vàng, bạc và có chữ phúc thật lớn, bên dưới là tụ bảo bồn (là cái chậu chứa đựng của cải, vàng bạc châu báu), biểu hiện đầy đủ phúc vận, tài khí, biểu đạt khát vọng của người xưa gửi gắm vào Thiên Quan Tứ Phước về vận may, tài lộc trong cuộc sống.

Tại các miếu thờ người Hoa cũng thường có bàn thờ Thiên Quan Tứ Phước đặt trong các am nhỏ trước sân miếu, ngoài bài vị Thiên Quan Tứ Phước, bên trong các am thờ còn bài trí các tượng và bài vị thờ ông Địa – Thần Tài, Ngũ Phương Ngũ Thổ Long thần tượng trưng cho việc thờ cúng trời đất, Thổ Địa bảo hộ cho vùng đất, nơi thờ cúng thần linh

trong miếu chính. Việc thờ Thiên Quan Tứ Phước tại các miếu là biểu hiện của sự kết hợp giữa Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian của người Hoa.

11. Thổ Địa - Thần Tài

Thổ Địa là thần cai quản từ cấp làng, xã trở xuống. Ở gia đình Thổ Địa là gia thần, gốc là thần Trung lưu, thường trực ở cửa, cùng với thần Cửa có chức năng tiếp dẫn thần Tài: “*Môn Khẩu Thổ Địa tiếp dẫn Tài Thần*”, là thần đất đai bảo hộ và đem lại sản vật cho gia đình. Thần Thổ Địa còn có danh hiệu Trung ương Thổ địa Phước Đức Chính thần. Thổ thần có nhiều cấp như: Hậu Thổ (thần xã), Thổ Công, Thổ Chủ và Thổ Địa. Riêng Thổ Địa lại được chia ra nhiều cấp như: thần Thổ Địa cai quản một xã hoặc một thôn, thần Thổ Địa của một xóm, một cây cầu... Thần Thổ Địa bản gia là thần ở cấp thấp. Tất cả thần Thổ Địa chỉ là biểu tượng, chỉ có một vài trường hợp được đồng nhất với những nhân vật lịch sử¹. Thổ Địa rất am hiểu tình hình khu vực và rất linh. Các gia đình người Hoa tại đô thị có tục thờ Thổ Địa trên bàn thờ cao.

Theo thuyết Ngũ hành, thì hành “Thổ” ở vị trí Trung ương (ở giữa), nhưng theo qui định của chế độ phong kiến

¹ Nguyễn Văn Sanh cb, *Văn hóa và nghệ thuật người Hoa ở TP.HCM*, Trung tâm Văn hóa TP.HCM, 2006, tr.71.

thì chỉ có cung điện mới được xây dựng theo kiểu chữ khẩu, bên trong có sân “Thiên tỉnh” (giếng trời) và được thờ Trung ương Thổ Địa Phước Đức Chính thần trên bàn cao ở giữa nhà. Còn dân gian thì làm nhà không có thiên tỉnh nên đưa Thổ Địa xuống đất, làm thần giữ cửa.

Trong Ngũ hành tương sinh thì “Thổ” sinh “Kim” tương ứng với hướng tây. Do vậy Thổ Địa đã chuyển thành Thần Tài và được thờ ở phía tây. Đó là lý do giải thích vì sao một vị thần Thổ Địa của tầng lớp quý tộc lại trở thành Thổ Địa dân dã¹. Người Hoa thường thờ tượng ông Địa và Thần Tài đi cặp nhau.

Một năm có 5 ngày vía Thổ Địa và Thần Tài, cụ thể là mừng 10 từ tháng 1 đến tháng 5. Cuối tháng 5 có ngày Địa Lạp, tức là đất đai hết sinh khí nên không cúng Long Thần nữa.

Các miếu người Hoa thờ Thổ Địa - Thần Tài ở gian Tiền điện. Đôi khi Thổ Địa - Thần Tài được đồng nhất với Phước Đức Chính Thần và được bài trí chung một cặp với Thần Tài. Các miếu tổ chức cúng Thổ Địa vào các ngày mừng 10 các tháng (từ tháng 1 đến tháng 5 Âm lịch). Lễ vật cúng là cá chép, cua luộc, tôm, thịt heo luộc, tép, hoặc trái cây, giấy vàng bạc...

¹ Nguyễn Văn Sanh cb, Sđd, tr.72.

VI. NGHI LỄ TẠI CÁC MIẾU

1. Lễ vía Thiên Hậu Thánh mẫu

Vào ngày 23/3 Âm lịch hàng năm, lễ vía Thiên Hậu Thánh mẫu được tổ chức tại Thiên Hậu cung, Thiên Hậu tự và Thiên Hậu cổ miếu. Ngày 23 tháng ba Âm lịch hàng năm là ngày vía chính của bà Thiên Hậu có lẽ dựa theo truyền thuyết cho rằng Bà sinh vào ngày này, lễ vía Bà cũng nhằm vào ngày bửu đản (kỷ niệm ngày sinh) của Bà.

Lễ vía bà Thiên Hậu ở Đồng Nai thường chỉ diễn ra trong một ngày và được tổ chức theo qui trình một lễ cúng truyền thống của người Trung Hoa.

Bắt đầu từ 7 giờ sáng, ông thủ miếu thắp đèn, chưng bông tươi, trái cây, đồ cúng, thắp nhang nhỏ trước bàn thờ Bà và các bàn thờ trong miếu. Trên các điện thờ đèn nến sáng choang, nhang trầm được đốt lên tỏa hương thơm ngào ngạt. Các loại hoa chưng trong chùa là hoa huệ, hoa cúc trắng, hoa cúc vạn thọ. Lễ vật cúng thường là heo quay được đặt nằm úp xuống mâm, 4 chân choãi ra hai bên, đầu quay về phía điện thờ, hai lỗ tai cắm hai bông giấy đỏ, gà luộc chín cắm bông giấy đỏ ở mỏ trang trí để tỏ lòng tôn kính của lễ dâng Bà (nếu không có đủ con heo thì chỉ tượng trưng thủ vĩ heo). Lễ vật cúng Bà là đồ mặn cùng các loại hoa quả, bánh trái, nước lạnh, rượu, trà... Ngày xưa lễ vía bà Thiên

Hậu thường phải cúng đủ “tam sanh” gồm heo, gà, dê làm thịt để sống. Nay tục lệ cũng như vật dâng cúng Bà được giản lược hơn.

Khoảng 8 giờ nghi thức cúng lễ bắt đầu với thành phần tham dự gồm có Ban Trị sự miếu, đại diện bang, hội những thiện tín có nhiều đóng góp công sức, tiền của cho miếu. Đại diện 3 người trong Ban Trị sự miếu làm Chánh tế mặc áo dài thụng, đầu đội nón bánh tiêu tượng trưng cho áo mào cân đai rất trang trọng¹. Mỗi người cầm ba cây nhang lớn (số 3 lễ thể hiện dương tính) thắp trước bàn thờ Bà và các bàn thờ phối tự khấn vái bằng tiếng Hoa với nội dung hàm ý ca ngợi công đức của Bà, nhân ngày vía Bà mọi người xin tỏ lòng biết ơn chân thành và mong sao Bà và các thần phù hộ cho mọi người, mọi nhà sống yên vui, làm ăn phát đạt, trong bang hội đoàn kết tương thân tương ái với nhau... Trong khi Ban Đại diện làm chánh lễ thắp mỗi bàn thờ 3 cây nhang lớn, những người dự lễ đứng phía sau mỗi người cầm một cây nhang nhỏ vái theo các vị đại diện chánh lễ. Sau ba tuần trà và ba tuần rượu, nghi thức khai lễ xong, một người trong

¹ Tại Thiên Hậu cổ miếu phường Bửu Long, trước đây nghi thức lễ vía bà Thiên Hậu thường do thầy cúng chính được mời từ TP.Hồ Chí Minh về hành lễ. Hiện nay ngày 23/3 (Âl) nghi lễ do Ban Trị sự Miếu làm chánh tế.

Ban Đại diện đi thâu nhang tận tay của từng người dự lễ đem cắm vào các bàn thờ trong miếu.

Tại Thiên Hậu cổ miếu trước đây có thầy cúng khai lễ, sau khi khai lễ xong có đốt pháo mừng Bà, tiếp đến đốt bộ giấy áo cho Bà (bộ giấy áo kích thước như thật viết tên Thiên Hậu Thánh mẫu) và giấy vàng bạc tại lư đồng giữa sân Thiên tỉnh nơi Trung điện. Sau này vì để bên trong khi đốt giấy vàng bạc khói nhiều nên Thiên Hậu cổ miếu chuyển lư nhang ra góc trái sân chùa trước am nhỏ thờ Thổ Địa.

Trước kia, sau khi kết thúc phần khai lễ và cộng đồng vía Bà xong, khoảng 11 giờ là phần hội đấu giá đèn lồng. Số lượng thường là 9 cái, vì người Hoa quan niệm số 9 là con số tốt, số đẹp, là số cao nhất trong 9 chữ số đếm đầu tiên (số dương). Thầy cúng cầm từng đèn lồng từ số 1 đến số 9 cúng vái, đọc câu thành ngữ giới thiệu ý nghĩa của từng cái ứng theo số thứ tự để mọi người tùy theo ý nguyện phù hợp mà tham gia đấu cho bằng được đèn lồng mà mình muốn. Thường đèn số 1 và số 9 được bà con tham gia đấu giá rất cao, vì quan niệm “nhất đầu, nhì đuôi” là những đèn đặc biệt quan trọng. Nếu được những đèn này đem về nhà treo tức là gia đình có được nhiều ơn phước, lộc, may mắn do Bà phù hộ, ban cho. Số tiền đấu giá đèn lồng được Ban Trị sự miếu đưa vào quỹ, kiến tạo cơ sở và làm kinh phí hoạt động của miếu.

Thủ tục khai lễ xong, mọi người đến vía Bà, sau khi cúng bái họ nhận của miếu 3 tấm giấy đỏ (12 x 25cm) trên có ghi dòng chữ Hán và đóng triện son: “*Thánh Mẫu tọa trấn*”, “*Hợp gia bình an*”, “*Bảo hộ an khang*”. Theo cách gọi của người Hoa, đây là hình thức “rước vía Bà” về nơi bàn thờ ở gia đình.

Tối gần trưa chuẩn bị cho bữa cơm đãi khách, Ban Trị sự miếu, trưởng bang hội và các khách mời tập trung vào ban ăn trưa tại miếu để thọ lộc của Bà. Đây cũng là dịp để mọi người trong bang hội tụ tập lại giao lưu sinh hoạt, trao đổi những kinh nghiệm sống, làm ăn hoặc giải tỏa những bất hòa giữa các cá nhân trong cộng đồng. Cở sở tín ngưỡng còn là cầu nối để bà con gửi gắm niềm tin nơi vị thần được thờ phụng. Mỗi dịp vía bà Thiên Hậu lại là dịp để bà con tưởng nhớ lại công đức của Bà, cùng suy gẫm và học tập theo gương nhân đức, hiếu đễ sáng ngời của Bà, góp phần hướng con người tới cuộc sống cao đẹp, sống nhân nghĩa tạo nên sự cố kết chặt chẽ trong cộng đồng xã hội.

Đến chiều, lễ vía Bà kết thúc, trước đây có cả những đội lân cùng xuất hiện biểu diễn nơi sân chùa với ngụ ý lễ vía Bà diễn ra thuận lợi, tốt lành và hy vọng sẽ gặp lại mọi người trong lễ vía Bà năm sau. Ngày nay, lễ cúng thường chỉ diễn ra trong một buổi sáng. Ngoài việc cúng bái, tại các miếu Hoa còn có các tục lệ xin xăm khá phổ biến trong dân gian.

Lễ vía Thiên Hậu Thánh mẫu của người Hoa ở Biên Hòa nay đã có những giản lược, không còn phong phú như xưa. Lễ cúng được tổ chức đơn giản, qui mô lễ nhỏ hẹp, không có thầy cúng, đối tượng tham gia thường là Ban Quản lý chùa (miếu), Ban Đại diện các bang hội và cộng đồng người Hoa tại địa phương (số ít là người Việt). Nghi thức khai lễ do Ban Trị sự miếu trực tiếp tổ chức điều hành, phân công các vị làm chánh tế và phụ tế. Nghi lễ ngắn gọn diễn ra trong một buổi và không có phần hội như trước đây.

2. Lễ Phong ấn

Lễ Phong ấn được tổ chức vào ngày 20 tháng Chạp Âm lịch tại Thiên Hậu cung. Khoảng thời gian từ 11 giờ đêm ngày 19 đến 11 giờ trưa ngày 20, Thiên Hậu cung lần lượt làm nghi lễ Khai ấn cho thần linh. Lễ cúng tương đối đơn giản. Ban Trị sự miếu chuẩn bị một cỗ cúng gồm 01 con gà luộc chín, nhang, đèn cúng vái lần lượt từ bàn thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân, Kim Hoa Nương nương và các bàn thờ trong miếu với mục đích cầu bà Thiên Hậu và các thần phù hộ, ban ơn cho cộng đồng coi như đã làm việc trong suốt một năm, nay sắp kết thúc năm cũ đến lúc Bà và các thần phải được nghỉ ngơi. Một người cầm ấn đóng lên tám giấy đỏ với dòng chữ “Phong ấn” bằng chữ Hán dán vào các điện thờ coi như bà Thiên Hậu và các thần được

nghỉ ngơi trong vòng 30 ngày thời điểm trước và sau tết Nguyên đán.

3. Lễ Khai ấn

Một tháng sau Tết, khoảng 11g ngày 19 tháng giêng làm lễ Khai ấn. Hình thức cũng giống như lễ Phong ấn, lễ vật là một mâm cúng với 01 con gà luộc và các giấy vàng bạc, nhang đèn. Đặc biệt, lễ vật trong lễ Khai ấn còn có bánh tổ với ý nghĩa là lễ vật vá trời (tích Nữ Oa vá trời). Khi cúng khẩn đại ý như sau: “Hôm nay ngày tháng năm trong ban, ông... thượng nhang... làm lễ khai ấn...”. Ban Trị sự thắp nhang cúng vái trước bàn thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương, Quan Thánh Đế quân với nội dung năm mới đã đến, cầu xin Bà Thiên Hậu và các vị thần tiếp tục phù hộ, ban phước cho cộng đồng. Sau đó, một người cầm ấn đóng vào lá bùa chữ “Khai ấn” gói lại bỏ vào hộp đặt dưới bệ tượng Thiên Hậu Thánh mẫu, có nghĩa từ lúc này Bà và các thần luôn hiện diện trong miếu, sẵn sàng đón nhận những lời thỉnh nguyện, cầu xin của cộng đồng.

Lễ Phong ấn và Khai ấn trước đây chỉ có ở Thiên Hậu cổ miếu và Thiên Hậu cung, vì cả hai cùng chung bang Họ - Sùng Chính. Lễ Phong ấn và Khai ấn sau này được các miếu người Hoa nói chung thực hiện trước Tết và sau Tết, trở thành phong tục tín ngưỡng dân gian truyền thống của bà

Nguyễn Thị Nguyệt

con người Hoa Biên Hòa duy trì trong cộng đồng vào mỗi dịp
tết đến xuân về.

* * *

CHƯƠNG IV

TỪ TÍN NGƯỠNG THỜ TỔ SƯ ĐẾN TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU

Người Hoa bang Hẹ khi đến vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai sinh cơ lập nghiệp với nghề thủ công có sẵn đem từ quê hương Trung Quốc qua là nghề khai thác đá và chạm khắc. Vùng núi Bửu Long khi xưa vốn là nơi có nguồn đá xanh thuận lợi cho việc khai thác nguyên liệu để làm nghề, dần dần cư dân tụ cư và xây dựng miếu thờ để thờ cúng Tổ nghiệp. Các vị Tổ sư được thợ đá tạc tượng, dựng miếu và tổ chức thờ cúng rất trang trọng, thể hiện tín ngưỡng lâu đời của cộng đồng ảnh hưởng từ cuộc sống thực tại, trong sản xuất kinh tế đến đời sống tâm linh.

Các vị Tổ sư có vị trí quan trọng trong đời sống tín ngưỡng của cư dân làm đá ở Biên Hòa, bởi vậy ngôi miếu được đầu tư xây dựng rất khang trang, kiên cố và độc đáo, biểu hiện cho sản phẩm của nghề nghiệp với nguyên liệu xây dựng miếu chủ yếu bằng đá xanh Bửu Long. Kiến trúc miếu Tổ Sư mang phong cách tiêu biểu kiến trúc truyền thống của đền miếu Trung Hoa và hoàn toàn giống Thất Phủ cổ miếu ở

Cù lao Phố. Lịch sử xây dựng, kiến trúc, bài trí thờ tự cụ thể đã được mô tả ở chương trước.

Việc chuyển đổi vai trò thờ Tổ sư sang thờ Thiên Hậu xuất phát từ nhiều nguyên nhân. Dựa trên nhiều tư liệu thu thập trong quá trình điền dã cũng như trao đổi, nghiên cứu, chúng tôi đưa ra ba nguyên nhân chủ yếu sau đây:

I. BÀ THIÊN HẬU LÀ THÁNH NHÂN LINH ỨNG NHẬP ĐỒNG CHỮA DỊCH BỆNH CHO DÂN LÀNG

Dân gian vùng Bửu Long ngày nay còn truyền tụng về việc thỉnh bà Thiên Hậu từ miếu Cây Quán về miếu Tổ Sư như sau:

Thời đó, vùng núi Bửu Long bị một nạn dịch (có lẽ là bệnh dịch tả), người bị bệnh chết rất nhiều. Những người bị bệnh chạy chữa uống thuốc đâu cũng không khỏi. Sau một thời gian dịch bệnh hoành hành, có một người được bà Thiên Hậu nhập đồng và phán bảo người dân nếu bị bệnh thì lên vùng núi Bửu Long hái các vị lá thuốc mà Bà chỉ dạy về sắc uống. Người dân trong làng nghe, làm theo và quả nhiên người trong làng hết nạn dịch bệnh. Từ đó người ta tin rằng

bà Thiên Hậu là vị thánh nhân đã phù hộ cho dân làng tai qua nạn khỏi¹.

Rồi từ sự tri ân, ngưỡng vọng, tôn sùng, người ta thấy cần phải rước Bà về thờ tại ngôi miếu Tổ Sư to lớn khang trang dưới chân núi Long Ẩn thì mới tương xứng với vị trí của Bà trong lòng người dân hơn là thờ Bà trong ngôi miếu nhỏ ban đầu ở xóm vườn ngay sát bờ sông trước kia.

Một lý do khác nữa, là cư dân người Hoa bang Hẹ sau này sinh sống tập trung ở khu vực chợ gần với miếu Tổ Sư hơn. Và lại, xung quanh miếu Cây Quăn hiện còn rất ít người Hoa sinh sống, vì vùng này sát mé sông, lâu ngày cũng bị sạt lở nhiều. Đó cũng là lý do mà người Hoa bang Hẹ đã thỉnh bà Thiên Hậu về thờ tại miếu Tổ Sư và dần dần đổi tên miếu Tổ Sư thành Thiên Hậu cổ miếu cho đến nay.

II. BÀ THIÊN HẬU TIÊU BIỂU CHO NỮ THẦN PHÙ HỘ NGƯỜI ĐI BIỂN VÀ VÙNG SÔNG NƯỚC

Bà Thiên Hậu là một trong những đối tượng tín ngưỡng phổ biến của người Hoa. Bà được tôn vinh với mỹ hiệu là Thiên Hậu Thánh mẫu, được tín sùng ở Trung Quốc và các quốc gia châu Á. Tín ngưỡng thờ Thiên Hậu còn được biết

¹ Câu chuyện dân gian về bà Thiên Hậu nhập đồng chỉ dạy trị bệnh được nhiều người Hoa bang Hẹ vùng Bửu Long cung cấp. Tác giả tổng hợp lại.

đến với tên gọi là tín ngưỡng thờ Ma Tổ ở đảo Mi Châu, Phúc Kiến (Trung Quốc) và sau này phổ biến ở các vùng biển phía Đông như: Đài Loan, Ma Cao, Hồng Kông¹... Truyền thuyết về tín ngưỡng Thiên Hậu mang tính thiêng liêng, huyền bí. Tục truyền rằng: “Vào ngày Bà mất, trên núi Mi Phong có một đám mây ngũ sắc từ từ bay lên trời và tiếng nhạc đưa thánh thót... Dân chúng dựng miếu thờ Bà trên đảo Mi Châu. Từ đó, họ thường nhìn thấy Bà mặc áo đỏ bay lượn trên biển để cứu những người gặp nạn. Vì thế, các hải thuyền bắt đầu thờ tượng Ma Tổ để cầu mong ra khơi được thuận lợi bình an. Tín ngưỡng Thiên Hậu ra đời từ đó”². Khi mới ra đời, tín ngưỡng Ma Tổ chỉ tồn tại trong dân gian vùng Bồ Điền, Phước Kiến (Trung Quốc). Nhưng hai thế kỷ sau, do điều kiện lịch sử, kinh tế và cả chính trị, xã hội của Trung Quốc đưa đẩy, tín ngưỡng này đã phát triển rất mạnh mẽ, toàn diện. Bà cũng được các triều đại liên tục sắc phong, đẳng cấp ngày càng cao, trở thành vị thần bảo hộ hàng hải có uy vọng lớn nhất của Trung Quốc thời cổ³.

¹ Năm 2009, “Tín ngưỡng và phong tục đối với Ma Tổ” được công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại.

² Phan Thị Hoa Lý (2014), *Tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam, tr. 19.

³ Phan Thị Hoa Lý (2014), *Tlđđ*, tr. 20.

Ở Việt Nam tín ngưỡng thờ Thiên Hậu được sách sử ghi nhận từ khoảng thế kỷ XVI. Các miếu thờ Thiên Hậu cùng với các thần linh người Hoa được xây dựng ở cả ba miền nhưng sớm nhất có lẽ ở Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam) và ở Cù lao Phố, Biên Hòa (Đồng Nai). Ngày nay, tục thờ Thiên Hậu và tín ngưỡng người Hoa ở Nam bộ phổ biến hơn các vùng miền khác, các miếu thờ phân bố ở các tỉnh Đông Nam bộ và Tây Nam bộ.

Năm 1679, Trần Thượng Xuyên cùng với Dương Ngạn Địch đem theo 3.000 người trên 50 chiếc thuyền xin thần phục nước Đại Việt và được chúa Nguyễn cho vào khai khẩn vùng đất Nam bộ. Trần Thượng Xuyên cùng với quan quân, gia quyến và nhiều nhóm người Hoa định cư tại vùng đất Cù lao Phố, dựng nên Nông Nại Đại Phố sầm suất hơn một thế kỷ. Nhóm Dương Ngạn Địch đi tiếp đến vùng sông Tiền, định tại Mỹ Tho. Khi người Hoa định cư ở đất Nam bộ, họ không quên đem theo hành trang của mình là tín ngưỡng tôn giáo biểu hiện của văn minh Trung Hoa. Họ lập làng, buôn bán làm ăn và củng cố niềm tin, tạo dựng những ngôi miếu thờ Quan Thánh Đế quân và Thiên Hậu Thánh mẫu.

Có thể nói, tín ngưỡng Thiên Hậu là một trong những biểu hiện tín ngưỡng dân gian thờ nữ thần khá tiêu biểu của người Hoa ở Nam bộ. Bà Thiên Hậu được thờ chính và phối tự tại đa số các cơ sở tín ngưỡng của người Hoa (nhiều nhất

là Quan Âm Bồ tát). Theo thống kê bước đầu có khoảng hơn 50 miếu thờ Thiên Hậu (thờ chính và phối tự) trong số gần 120 cơ sở tín ngưỡng thờ nữ thần người Hoa ở miền Đông Nam bộ. Bà Thiên Hậu được thờ cùng với các nữ thần người Hoa như: Cửu Thiên Huyền nữ, Quan Âm Bồ tát, Kim Hoa (Kim Huê) Nương nương, Ngũ Hành Nương nương, Địa Mẫu, Long Mẫu Nương nương, Bà Chúa Xứ, Chúa Sinh Nương nương, Mẹ Sinh, Mẹ Độ, Thất Tinh Nương nương, Trân Châu Nương nương, Diêu Trì Kim mẫu, Hậu Thổ Phu nhân, Thiên Phụ Địa mẫu, Tây Vương mẫu... Ở Đồng Nai, bà Thiên Hậu được cả người Hoa và người Việt tín sùng. Thống kê ban đầu có khoảng 15 miếu thờ Thiên Hậu ở Đồng Nai, nhưng tập trung đa số ở khu vực Biên Hòa. Riêng vùng Bửu Long chưa đây một cây số vuông mà có đến 5 ngôi miếu thờ Thiên Hậu vì vùng này gần sông nước và tập trung nhiều người Hoa.

Do tín ngưỡng thờ Thiên Hậu phổ biến và lòng tin vào sự linh ứng của Bà rất màu nhiệm, nên dần dần người Hoa coi miếu Tổ Sư là cơ sở thờ Thiên Hậu một cách chính thức, chứ không chỉ là đối tượng được phối tự với các vị Tổ nghề. Bởi thế, tên gọi “miếu Tổ Sư” dần được thay thế thành “Thiên Hậu cổ miếu” với lễ hội dân gian ít nhiều có liên quan đến bà Thiên Hậu cho đến nay.

Mặt khác, việc lựa chọn Thiên Hậu Thánh mẫu là đối tượng để đổi tên miếu Tổ Sư cũng là sự lan tỏa của tín

ngưỡng thờ Mẫu của người Việt khá mạnh mẽ trong tâm lý chung của cả hai cộng đồng Việt - Hoa. Người Hoa di dân xuống phương Nam vốn là những cư dân phương Đông trọng nông nghiệp gần gũi sông nước. Do vậy, cách nào đó, việc lựa chọn bà Thiên Hậu cũng là sự đương nhiên khi Bà cùng được người Việt hội nhập trong đại gia đình các nữ thần mà đỉnh cao là đạo Mẫu của người Việt từ bao đời nay.

III. THỂ HIỆN SỰ DUNG HỢP THẦN LINH NGƯỜI HOA TRONG TÂM THỨC DÂN GIAN NHẪM THU HÚT NHIỀU ĐỐI TƯỢNG TÍN NGƯỠNG

Trải qua quá trình lịch sử, người Hoa bạng Họ ban đầu tụ cư xung quanh khu vực núi Bình Điện, làng Bạch Khôi dọc theo bờ sông Đồng Nai. Hành trang của họ luôn có tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân là những thánh nhân phù hộ họ trên đường vượt biển từ Trung Quốc đến vùng đất mới. Từ thực tế cuộc sống, người Hoa đã thể hiện sự dung hòa trong văn hóa, biết kết hợp tín ngưỡng tất cả các vị thần thánh của họ bao gồm cả Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân và Tổ sư nghề nghiệp của nhiều đối tượng tín ngưỡng trong một miếu thờ một cách tổng hợp nhất.

Việc chuyển đổi công năng từ miếu Tổ Sư sang miếu thờ Thiên Hậu (theo như tên gọi “Thiên Hậu cổ miếu”)

nhưng thực chất vẫn là sự phối thờ, còn tín ngưỡng Tổ sư của nghề làm đá là chính. Vì Chánh điện hiện nay vẫn là trật tự thờ Tam vị Tổ sư (ở giữa) với ba tượng đá lớn, hai bên là Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân¹. Mặc dù tên gọi Miếu thay đổi thờ Thiên Hậu Thánh mẫu (thánh) nhưng việc bài trí tượng thờ chính vẫn giữ nguyên là Tam vị Tổ sư (Sư), do vậy Nguyễn Ngọc Thơ nhận định đó là sự hội nhập **“nội Sư ngoại Thánh”** hay **“nội kết ngoại tòng”** (tức liên kết bên trong, thả lỏng bên ngoài)². Việc phối tự thêm các đối tượng này trước tiên đó là việc bảo tồn tín ngưỡng cộng đồng, thờ những vị phúc thần của người Hoa, sau là vì nhu cầu thực tế nhằm để thu hút khách hành hương từ khắp nơi về cúng bái, chứ không chỉ giới hạn trong cộng đồng người Hoa bang Hẹ làm nghề điêu khắc đá. Điều này cho thấy việc người Hoa lựa chọn để đổi tên cơ sở tín ngưỡng là sự ảnh hưởng của yếu tố kinh tế và xã hội trong đời sống văn hóa của cộng đồng, nhằm cầu mong sự may mắn trong việc làm ăn và toàn vẹn trong sinh hoạt tín ngưỡng tâm linh.

¹ Theo cung cấp của những người trong Ban Trị sự miếu, họ không nhớ rõ thời điểm thỉnh Thiên Hậu và Quan Thánh Đế quân vào phối tự nhưng có lẽ khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX sau đợt trùng tu lớn miếu.

² Nguyễn Ngọc Thơ (2013), Bản sắc và hội nhập: “Nội sư ngoại thánh”, *Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch*, Số 14 (68), tháng 11/2013.

Việc dung hợp cả hai vị thánh nhân Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân là cách thức sống chan hòa, hòa hợp của người Hoa bang Họ ở Biên Hòa trong đối ứng với các nhóm Hoa khác như: Quảng Đông (thờ Quan Đế), Phúc Kiến (thờ Thiên Hậu) ở địa phương.

* * *

CHƯƠNG V

LỄ HỘI LÀM CHAY

Trong năm, tại miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu), ngoài các lễ vía Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân, ngày 13 tháng sáu Âm lịch hàng năm là lễ cúng Tam vị Tổ sư. Đáo lệ ba năm (vào những năm *Dần, Thân, Ty, Hợi*), miếu Thiên Hậu tổ chức lễ hội Làm Chay lớn diễn ra trong bốn ngày ba đêm từ ngày 10 đến 13 tháng sáu (Âm lịch). Lễ hội với nhiều nghi thức mang tính chất của Đạo giáo với mục đích tạ ơn Tổ nghề, tạ ơn thần linh, cầu nghề nghiệp, cầu an cho dân làng, xua đuổi mọi điều xấu, thoát khỏi các dịch bệnh và cầu siêu cho các vong linh, các linh hồn đã khuất trong ba năm qua.

I. TRUYỀN THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC LỄ HỘI

Làm Chay hay trai đàn là lễ cúng giải oan cho người chết oan uổng, trong vùng có nhiều người chết vì dịch bệnh, chiến tranh, cầu an trong cộng đồng địa phương.

Nguồn gốc của lễ hội Làm Chay có nhiều dị bản, được lưu truyền như sau:

1. Truyền thuyết cho rằng lễ Làm Chay có từ lâu đời ở Trung Quốc được truyền tụng đến nay. Vào một dạo, dịch bệnh đã xảy ra trong vùng, rất nhiều người chết, theo sự linh ứng lên đồng của bà Thiên Hậu người ta phải mời pháp sư đến lập trai đàn cúng cầu an, giải hạn cầu xin bà Thiên Hậu và các thần thánh phù hộ che chở, ban phúc cho dân làng tai qua nạn khỏi. Quả nhiên, sau đó dân làng đã thoát khỏi nạn dịch, xóm làng lại bình yên, công việc được thuận buồm xuôi gió, mùa màng bội thu, cuộc sống yên vui, hạnh phúc. Sau khi đến định cư tại quê hương thứ hai, người Hoa bang Hẹ cứ theo tục cũ mà tổ chức lễ hội Làm Chay ba năm một lần (vào những năm Dần, Thân, Ty, Hợi) tại miếu Thiên Hậu. Lễ hội đã trở thành nếp sinh hoạt văn hóa tinh thần trong tín ngưỡng của người Hoa ở đây hàng trăm năm nay (trừ khoảng thời gian những năm 1945-1947, do chiến tranh nên người ta không tổ chức Làm Chay).

2. Truyền thuyết do ông Trương Nguyên (trước trong Ban Trị sự Thiên Hậu cổ miếu, nay trong Ban trị sự Thiên Hậu cung) cung cấp về lễ Chay bà Thiên Hậu như sau: Cách nay khoảng 150 năm, ở vùng Bửu Long có nạn dịch tả, “Bà” nhập đồng vào ông Tào Khương (tiếng Hẹ gọi là *Sù Khoỏng*) cho biết phải có người lên núi hái đủ 100 vị lá thuốc về trị bệnh cho dân làng, người ta đã làm theo và trong vùng hết nạn dịch. Tại Thiên Hậu cung (Hội quán của người Hẹ -

Sùng Chính tọa lạc ở phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa) hiện còn 100 cây xăm¹ nói về 100 vị thuốc do bà Thiên Hậu linh ứng chỉ dạy trị bệnh. Từ đó, trong làng có ai bị bệnh, người ta đều đến Thiên Hậu cung cầu xăm xin thuốc trị bệnh. Ở chương II của sách này chúng tôi đã giới thiệu bản dịch của 100 vị thuốc của Thiên Hậu cung ít nhiều có liên quan đến truyền thuyết này (mặc dù bản dịch chưa đầy đủ do chưa đối chiếu được với bản gốc chép tay đối với một số chữ Hán viết chưa đúng). Căn cứ vào bản dịch trên thì một số vị thuốc hoàn toàn không phải là thuốc trị lý bệnh mà chủ yếu là tâm bệnh và đặc biệt là sự thể hiện niềm tin, lòng thành kính cũng sẽ đem lại sự khỏe mạnh cả thể chất và tinh thần cho con người trước thần thánh.

3. Một lý do khác là vào thời chống Pháp (1946), vùng Bửu Long là nơi ẩn trú của một số cán bộ Việt Minh. Nơi đây thường có những trận càn bố của Pháp, địch chém giết rất nhiều người ở khu vực này (ông Khoan bị bắn chết trước miếu Thiên Hậu, ông Ba Tiên bị Pháp chặt đầu nay có am

¹ Trước đây ông Trương Nguyên kể phải có 103 vị thuốc lá cây, nhưng sau này đối chiếu trong bản dịch 100 thẻ xăm thuốc, ông Trương Nguyên đính chính lại là 100 vị thuốc. Còn miếu Tổ Sư có 103 lá xăm vì ngoài 100 lá xăm thường, còn có thêm ba lá xăm: Đô Khôi, Đỉnh Khôi và Á Khôi.

thờ ở gần Ủy ban nhân dân phường Bửu Long). Vì vậy, đảo lệ ba năm phải làm chay để cúng các chiến sĩ trận vong...

Trên đây là một vài truyền thuyết về nguồn gốc lễ hội do một số người trong Ban Quản trị miếu Thiên Hậu cung cấp, còn đại đa số thì không rõ nguồn gốc của lễ hội mà chỉ biết tục lệ Trung Hoa từ lâu truyền lại đã có làm lễ này, nay lớp hậu sinh có bốn phận duy trì truyền thống văn hóa của cha ông.

Xét về nội dung truyền thuyết, thì nguyên nhân của việc tổ chức lễ Làm Chay là để tạ ơn bà Thiên Hậu chứ hoàn toàn không liên quan đến việc tạ ơn Tổ sư nghề nghiệp, mặc dù thời gian tổ chức lễ hội vào ngày 13 tháng 6 Âm lịch hàng năm lại chính là ngày vía Tổ sư Lỗ Ban, ông Tổ của nghề thủ công và nội dung đa phần là tạ ơn Tổ nghề (?). Có thể nói, đó là sự biến đổi và giao lưu của các mô típ truyền thuyết dân gian được gán ghép cho bà Thiên Hậu với vỏ bọc bên ngoài cho phù hợp với tên của miếu thờ. Từ đó, nhiều người cũng tiện để gọi lễ Làm Chay là lễ hội bà Thiên Hậu hoặc Làm Chay cho Bà (!?...). Còn thực chất lễ hội lại với ý nghĩa tạ ơn Tổ nghề. Khi quan sát, nghiên cứu và phân tích lễ hội, cho thấy có sự “dung hợp” giữa việc tín ngưỡng bà Thiên Hậu với Tổ nghề vốn có từ ban đầu.

Ở một góc độ khác, Nguyễn Ngọc Thơ dùng từ “vượt gộp”¹ để giải thích về hiện tượng người Hoa bang Hẹ Biên Hòa gọi tên lễ Làm Chay cũng như việc in tên “Lễ hội Thiên Hậu Thánh mẫu” trên lô gô của Ban Tổ chức và trên thiệp mời là hiện tượng thích nghi, biến đổi trong văn hóa của cộng đồng người Hoa Hẹ Bửu Long.

Như vậy, cũng có thể lý giải về nguyên nhân mà người dân tự nguyện khi đổi tên cơ sở tín ngưỡng và cả tên lễ hội từ “Tổ Su” thành “Thiên Hậu” là hoàn toàn phù hợp với nhu cầu tâm lý và nguyện vọng của cộng đồng địa phương trong hơn một thế kỷ qua.

II. CHUẨN BỊ LỄ HỘI

Để chuẩn bị cho một lễ hội lớn, diễn ra trong ba, bốn ngày và tiêu tốn nhiều tiền của, từ ngày 23 tháng ba Âm lịch vía Thiên Hậu Thánh mẫu Ban Quản trị miếu bắt đầu họp để thông báo tổ chức lễ và phân công việc cho từng bộ phận chịu trách nhiệm trong những ngày lễ hội. Sau buổi họp này, Ban Tổ chức bắt đầu đăng ký danh sách những người tham gia đóng góp kinh phí tổ chức lễ hội. Hạn chót đăng ký đến trước ngày 10 tháng sáu Âm lịch để Ban Tổ chức lễ tổng kết

¹ Khái niệm của Phan Ngọc dùng trong cuốn *Bản sắc văn hoá và bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Thông tin, 1998 (dẫn theo Nguyễn ngọc Thơ, 2013).

kinh phí. Mức đóng góp tùy lòng hảo tâm từ vài chục tới vài trăm ngàn đồng. Những người khá giả, có điều kiện có thể bỏ tiền “phước sương” từ vài triệu đến vài chục triệu đồng.

Người Hoa quan niệm càng bỏ nhiều tiền vào lễ Làm Chay, càng được nhiều phúc của bà Thiên Hậu và các thần. Số kinh phí đóng góp cho lễ hội lên rất cao, những lần lễ hội gần đây kinh phí tổ chức thường lên tới hàng trăm triệu đồng. Các khoản chi cho lễ bao gồm: mua sắm các đồ vật cúng lễ, trang hoàng, sửa sang miếu, cơm chay đãi khách trong ba ngày, tặng vật cho đại biểu dự lễ, đặc biệt kinh phí mời đạo sĩ về hành lễ¹. Khoản kinh phí này lên tới vài chục triệu đồng bao gồm thù lao trả công cho sáu, bảy đạo sĩ thực hiện nghi lễ trong ba bốn ngày đêm và tiền thực hiện các công trình đồ mã phục vụ cho tín ngưỡng làm chay như: hình nhân, đèn lồng, hoa đăng, tháp vàng bạc, bàn tay Phật, ngựa giấy...

Trước lễ một tháng, tất cả mọi công việc chuẩn bị đều phải hoàn tất. Vài ngày trước lễ hội, người ta dọn dẹp, vệ sinh trong và ngoài miếu, những bàn thờ được quét dọn, lau chùi sạch sẽ, các tượng thờ được thay những bộ áo choàng

¹ Những đạo sĩ này ở Thành phố Hồ Chí Minh chuyên cúng đám ma, cúng mở cửa mả, cúng tân gia, cúng miếu Thiên Hậu của người Hẹ và cúng cầu siêu (không tu học ở Đạo quán).

mới, trên các điện thờ trang trí nhiều ánh đèn rực rỡ. Kiệu thần (bà Thiên Hậu, Tam vị Tổ sư, Quan Thánh Đế quân) các biển bài vị, đồ bát bửu và nhiều đồ khí tự khác cũng được vệ sinh sạch sẽ. Những vòng nhang cầu an được bà con tới mua đốt treo sẵn ở Tiền điện và Trung điện tạo thêm sự ấm cúng cho miếu. Ngoài sân các vị trí dựng rạp chay và các điểm cầu an cúng thí cũng được chuẩn bị sẵn sàng vào đám.

III. TRANG TRÍ KHÔNG GIAN LỄ HỘI

1. Ngoài cổng, sân miếu

Ngày 9 tháng sáu Âm lịch, người ta bắt đầu treo đèn lồng, kết hoa, cắm cờ lễ hội trang trí từ Chánh điện tới sân và cổng miếu, không khí lễ hội náo nức từ lúc này. Ngoài cổng Ban Tổ chức treo biểu ngữ màu đỏ với hai dòng chữ Việt – Hoa màu vàng nội dung “*Chào mừng quý khách về dự lễ hội Chùa Bà*”, hai bên cổng có dán câu đối chữ Hán nền đỏ, chữ vàng, ý nghĩa cầu an, cầu phúc của lễ hội.

Bên cạnh lối cổng vào còn dựng một sân khấu có mái che ba mặt, trang trí các bức rèm màu đỏ thêu hoa văn rồng phượng của Đoàn Nghệ thuật Tuồng cổ Ngọc Khanh quen thuộc ở Biên Hòa. Vào các buổi tối, sân khấu biểu diễn ca kịch cổ hoặc biểu diễn nghệ thuật tạo không khí vui tươi, nhộn nhịp với đầy đủ nghi thức lễ và hội gắn kết tinh thần lạc quan của cộng đồng trong thời gian diễn ra lễ hội.

2. Cây nêu (thọ phước)

Giữa sân cỏ, dựng một cây nêu người Hoa gọi là “*Thọ Phước*” hay cây phước. Cây phước gồm ba cây tre cao thẳng (phát trụi hết cành, chỉ để lại ít cành lá ở ngọn) dài khoảng 7-8 mét, ngọn hướng lên trời, dựng song song thẳng hàng (được kèm bởi 9 thanh ngang để giữ ba cây tre cố định). Trên cây phước treo 52 ngọn đèn lồng phát bằng giấy màu trắng dán chữ Hán màu đỏ (mỗi đèn có một chữ), treo thành năm dây song song với nhau tượng trưng cho năm vị Tổ trong miếu thờ. Dây đèn ở giữa treo cao hơn và dài nhất với 20 đèn, trên cùng là biểu tượng cờ lệnh và mào với dòng chữ “*Cung chúc Ngũ Đẳng Tiên sư bửu đán*”, bốn dây hai bên mỗi dây 8 đèn với các dòng chữ “*Uất Trì Tiên sư*”, “*Lỗ Ban Tiên sư*”, “*Thiên Hậu Thánh mẫu*” và “*Quan Thánh Đế quân*”. Vài năm gần đây do quan niệm của Ban Trị sự miếu theo sự hướng dẫn của các đạo sĩ ở Thành phố Hồ Chí Minh về chủ tế nên đã thay đổi đối tượng cúng chính của Tam vị Tổ sư là Lỗ Ban Tiên sư thay cho Ngũ Đẳng Tiên sư. Do vậy, trang trí đàn chay và đèn lồng treo trên cây phước trong lễ hội Làm Chay vài kỳ đáo lệ gần đây cũng thay đổi từ tên Ngũ Đẳng Tiên sư thành Lỗ Ban Tiên sư vốn được xem là ông Tổ của nghề thủ công người Hoa.

Việc trang trí cây nêu với vị trí tôn vinh Tổ nghề (ở giữa) dù là “*Ngũ Đẳng Tiên sư*” (trước kia) hay “*Lỗ Ban Tiên*

su” (gần đây) thì vẫn có thể khẳng định cái gốc của lễ hội Làm Chay là vía Tổ nghề, nhưng do cơ sở tín ngưỡng đã đổi tên thành Thiên Hậu cổ miếu nên người Hoa dung hợp gọi là “lễ Làm Chay chùa Bà” hay “Làm Chay cho Bà” một cách thuận tiện hơn.

Mục đích của việc dựng cây nêu (cây phướn) như để báo cho các vị thần thánh biết địa điểm cúng chay để cầu an cầu phúc cho dân làng và siêu độ cho các cô hồn còn vương vất. Dưới cây phướn bày bàn hương án để các đạo sĩ cúng tế trong những ngày lễ hội. Bên phải sân lễ dựng lán nhỏ (kỳ đài lệ năm 2013 nơi đây được xây thành am kiên cố) đặt bàn hương án hình nhân Tiêu Diện Đại sĩ (dân gian quen gọi là Ông Tiêu) bằng khung tre, bên ngoài phất giấy màu đỏ, xanh, vàng sặc sỡ. Tiêu Diện Đại sĩ được xem là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ tát có khả năng xét xử, siêu độ các cô hồn dưới âm tào địa phủ, là hình tượng luôn luôn có trong các cuộc lễ chầu tế cầu siêu. Ông Tiêu ở lễ Làm Chay có đặc điểm mặt xám, bụng phệ, đầu đội mũ trên có ba sừng, tay phải cầm thẻ bài đưa lên, tay trái cầm cờ lệnh xuôi xuống, chiếc lưỡi thè dài. Hai bên Ông Tiêu là các hình nhân Thổ Địa, Tướng Quân và Thủy Quân (giải oan những người chết sông nước), đây là các vị hộ vệ cho Tiêu Diện Đại sĩ.

3. Rạp chay (đàn chay)

Giữa sân miếu là rạp chay đối diện với Chánh điện, có ba vách che kín. Đây là đàn chay chính được các đạo sĩ cúng tế liên tục trong các ngày làm chay. Trong rạp chay, trang trí đầy đủ từ bàn thờ, tranh ảnh, cờ trướng, liễn đối, nhang đèn, hương hoa... theo quy chuẩn của một điện thờ Đạo giáo (điện Tam Thanh).

Trên cùng cao nhất sát với xà ngang trong điện làm chay treo 5 xấp giấy bùa in chữ triện với các màu xanh, đỏ (2 xấp màu đỏ tươi và đỏ sậm), vàng (2 xấp màu vàng nhạt và vàng sậm). Màu xanh tượng trưng cho Linh Bảo Thiên tôn (Thượng Thanh), màu đỏ tượng trưng cho Thái Thượng Lão quân (Thái Thanh), màu vàng tượng trưng cho Lão Đức Thiên tôn (Ngọc Thanh). 5 xấp giấy bùa này, sau khi lễ tất sẽ được đốt một ít trong nghi thức xô giàn, số còn lại được Ban Tổ chức phân phát cho các gia đình tham gia làm công quả và phục vụ cho lễ hội này. Những lá bùa này được các gia đình dán thờ trong nhà để tẩy trừ ma quỷ, tà khí, tránh được những rủi ro, xui xẻo, đem lại sự bình an, may mắn cho gia đình...

Đàn chay được bài trí thành nhiều tầng:

Tầng trên là bàn thờ Tam Thanh với ba bức vẽ bằng giấy gồm: Thượng Thanh, Ngọc Thanh và Thái Thanh (tôn

danh của Lão Tử tức Thái Thượng Lão quân). Đây là những vị thần linh thiêng nhất của Đạo giáo.

Tầng thứ hai là bàn thờ phủ vải đỏ thêu kim tuyến rất trang trọng là nơi sẽ thỉnh thờ linh vị Tam vị Tổ, bài vị thỉnh từ các miếu có liên quan và Mễ Đấu (米斗), tiếng Hẹ gọi là “Mi tiêu” hay Long đình bốn mạng của cộng đồng.

Tầng ba cũng là bàn hương án được phủ vải đỏ thêu kim tuyến (nghỉ môn) rất lộng lẫy với đầy đủ hương hoa, đèn cây, cờ (một chạu gỗ vẽ hình âm dương cắm 5 cờ lệnh theo 5 màu của Đạo giáo), quạt và các đồ tế khí (nghỉ trượng) mà các đạo sĩ dùng trong cúng lễ. Ngoài điện thờ chính, hai bên vách rạp chay còn có dán các bức vẽ bằng giấy mô tả hình ảnh Thập Điện Diêm Vương (10 cửa ngục dưới âm phủ)...

Bên ngoài rạp chay bày bàn hương án Phán Quan (Dịch quan) xử án ở địa phủ bằng hình nhân giấy, hai bên có các lính hầu đội mũ chóp nhọn màu vàng. Hương án Phán Quan, Ông Tiêu và cây phướn là những vị trí được các đạo sĩ cúng tế trong suốt những ngày làm chay. Từ rạp chay đến các vị trí thờ ở trong và ngoài miếu đều được trang hoàng rất lộng lẫy. Hàng trăm chiếc đèn lồng lớn, nhỏ đủ loại được treo thành nhiều dãy bên trong và ngoài rạp chay (để bà con thỉnh lộc) trông rất đẹp mắt, tạo nên cảnh quan và không khí háo hức cho người đi trải hội.

4. Trong miếu

Trong miếu, đèn điện thấp sáng, đèn lồng lớn được treo lên, cờ trống trang hoàng khắp chỗ, nhang đèn và đồ cúng được sắp đầy đủ tất cả các bàn thờ... Ngoài những bàn thờ cố định trong Chánh điện, vào dịp lễ chay những vị pháp sư còn lập bàn hương án Trương Sư (hay Trương Thiên Sư) người sáng lập Đạo giáo, được coi là ông Tổ vẽ bùa chú Đạo giáo, là Tổ sư của các đạo sĩ.

Trước cửa miếu trang trí hai hình nhân Quan Văn và Quan Võ đứng rất uy phong như trấn giữ Thánh môn. Những câu liễn đối giấy được dán trên các cột và mặt tiền miếu. Hai bên cửa miếu bài trí 25 bộ áo giấy (áo bào, mũ, mào, hia, hài) tượng trưng trang phục của các chư thần Phật về dự lễ như: Định Phước Táo quân, Thượng Nguyên Thiên quân, Trung Nguyên Địa Quan đại quân, Hạ Nguyên Thủy Quan đại quân, Địa chủ Long thần, Ngọc Hoàng Đại Đế, Thổ Địa Bá Công, Nguyên sư Hòa thượng, Quan Âm nương nương, Long Mẫu Nương nương, Kim Hoa Nương nương, Tiên Cơ Nương nương, Thiên Hậu Nguyên quân, Lỗ Ban Tiên sư, Ngũ Đẳng Tiên sư, Uất Trì Tiên sư, Bách Gia Đại sư, Phật Môn Đại sư, An Ban Phò mã, Chiêu Tài đồng tử, Hộ dân Ngọc nữ, Địa Chủ Tài thần, Châu Xương Tướng quân, Quan Bình Đại đế, Tài Bạch Tinh quân.

Đặc biệt, bên trái cửa miếu (nhìn từ trong ra) người ta còn treo một cái sàng với ý nghĩa sàng gạo là công cụ sinh hoạt sản xuất nông nghiệp hoặc tượng trưng mắt thần nhìn thông suốt. Bên trên vành sàng cột một chùm cành lá gồm một cụm sả, một cành lá dương (trừ tà), một cái kiếng (sáng trong như gương), một cây thước mộc thợ may (làm người có chuẩn mực ngay thẳng, mực thước), một cây kéo nhỏ (trừ tà), 5 tép chỉ ngũ sắc (sự khéo léo), cành lá bưởi (tinh khiết). Những đồ vật trên có thể xem như “vật linh” tiêu biểu cho năm nghề nghiệp của người Trung Hoa xưa gồm: nghề nông, nghề mộc, nghề may thêu, nghề đan lát và nghề xây dựng. Do vậy, những “vật linh” trên càng nói lên bản chất của lễ Làm Chay chính là việc tạ ơn Thánh Tổ đã ban cho cư dân những nghề nghiệp để nuôi sống con người mà cộng đồng xã hội phải luôn tưởng nhớ và tôn vinh. Một mặt phải có ý thức giữ gìn nghề nghiệp và có đạo đức trong công việc thể hiện mối liên quan về tín ngưỡng và giáo dục nhân cách của con người thông qua tín ngưỡng và thực hành tín ngưỡng trong đời sống hàng ngày.

IV. DIỄN TRÌNH LỄ HỘI

1. Ngày thứ nhất: Khai lễ Làm Chay

a. Chiêu thỉnh chư thần

Đây là nghi thức vừa mang tính chất lễ vừa mang tính chất hội với việc tổ chức đoàn rước đông đảo hàng trăm người cầm cờ xí, múa lân sư rồng, trống nhạc... đi đến các miếu thờ trong khu vực chiêu thỉnh chư thần về dự lễ.

Đúng 8 giờ chuông trống gióng lên, báo hiệu giờ tốt khai lễ, Đạo trưởng chủ lễ làm nghi thức khai lễ rước linh vị Tam vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân đi thỉnh chư thần. Lời cúng khai lễ đại khái như sau: *“Hôm nay ngày... tháng... năm tại... các ông A, B, C... làm lễ này để cúng cầu an cho cộng đồng mời Tổ và Thần về dự lễ”*. Vị đạo trưởng Đạo giáo làm chủ tế mặc áo Bát quái Đạo bào màu đỏ trang trí biểu tượng Âm dương và Ngũ hành bát quái, đầu đội mũ màu đen đáy xếp bằng, tay cầm khánh - nhạc khí tròn dẹp như chiếc gương đồng vừa gõ vừa tụng kinh Thái Thượng Nguyên Môn kinh (sách nghi lễ Đạo giáo) bằng tiếng Quảng Đông để xin Tổ và các thần cho phép và chứng giám lễ làm chay của người Họ làm đá. Họ nêu mục đích của việc làm chay là để cầu phước, cầu nghề nghiệp và giải hạn cho cộng đồng trong ba năm qua, mong ước một cuộc sống an bình, may mắn, người người mạnh khỏe hạnh

phúc, nhà nhà sung túc, bang hội đoàn kết, tương trợ. Người chết thì được ơn siêu thoát, không còn vương vất quấy phá xóm làng. Cầu quốc thái dân an, mưa thuận gió hòa, công việc thuận lợi, phát tài, phát lộc...

Các thành viên trong Ban Quản trị miếu đại diện cho cộng đồng mặc áo dài gấm, đội nón bánh tiêu có lười trai (tượng trưng cho mũ áo mào cân đai ngày xưa) cung kính đứng phía sau, mỗi người cầm một cây nhang vái lạy theo vị Đạo trưởng. Sau vài lời kinh thỉnh ý thần, đạo trưởng cầm xấp giấy Kim bảng màu đỏ tụng kinh (chừng 15 phút) rồi xin keo đi chiêu thỉnh chư thần. Kim bảng là danh sách tên những người đóng góp kinh phí tổ chức lễ được một người cầm đứng sau vị đạo trưởng gọi là người ôm bảng (tiếng Hẹ gọi là “*lâm bon*”). Người ôm bảng là người lớn tuổi trong bang họ, đức độ, gia đình còn sống đủ cả vợ chồng, đông con, nhà không có tang được Ban Tổ chức chọn làm đại diện (giống vị “cai đám” trong lễ hội của người Việt). Người ôm bảng mặc áo dài gấm, đầu đội mũ, đeo một băng vải đỏ chéo qua ngực, tay bưng chiếc khay “*như ý cát tường*” đựng kim bảng phục vụ từ lúc khai lễ cho đến kết lễ. Vị này đại diện cho sự phúc và may mắn trong lễ hội. Ông Trương Quang Hỷ (sinh năm 1930) được Ban Tổ chức chọn là người ôm bảng trong nhiều kỳ lễ hội Làm Chay ở Thiên Hậu cổ miếu (năm 2004, 2010). Năm 2007 là ông Trương Lâm Thủy (sinh năm

1947) và năm 2013 là ông Đặng Tự Du (sinh năm 1949) là những người được Ban Tổ chức chọn là người ôm bảng.

Sau khi khai lễ, xin keo thuận, mọi người cúi lạy, thắp nhang trước bàn thờ Tổ, một người châm rượu và đốt giấy vàng bạc tạ ơn. Người ta bắt đầu rước linh vị Tam vị Tổ, Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân ra kiệu. Trên kiệu đặt bát nhang lớn ở phía trước để thỉnh bài vị của chư thần ở các miếu (tượng trưng bằng giấy đỏ viết tên từng thần) cắm vào đưa về rạp chay trong các ngày lễ. Kiệu được tám thanh niên khỏe mạnh mặc đồng phục khiêng. Ngoài ra còn một số người đi kế bên thay phiên khiêng kiệu. Người ta quan niệm ai được chọn khiêng kiệu là một điều may mắn và vinh dự. Trước khi khởi kiệu, các đoàn múa lân và rồng biểu diễn vài vòng xung quanh sân lễ và quanh kiệu, đoàn tây nhạc thổi lên khúc nhạc vui nhộn tạo nên không khí náo nức cho cuộc rước. Hàng trăm người tập trung chờ sẵn trong và ngoài sân miếu để sẵn sàng tham dự vào cuộc rước.

Đi đầu là các đoàn lân, sư, rồng, hầu vừa đi vừa múa lân trong những người cầm cờ, trưởng dẫn đầu cuộc rước. Thường có tới vài ba đoàn lân sư rồng cùng về tham gia vào đám rước, những đoàn lân sư rồng này của các nhóm người Hoa ở địa phương và Thành phố Hồ Chí Minh tự nguyện phục vụ khi được mời về dự lễ. Kỳ lễ đáo lệ Làm Chay năm

Kỷ Ty (2013), Ban Tổ chức sắm hần bộ đồ múa hầu đặt làm từ Trung Quốc đem về phục vụ cho lễ hội.

Tiếp sau cờ lễ hội là dàn nhạc ngũ âm của miếu xen lẫn với các đoàn lân khác tiếp theo sau. Tiếng trống, phèng la, chập chĩa hòa với tiếng kèn của đoàn tây nhạc tạo nên những âm thanh náo nhiệt, đặc trưng, rộn rã của ngày hội. Tiếp theo là bàn hương án đặt lư hương, cặp chân đèn, bình bông và đĩa trái cây tượng trưng cho các món cúng lễ. Theo sau bàn hương án là những người cầm bát bửu và 7 cặp giá biển bài vị màu đỏ¹. Lần lượt là hai cặp “Tiêu Chinh”, “Quy Bí” giống như tướng quân đi trước dẹp đường cho các vị thần đi sau; rồi đến các bài vị “Thiên Hậu Nguyên quân”, “Lỗ Ban Tiên sư”, “Uất Trì Tiên sư”, “Ngũ Đẳng Tiên sư” và “Hiệp Thiên Thượng Đế” (tức Quan Thánh Đế quân). Đây còn gọi là “lỗ bộ” tạo nên sự cung kính, uy nghiêm trong đám rước. Tiếp nữa là bốn người mặc trang phục tượng trưng cho bốn thầy trò Đường Tăng đi thỉnh kinh, rồi đến vị Đạo trưởng làm chánh tế, chi tiết này được tiếp thu đưa vào trong lễ hội những năm gần đây chứng tỏ sự dung hợp cả yếu tố Phật giáo với Đạo giáo trong tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở địa phương. Theo sau vị đạo trưởng là cặp lọng đỏ đi trước

¹ Bát bửu là 8 món đồ khí tế trong chùa bằng đồng là: đàn, sáo, lẵng hoa, sách kiếm, bầu rượu, túi thơ; quạt vốn là đồ dùng của các tầng lớp quý tộc trong các triều đình phong kiến xưa.

kiệu Thần, kiệu được các thanh niên rước đi rất trang trọng, nhịp bước và đồng bộ giữ thẳng bằng không để kiệu lắc lư và nghiêng ngả. Đi cung kính, trang nghiêm sau kiệu là người ôm bảng, Ban Tổ chức lễ, những thành viên trong Ban quản trị miếu. Cuối cùng là đoàn người dự lễ, nam nữ thập phương, các vị đại biểu, các khách mời, kể cả những kẻ hiếu kỳ... Tất cả đều hòa vào dòng người đông đúc làm cho cuộc rước như kéo dài cả một, hai cây số.

Lộ trình của đoàn rước từ Thiên Hậu cổ miếu qua khu chợ nhỏ làng đá đến xóm vườn miếu Cây Quăn (còn gọi là Thiên Hậu miếu) gần bờ sông (đối diện cù lao Rùa) để thỉnh bài vị Thiên Hậu. Từ miếu Cây Quăn, đoàn rước đi trong xóm vườn qua đình Bạch Khôi ra đường lộ vào khu du lịch Bửu Long (lối cổng trước) qua công viên để thỉnh bài vị Tiên Cơ Nương nương (miếu Bà Thánh) rồi ra cổng thỉnh bài vị Thổ Công hay Bá Công¹, kết thúc trở về miếu. Tại các điểm chiêu thỉnh chư thần, vị Đạo trưởng chủ tế, các vị đạo sĩ và Ban Tổ chức lễ, đại diện cho cộng đồng vào làm lễ thỉnh bài vị, đoàn rước đứng ở bên ngoài. Đạo trưởng chủ tế cầm nhạc khí vừa

¹ Thổ Công: Bá Công hay Thổ Địa theo truyền lại là người chết được chôn cất đầu tiên tại nghĩa trang Sùng Chính - Hẹ trước có miếu thờ ở Nghĩa từ bang Hẹ, nay là cổng khu du lịch Bửu Long), được coi như Thổ Địa của vùng đất này. Nay tượng Bá Công đặt trong am trước miếu Bà Thánh trong khuôn viên Khu du lịch Bửu Long.

gõ chuông vừa tụng kinh xin phép được thỉnh bài vị của chư thần về miếu dự lễ hội Làm Chay. Trong khi tụng, một người trong Ban Tế lễ châm rượu bàn thờ, đạo trưởng xin keo nếu keo thuận coi như hoàn thủ tục. Ban Tế lễ đứng phía sau mỗi người cầm một cây nhang xá ba xá, một người đi thâu nhang cắm vào bát nhang chính ở miếu, một người đốt giấy vàng bạc tạ ơn chư thần và kết thúc thủ tục chiêu thỉnh. Vị Đạo trưởng lấy bài vị chư thần (viết tượng trưng trên giấy đỏ) cùng ba cây nhang trên bàn thờ thỉnh ra kiệu đặt bên ngoài.

Trên các con đường đoàn rước đi qua, các gia đình người Hoa sắp sẵn một mâm hoặc cỗ đồ cúng hình tháp gồm giấy vàng bạc, nhang, đèn dầu, bánh trái đặt trên bàn nhỏ trước nhà để nghênh đón Tổ và các thần. Trước đây, hòa vào đoàn rước các gia đình đem mâm cúng về miếu cúng cầu siêu cho cô hồn. Những kỳ lễ đáo lệ gần đây, các mâm hoặc cỗ cúng của gia đình được Ban Tổ chức thống nhất cho thỉnh vào ngày hôm sau để hạn chế việc làm mất trật tự cho đoàn rước. Không khí của đám rước thật nhộn nhịp và linh đình với các trò múa lân, múa rồng, múa hầu, các ban nhạc ngũ âm, trống hội, tây nhạc... tấu lên rộn rã, tung bừng tạo niềm phấn khích trong cộng đồng dự lễ. Việc rước kiệu Thần đi đến các điểm chiêu thỉnh chư thần giống như cuộc vi hành của các vị Tổ nghề và Thần thánh qua xóm làng, tham quan tình hình làm ăn, sinh sống của bà con, người ta tin

rằng những nơi “linh vị” Tổ nghề và các thần đi qua sẽ đem lại bình an cho nơi đó. Vì vậy cuộc rước càng trở nên quan trọng, được bà con người Hoa hãnh diện, nghênh đón khi có kiệu Thần đi ngang qua. Trước năm 1995, các gia đình còn đốt pháo mừng khi kiệu Thần đi qua trong ngày thỉnh chư thần.

Khoảng 10 giờ đoàn rước trở về miếu, kiệu Thần được cung thỉnh, vị đạo trưởng đến trước kiệu thấp nhang tạ ơn việc thỉnh thần được tốt đẹp. Mọi người xá trước kiệu rồi bước vào rạp chay nghênh thỉnh linh vị của Tam vị Tổ, Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân và bát nhang bài vị của các chư thần đặt lên tầng cao nhất của điện thờ. Đạo trưởng tụng kinh cầu phúc, tạ ơn sau khi an vị các thần và chuẩn bị nghi thức thỉnh Thiên Hậu ở Thiên Hậu cung (phường Hòa Bình, thành phố Biên Hòa)¹.

Đoàn người đại diện đi bằng xe du lịch không có lân, rồng hay kèn trống đi thỉnh chư thần tại Thiên Hậu cung. Tại Thiên Hậu cung, Đạo trưởng và Ban Đại diện tụng kinh, thấp nhang, đốt giấy vàng bạc... xin keo thỉnh chư thần (giống như các miếu thỉnh trước đó). Các nghi lễ chấm dứt, đạo trưởng thỉnh bài vị và ba cây nhang ra xe về miếu, đặt

¹ Thiên Hậu cung cách miếu Tổ Sư chừng vài ba cây số (gần chợ Biên Hòa) cũng là cơ sở tín ngưỡng của người Hoa bang Hẹ - Sùng Chính.

lên điện thờ trong rạp chay cùng với bài vị các thần. Pháp sư vừa tụng kinh vừa xá tạ ơn các vị Tổ sư và bà Thiên Hậu đã phù hộ cho việc chiêu thỉnh diễn ra toàn vẹn và tốt đẹp.

Việc rước bài vị ở các miếu nhỏ xung quanh Thiên Hậu cổ miếu có ý nghĩa mời các chư thần về cùng chúng giám việc làm chay cầu an, cầu siêu của người Hoa bang Họ ở đây. Mặt khác, đây còn là sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở tín ngưỡng người Hoa trong bang họ với mối quan hệ mật thiết, đặc biệt trong dịp tổ chức lễ hội lớn ở địa phương.

b. Đãi cơm chay, biểu diễn võ thuật, múa lân sư rồng

Kết thúc lễ rước Thần, mọi người dự cơm chay ở sân miếu. Trong suốt những ngày diễn ra lễ hội, đại biểu, khách mời, khách vãng lai hay bá tánh gần xa đến đây đều được mời ở lại dùng cơm chay. Miếu chuẩn bị những món chay như: kiểng, mắm chay, bánh ít, đậu trắng xào tỏi, bí đỏ xào với tương tàu, cà tím xào tương tàu, củ cải muối xào và bánh bao để đãi khách ngày hai bữa trưa và chiều. Ba món: kiểng, mắm chay và bánh ít là món ăn của người Việt, thể hiện sự ảnh hưởng trong văn hóa ẩm thực giữa người Hoa và người Việt.

Ngoài sân, các đội võ thuật biểu diễn các trò hội như múa đao, múa võ... tạo nên không khí vui nhộn và khơi gợi

tin thần thượng võ trong dân gian. Những đội lân, sư, rồng trong và ngoài tỉnh được mời về dự lễ cũng thay phiên nhau biểu diễn những màn múa rất sôi động hào hứng và đẹp mắt. Năm 2013, đội múa hầu của Thiên Hậu cổ miếu được thành lập và múa phục vụ suốt những ngày diễn ra dịp lễ hội.

Sau khi khai lễ rước thần, miếu bắt đầu đón tiếp thiện tín đến lễ. Khách từ khắp nơi nườm nượp đổ về đây trong những ngày này. Họ đến miếu ngoài lòng sùng tín còn có những mâm lễ vật, trái cây, giấy tiền vàng bạc và cả số tiền phước sương cúng thần. Mâm trái cây sau khi cúng Tổ và Thần được gia chủ để lại cho miếu một nửa, còn một nửa đem về gọi là để hưởng phần lộc của thánh thần.

c. Lễ khai đàn, khai quang điểm nhãn

Hoàng hôn xuống, bắt đầu lễ khai đàn, khai quang điểm nhãn các tượng thờ và các đồ vật cúng. Lễ khai đàn do vị đạo trưởng làm chủ tế, xung quanh có 6 đạo sĩ phụ tế (đạo sinh) ngồi hai bên rạp chay mỗi người có một nhạc khí như: trống, chập chĩa, phèng la, kèn, mõ... phụ họa theo lời tụng của vị chủ tế¹. Vị chủ tế cầm Kim phong bảng giữa có ba cây nhang

¹ Đạo trưởng chủ tế lúc này bận áo choàng màu đỏ gọi là “Bát quái Đạo bào”, phía sau có hình âm dương bát quái, đầu đội mũ có chóp cao hình hoa sen giữa tượng trưng thái cực, ngọc như ý màu đỏ.

vừa tụng kinh vừa làm những động tác xoay một vòng tròn và xá nhiều lần. Ban đại diện đứng phía sau, mỗi người cầm một cây nhang xá theo vị chủ tế. Sau mỗi hồi tấu, một người đi thâu nhang đến cắm vào bát nhang trước bàn hương án. Cứ thế xong hai tuần rượu, vị chủ tế đốt tờ giấy vàng bạc viết chữ Hán có ý nghĩa tẩy uế, nhúng tàn tro giấy đốt vào tô rượu có cành lá bưởi tượng trưng cho sự tinh khiết, dùng binh khí nhúng vào tô rượu vẩy khắp rạp chay để tẩy uế¹. Từ rạp chay vị chủ tế đi khắp sân, các vị trí trong miếu, bàn thờ, hậu Tổ, và cả nhà bếp... để tẩy uế mọi thứ được sạch sẽ khi bước vào lễ hội chay. Đi sau Đạo trưởng chủ tế là 6 đạo sĩ phụ tế rồi tới những người trong Ban Tế lễ và Ban Quản trị miếu. Xong việc tẩy uế, mọi người trở về rạp chay, vị chủ tế cầm Kim bảng thứ ba tụng kinh, vừa cúi lạy điện thờ và hai bên vừa xoay tròn người (giống như hai lần trước). Kết thúc lễ khai đàn, đạo trưởng chủ tế cầm cả ba Kim bảng từ khay người ôm bảng đưa ra phía trước tụng kinh kết nghi thức. Một người trong Ban Tế lễ đứng ra đốt sớ, sau đó tất cả mọi người trong rạp chay đều xá lạy bốn hướng theo tính chất Âm dương Ngũ hành của Đạo giáo (trong Ngũ hành con người là trung ương).

¹ Binh khí (nghi trượng): con dao găm xung quanh có vòng sắt dùng để vẩy nước trừ tà.

Trở ra bàn hương án phía ngoài rạp chay (trước miếu), đạo trưởng chủ tế và hai vị phụ tế (một người gõ trống, một người đánh chập chĩa) tụng kinh bắt đầu nghi thức khai quang điểm nhãn.

Lễ vật nghi thức khai quang điểm nhãn gồm: một đĩa gạo rải tiền các bên trên, ba đĩa đồ chay (gồm món tàu hũ ki, bún tàu và nấm mèo), ba chung lớn rót rượu, ba chung nhỏ rót trà, một tô nước trắng + lá bưởi, một chung rượu hòa thần sa, một con gà trống, ba con ngựa giấy có hình nhân + nhang trường, một đĩa giấy tiền vàng bạc, một cây cọ tàu cột đoạn cán dài 2m để điểm nhãn.

Vẫn là những động tác tụng kinh, xá, xoay tròn người rồi lại tụng trong vài phút. Một người rót trà rượu, pháp sư cầm tô nước có lá bưởi rảy xung quanh tẩy uế bàn lễ. Sau đoạn kinh ngắn, vị chủ tế ngậm một ngụm nước trong tô cầm con gà trống còn sống (to khỏe, mào lớn, màu đỏ, biểu hiện sự sung mãn và tốt lành) nhắc lên cao phun nước vào đầu gà, dùng móng tay cấu vào mòng gà (là vị trí cao nhất của con gà có ý nghĩa sạch sẽ) cho máu nhỏ vào chung rượu hòa lẫn với thần sa (có màu đỏ son) trong có vài lá bưởi là hỗn hợp sẽ được dùng để khai quang điểm nhãn. Vị chủ tế cầm cây cọ tàu cán dài nhúng vào chén rượu có huyết gà chấm vào các đồ vật, các tượng trong miếu từ bàn thờ các vị Tổ sư, Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân tới Phúc

Đúc Chính thần, hương án Trương Thiên sư; ra ngoài sân, điểm nhãn hàng trăm đèn lồng, cờ, phướn, hình Phán Quan; ở ngoài cổng điểm nhãn cây phướn và Ông Tiêu. Theo sát đạo trưởng chủ tế, một đạo sĩ phụ tế cầm một cây nhang dài chấm nhang vào các vị trí, các đồ vật được pháp sư điểm nhãn trước đó. Một đạo sinh đi theo cầm chén thần sa và xách con gà trống mới lấy máu ở mào gà để phục vụ. Màu đỏ và nhang trong nghi thức khai quang điểm nhãn tượng trưng cho ánh sáng và màu sắc có ý nghĩa truyền sức sống của thần thánh vào các tượng cũng như các đồ vật trong chùa. Khai quang điểm nhãn cũng là mở mắt cho Thần. Sau khi điểm nhãn, các tượng hoặc hình nhân trước đó phong kín mặt, bắt đầu được mở ra.

Kết thúc lễ khai quang điểm nhãn, Đạo trưởng chủ tế trở về bàn hương án điểm nhãn và ra ngoài sân đốt ba con ngựa giấy trên lưng có ba vị tướng quân mặc áo màu vàng, đỏ và xanh đại diện thiên binh, sứ giả mời các quan về dự lễ hội. Sau cùng pháp sư kết lễ hỏa số, tung tiền và gạo ra để thí thực kết thúc ngày vào đám.

2. Ngày thứ hai: Khai kinh cầu an

a. Lễ khai kinh cầu an

Từ sáng sớm Ban Tổ chức cho đoàn múa lân đến các gia đình rước các mâm cúng, các cỗ tháp giấy vàng bạc cúng

cô hồn về miếu, xếp thứ tự theo từng hàng trong sân. Cỗ đồ cúng hình tháp (cao khoảng 1,5m, rộng khoảng 0,5m), bốn mặt gắn bánh, kẹo, thuốc lá, quẹt ga, mì gói, kẹo cao su, giấy vàng bạc... Trên đỉnh tháp gắn cờ giấy kiểu đuôi nheo ghi tên người phụng cúng. Đoàn lân sắp xếp rước cỗ cúng trong một ngày, mỗi lần rước 4 cỗ. Quan sát những cỗ cúng thí này, chúng tôi thấy có khá nhiều tên gia đình người Việt phụng cúng. Có thể thấy, lễ hội Làm Chay thực sự là sinh hoạt tín ngưỡng chung của cư dân địa phương, không phân biệt Hoa hay Việt.

Đúng 8 giờ, vị chủ tế bắt đầu khai kinh cầu an tại rạp chay. Sau mỗi đoạn kinh, cả chủ tế và cộng đồng tham dự cầm nhang làm động tác vái trước đàn và hai bên Thập Điện Diêm Vương (mỗi hướng ba vái), một người trong Ban Tế lễ châm ba chung trà và rượu trên bàn thờ. Sau hai tuần trà và rượu trong rạp chay, vị chủ tế và cộng đồng ra cúng bàn hương án dưới cây phước và bàn thờ Tiêu Diện Đại sĩ. Lễ vật cúng gồm có trái cây, ba chung trà, ba chung rượu, nhang và bông tươi. Thủ tục cúng tế cũng giống như ở rạp chay: vái ba vái, châm trà - rượu, đốt giấy vàng bạc và thắp nhang lạy tạ xin các thần phù hộ chứng giám, cầu an cầu phúc cho dân làng. Xong vị trí Ông Tiêu, đoàn hành lễ trở vào sân cúng trước bàn hương án Phán Quan với kinh Vãng Sanh để cầu siêu cho cô hồn.

Trở vào miếu, vị chủ tế và cộng đoàn theo sau cúng trước các bàn hương án Trương Thiên sư, ba bàn thờ Tổ và thần trong Chánh điện, bàn thờ tiền hiền hậu hiền, các ân nhân đóng góp công của cho miếu. Lúc này dưới ba bàn thờ chính trong miếu ngoài nhang đèn, giấy vàng bạc còn có rất nhiều lễ vật của thiện tín đưa tới cúng, mọi người đều tin với lòng thành cầu xin sẽ được Thần ban phước, nhất là vào dịp lễ hội trọng đại này. Khách tới lễ thần vào những ngày này rất đông, không chỉ ở địa phương, mà có cả người Hoa ở Bình Dương và Thành phố Hồ Chí Minh tới tham dự. Một số Hoa kiều ở nước ngoài cứ dịp này lại trở về đây dự lễ và đóng góp tiền phước sường cho miếu rất hậu. Trước mỗi bàn thờ, đoàn hành lễ cũng tụng những kinh cầu an, cầu phúc và thắp nhang, đốt giấy vàng bạc giống như ở bên ngoài. Việc cúng tế các bàn thờ trong miếu có vị trí đặc biệt, là trung tâm của cơ sở tín ngưỡng. Các vị Tổ nghề, Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân, Trương Thiên sư, Tiền hiền hậu hiền là những bậc thánh thần và những con người công đức trong tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa ở đây.

Kết thúc lễ khai kinh cầu an, chủ tế và cộng đoàn trở về rạp chay làm nghi thức thắp nhang vái tạ các thần ở đàn chính. Các đạo sĩ thay phiên nhau tụng kinh, thắp nhang vái bốn phương và trung tâm tượng trưng cho Ngũ hành. Tính chất của Ngũ hành là 5 yếu tố về cấu trúc không gian vũ trụ,

trong đó nguồn gốc nông nghiệp phương Nam biểu hiện ở hành Thổ tức là đất rất quan trọng đối với nông nghiệp, mà vật biểu trưng của hành Thổ là con người chiếm vị trí trung ương, cai quản bốn phương. Trong khi cúng, một người đại diện châm trà, rượu và đốt giấy vàng bạc. Lúc này, ngoài Ban Tế lễ còn có các thiện nam tín nữ cầm hoa tươi đứng phía sau cùng dự lễ. Sau khi đốt giấy vàng bạc, mọi người thắp nhang quay một vòng xá ba lần hướng về miếu, kết thúc một buổi khai kinh.

b. Lễ Ngọ Môn đáp tướng

Để tiến hành nghi thức Ngọ Môn đáp tướng (午門搭將), khoảng 12 giờ trưa các đạo sĩ bắt đầu nhập đàn, tụng các kinh Thái Thượng Nguyên Môn kinh, Thái Ất kinh, vái năm phương theo triết lý Âm dương Ngũ hành, vẩy rượu tẩy uế, vừa tụng kinh vừa múa dẻo hai tay kiểu bắt ấn để trừ tà khí và xua đuổi ma quỷ.

Từ trong rạp chay, các vị đạo sĩ trở ra bàn hương án trước miếu làm lễ Ngọ Môn đáp tướng cầu an cho cộng đồng. Bàn hương án lúc này bài trí bức tranh kiếng hình năm vị quan văn sứ giả của nhà trời tượng trưng cho Ngũ hành, trong tranh có ghi hàng chữ Hán "*Thiên Địa Thủy Dương Tứ Trục Công Tào*" (天地水阳四直工曹). Tứ Trục Công Tào là bốn vị thần trông coi về thời gian trên thiên đình trong

thần thoại Trung Hoa gồm: Trục Niên thần Lý Bính trông coi về “năm”; Trục Nguyệt thần Thừa Ất trông coi về “tháng”; Trục Nhật thần Chu Đẳng trông coi về “ngày” và Trục Thời thần Lưu Hồng trông coi về “giờ”.

Sau một tuần trà, một tuần rượu, vị đạo sĩ thứ nhất tượng trưng cho hành Mộc phương Đông, đứng lên cầm sớ và cờ lệnh màu xanh lục vừa tụng kinh vừa múa cờ lệnh, xong một đoạn kinh cắm cờ lệnh vào lư nhang trước hương án. Lần lượt vị đạo sĩ thứ hai tượng trưng cho hành Hỏa phương Nam, đứng lên cầm sớ và cờ lệnh màu đỏ cũng làm như vị đạo sĩ thứ nhất rồi cắm cờ lệnh xuống trước hương án. Cứ thế, đạo sĩ thứ ba cầm cờ lệnh màu trắng tượng trưng cho hành Kim phương Tây, rồi đạo sĩ thứ tư cầm cờ lệnh màu xanh dương (thay cho màu đen) tượng trưng cho hành Thủy phương Bắc cũng tụng kinh rồi cắm cờ lệnh xuống bàn hương án. Cuối cùng, Đạo trưởng chủ tế đứng lên cầm kiếm lệnh và cờ lệnh màu vàng tượng trưng cho hành Thổ ở trung tâm tụng kinh, múa kiếm, múa cờ và cắm cờ lệnh trước bàn hương án. Một người đại diện đốt giấy vàng bạc, Đạo trưởng cầm kiếm lệnh và sớ đỏ cùng cộng đồng vái ba hướng, bỏ kiếm lệnh xuống bàn xoay người vái năm hướng theo Ngũ hành kết lễ.

c. Lễ Ngộ Môn thượng thiên

Buổi chiều, các đạo sĩ làm lễ Ngộ Môn thượng thiên. Cũng tương tự như phần đầu lễ Ngộ Môn đáp tướng, năm đạo sĩ nhập đàn tung kinh Đạo giáo với ý nghĩa thanh tẩy vùng đất và triệu vời thần linh.

Lúc này, dưới bàn hương án sắp sẵn bốn con ngựa giấy trên lưng có túi số và bốn vị tướng quân mặc áo xanh lục, đỏ, trắng và xanh đen đại diện cho bốn hành Mộc, Hỏa, Kim, Thủy ứng với bốn phương Đông, Nam, Tây và Bắc của cấu trúc không gian vũ trụ, đây là các vị sứ giả tứ phương của Ngọc Hoàng được mời về dự lễ. Bốn con ngựa cũng tượng trưng cho Tứ Trụ Công Tào tức “*Năm, tháng, ngày, giờ*” để gia chủ cầu theo sở nguyện.

Đạo trưởng chủ tế làm nghi thức rảy nước lá bưởi tẩy uest trước bốn con ngựa, múa điệu bắt ấn, tung kinh và đốt giấy vàng bạc trừ tà, một người rưới lần lượt ba chung rượu lên bốn con ngựa. Kế đó bốn đạo sĩ cầm bốn con ngựa làm động tác như cưỡi ngựa đi vòng quanh bàn hương án bốn vòng theo chiều ngược kim đồng hồ (hướng đến); rồi lần lượt từng đạo sĩ (phụ trách cưỡi con ngựa) đứng lên cầm số tung một đoạn kinh, xen kẽ là những câu đối thoại của vị Đạo trưởng chủ tế. Nội dung đối thoại: “*Anh đến từ phương nào? Có nhiệm vụ gì?*”. Các đạo sĩ trả lời đến từ bốn phương Đông,

Nam, Tây, Bắc; là tướng văn (người đưa thư) sứ giả của Ngọc Hoàng... Âm điệu đối thoại rất vui theo tiếng Quảng Đông. Tuần tự từng đạo sĩ thứ nhất cho đến đạo sĩ thứ tư biểu diễn. Kết thúc, Đạo trưởng chủ tế cầm sớ báo cáo với các thánh thần. Sau cùng bốn đạo sĩ cầm bốn con ngựa đi theo chiều kim đồng hồ (hướng đi) vòng quanh bàn hương án bốn vòng, rồi ra cổng hỏa mã bốn con ngựa có hình nhân và giấy áo vàng bạc. Nghi lễ này hoàn toàn mang yếu tố của Đạo giáo theo tính chất Âm dương Ngũ hành với ý nghĩa mời gọi thần linh về dự lễ và thanh tẩy vùng đất thiêng không cho khí âm xâm nhập.

Việc hỏa mã có ý nghĩa các sứ giả sẽ về báo cáo lại với Ngọc Hoàng, các vị thần thánh đã về dự lễ Làm Chay ở đây. Các pháp sư và cộng đồng chúng giám vái tạ bốn lần trong khi hỏa mã. Trở về rạp chay, vái tứ phương mỗi phương ba vái tạ ơn thần thánh kết thúc nghi lễ hỏa mã.

d. Lễ cúng liệt vị

Chiều tối, Đạo trưởng tụng kinh cầu an lần thứ hai, cộng đồng mỗi người cầm một cây nhang vái theo chủ tế trước bàn hương án một vái, trước rạp chay ba vái, hai bên Thập Điện Diêm Vương mỗi bên ba vái. Sau một tuần trà, một tuần rượu, tụng xong đốt giấy vàng bạc, các đạo sĩ bắt đầu cúng các vị trí cây phướn, Tiêu Điện Đại Sĩ, Phán

Quan. Trở vào miếu, thắp nhang cúng các bàn thờ Trương Thiên sư, các vị Tổ, Thiên Hậu Thánh mẫu, Quan Thánh Đế quân, Tiên sư... giống như buổi sáng để cầu an cho cộng đồng, cầu cho quốc thái dân an, công việc thuận lợi, buôn bán phát tài...

đ. Niệm kinh cầu an

Buổi tối, các đạo sĩ trở lại rạp chay tụng kinh cầu an lần ba trong ngày với những nghi thức tụng, vái lạy bốn phương, châm trà, châm rượu, đốt giấy tiền vàng bạc và thắp nhang trước đàn chính, dâng những lời cầu xin lên thần thánh. Mục đích cầu mong Tổ và các thần phù hộ cầu an cho dân làng, lấy đi những điều xấu trong ba năm qua. Chừng 10 giờ khuya thì buổi kinh kết thúc.

3. Ngày thứ ba: Chánh lễ Làm Chay

a. Lễ Khai kinh cầu an

Buổi sáng bắt đầu lễ khai kinh, cũng giống như ngày hôm trước các đạo sĩ thay phiên nhau tụng trong rạp chay rồi đến các vị trí cây phước, Tiêu Diện Đại sĩ, Phán Quan, Trương Thiên sư, các bàn thờ Tổ trong miếu: tụng niệm, thắp nhang khấn vái, châm trà rượu, đốt giấy vàng bạc để xin các thần thánh về chứng giám cầu phúc cho cộng đồng... Trong khi các đạo sĩ làm lễ cầu an trong rạp chay, ở ngoài sân các đoàn múa lân biểu diễn các màn múa rất sôi động,

nhộn nhịp, trống lân cùng hòa vào với dàn nhạc ngũ âm của các đạo sĩ trong rạp chay tạo nên sự nối kết, hòa hợp của ý nghĩa “trong chay, ngoài hội” khiến quang cảnh trở nên nhộn nhịp, sôi động của hội lễ.

b. Lễ Khai bảng

Chuẩn bị nghi thức khai bảng, người ta dán Long hồ Đại hồng Kim bảng gọi tắt là “Kim bảng” lên vách rạp chay với diện tích khoảng $6m^2$ (4m x 1,5m). Đạo trưởng chủ tế thắp ba cây nhang trưởng tụng kinh trước Kim bảng. Kim bảng là bản danh sách bằng giấy đỏ viết chữ Hán màu vàng ghi tên những người đóng góp tiền tổ chức lễ hội. Người ôm bảng bung một bản khác trên khay như ý cát tường đi sau vị Đạo trưởng chủ tế như một sự hiện diện thường trực trong lễ hội. Khai bảng là phần nghi thức quan trọng với ý nghĩa đặc biệt tri ân những người đóng góp kinh phí là yếu tố góp phần quyết định cho qui mô được tổ chức của lễ hội. Lễ hội diễn ra trong nhiều ngày tiêu tốn nhiều tiền của, cũng nhờ vào tấm lòng sùng tín hảo tâm đóng góp không tính toán của bá tánh với tín ngưỡng thờ Bà Thiên Hậu và Tổ nghề.

Đạo trưởng chủ tế làm lễ tẩy uest và khai quang điểm nhãn Kim bảng (bắt con gà trống lấy máu ở mào hòa vào chén rượu pha thần sa, dùng cọ tàu và nhang trường khai quang điểm nhãn giống điểm nhãn đèn lồng). Đi từ phải qua

trái xuôi theo thứ tự viết chữ Hán, Đạo trưởng vừa tụng kinh, vừa đọc tên từng người trong Kim bảng với ý nghĩa cầu Tổ nghề và các thần ban phúc cho những ân nhân đã đóng góp tiền của cho lễ. Long hổ Đại hồng Kim bảng tại lễ Làm Chay, ngoài tên người Hoa còn có tên một số người Việt cũng tích cực đóng góp cho lễ hội này (chúng tỏ lễ hội không chỉ có ý nghĩa tín ngưỡng đối với người Hoa mà còn có ý nghĩa đối với người Việt). Sau một giờ tụng xong Kim bảng, vị Đạo trưởng trở về bàn hương án trước rạp chay cầm số tạ ơn, tung gạo ra xung quanh, một người phụ lễ đốt giấy vàng bạc, tất cả mọi người thấp nhang vái tạ kết thúc lễ Khai bảng.

c. Hội thỉnh đèn lồng, thỉnh lộc thánh

Trước đây, vào ngày này sau lễ Khai bảng, từ 10 giờ đến 12 giờ trưa, miếu thường có tục đấu giá đèn lồng, số lượng thường là 9 cái. Kể từ lễ Làm Chay năm 1995 đảo lệ cho đến nay, Ban Tổ chức lễ không tổ chức đấu giá đèn nhưng thay vào đó cho thỉnh đèn lồng. Vào lễ hội chay, hàng trăm chiếc đèn lồng lớn, nhỏ màu đỏ hình lục giác và hình tròn cùng những cờ, trướng đủ màu sắc được treo thành nhiều hàng dài song song bên trong và ngoài rạp chay trông rất rực rỡ.

Đảo lệ năm Giáp Thân 2004, số lượng đèn lồng cho thỉnh là 500 cái được qui định thành 6 loại: đèn số 1 là

Thánh đăng (đèn của bề trên); đèn số 2 là Kim đăng (cầu lộc, của cải vàng bạc, châu báu); đèn số 3 là Tài đăng (cầu tài lộc, việc làm); đèn số 4 là Phước đăng (gia đình cầu Phước; đèn số 5 là Bình an đăng (gia đình cầu bình an) và đèn số 6 là đèn cầu sức khỏe. Năm Kỷ Ty 2013, số đèn lồng cho thỉnh là 1.050 cái cụ thể như sau: 100 đèn số 1 (giá 3 triệu đồng/cái), 100 đèn số 2 (giá 2 triệu đồng/cái), 150 đèn số 3 (giá 1 triệu đồng/cái), 300 đèn số 4 (giá 600 ngàn đồng/cái), 400 đèn số 5 (giá 400 ngàn đồng/cái).

Sau lễ khai quang điểm nhãn, hôm sau những ai có nhu cầu đều có thể đến miếu thỉnh đèn, cờ và trướng. Số tiền thỉnh đèn không ấn định tùy theo khả năng của người đóng góp từ vài chục ngàn đồng cho tới vài trăm ngàn đồng, vài triệu đồng, thậm chí vài chục triệu. Nếu ít tiền thì đèn lồng tròn nhỏ, còn nhiều tiền thì đèn lồng lục giác lớn... miễn là ai cũng có thể đem lộc của Thần thánh về nhà, chứ không như tục đấu giá đèn lồng chỉ những người giàu mới đủ khả năng hưởng lộc của Bà.

Người muốn thỉnh đèn đến đăng ký với Ban Tổ chức sẽ được ghi giá tiền lên Biên nhận và đăng ký vào sổ. Sau đó, chủ nhân cầm Biên nhận ra sân miếu nơi treo đèn, bộ phận giao đèn xem Biên nhận để lấy loại đèn quy định trao cho chủ kèm theo cây nhang và bao lì xì lộc của Bà. Gia chủ nhận lấy đèn và đem vào miếu thắp nhang cúng tạ ơn trước

bàn thờ Thiên Hậu, sau đó đem đèn về nhà. Thỉnh đèn không chỉ có người Hoa mà còn có nhiều người Việt đến thỉnh nguyện.

Thỉnh đèn cũng là nét đổi mới trong việc cách tân lễ hội tín ngưỡng truyền thống của người Hoa ở Đồng Nai nói chung và Biên Hòa nói riêng, nhằm đáp ứng nhu cầu chính đáng về tinh thần trong cộng đồng. Số cờ và trống được Ban Tổ chức tặng cho các chùa, miếu ở trong và ngoài tỉnh khi được mời về dự lễ.

Ngoài thỉnh đèn, những kỳ đáo lệ gần đây, Ban Tổ chức còn chuẩn bị những phần lộc nhỏ như: gạo phong vào từng gói nhỏ đặt trên bàn thờ Thiên Hậu. Khi bá tánh có nhu cầu đến thắp nhang, cầu nguyện xong, đặt vào đó những phần lễ cúng như trái cây, hoa tươi thì lại được Ban Tổ chức cho nhận lại những phần lộc nhỏ là một vài gói gạo, một phần trái cây trên bàn thờ và một vài cành hoa. Người đi lễ cúng tin rằng những phần lộc này sẽ đem lại may mắn cho bản thân và gia đình họ. Hoặc người cúng lễ đem lộc của họ cúng trước bàn thờ Thiên Hậu sau đó đem về nhà coi như ơn phước của thánh thần đã theo đó về gia đình mình.

d. Lễ Phóng thủy đăng

Khoảng hai giờ chiều, Ban Tổ chức xin keo Tổ và Thần đi phóng đăng, phóng sanh cầu siêu cho cô hồn, nghi thức

này giống lễ nghi Phật giáo. Vị Đạo trưởng thay đổi lễ phục, mặc áo bách gia Đạo bào màu vàng, đội mũ có hai tua dài thả phía trước (trang phục của pháp sư khi cầu siêu). Pháp sư cầm sớ tụng kinh, thắp nhang vái lạy bốn phương xin phép các thần thánh đi phóng đăng cầu siêu. Hai bên kiệu, ngoài hai lọng đỏ còn có hai ngọn thủy đăng lớn là hai đèn lồng trắng bằng giấy có dán hai chữ Hán “Thủy đăng” (水燈) dẫn đường cho Tổ và các thần cứu độ chúng sinh trên sông nước. Lễ thỉnh ý Thần xong, một số người trong Ban Tế lễ thỉnh bát nhang cắm ba cây nhang lớn, một số nhang nhỏ và bài vị tượng trưng các chư thần đặt trước kiệu đi phóng đăng.

Đoàn lân, hầu mở đầu nghi rước với các pha biểu diễn nhào lộn, nhảy múa trong sân miếu một vòng. Dẫn đầu là những người cầm cờ, trống, đoàn múa lân, hầu, trống, bàn hương án cầu siêu, những người cầm bát bửu, Pháp sư (áo vàng) và bốn vị đạo sĩ phụ tế (mặc áo màu đỏ), hai ngọn thủy đăng, lọng che trước kiệu. Đi sau kiệu là Ban Tế lễ, Ban Tổ chức và đông đảo quần chúng đi theo đoàn rước. Không khí của đoàn đi phóng đăng cũng khí thế và nhộn nhịp như hôm đi thỉnh chư thần, mọi người nhập cuộc với vẻ mặt rất hân hoan và phấn khởi.

Lộ trình của đoàn rước, từ Thiên Hậu cổ miếu qua khu du lịch tới trạm xá Bửu Long rẽ phải theo con đường đất nhỏ tới bến sông Tân Thành (thuộc khu phố 3, phường Bửu Long)

là địa điểm phóng đăng, phóng sanh. Bến sông Tân Thành còn gọi là địa điểm “99 cây tùng”, tượng trưng hơn 310 năm trước, khi một bộ phận người Hẹ từ Cù lao Phố ngược sông Đồng Nai đến lập nghiệp tại Bửu Long, có nhiều người đã bỏ mạng tại vùng sông nước này. Vì vậy, nơi đây được chọn làm địa điểm để phóng thủy đăng cầu siêu cho những cô hồn chết vì sông nước trong lễ hội Làm Chay¹. Thầy pháp được mời từ Trung Quốc qua, sau khi làm lễ trấn uế sông, người ta chôn một cột đá có khắc chữ Hán để làm điểm trấn uế những điều xui xẻo, giải hạn thủy nạn cho cộng đồng. Ngày nay, nơi cột đá được coi là khu vực linh thiêng, thờ cúng các lư nhang của mỗi kỳ lễ đáo lệ Làm Chay và được thờ cúng thắp nhang hàng ngày.

Tại bến sông, Ban Tổ chức bày sẵn một đàn chay, hương án có đầy đủ nhang, đèn cây, bông cúc, bông huệ tươi, trái cây, ba chung rượu. Kiệu Thần tối, người ta thỉnh bát nhang có các bài vị đặt lên đàn chay. Phía trước đàn là một sân giấy vàng bạc gồm 360 bộ giấy áo trái kín mặt đất trong khoảng diện tích 10m² (2m x 5m) kéo dài từ đàn chay tới bến sông, bên trên cắm xen kẽ những nén nhang tỏa khói hương nghi ngút. Trên sân giấy vàng bạc đặt 28 chén sắp

¹ Tương truyền địa điểm này thường có nhiều người chết vì nước. Người ta phải mời thầy pháp về làm lễ cúng, xin keo và chọn nơi này để cứ ba năm đáo lệ, cộng đồng lại đến đây để cúng giải hạn.

thành hai hàng (mỗi bên 14 chén) đồ chay cúng cô hồn gồm năm món: bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng. Đây là năm món bắt buộc (tương ứng cho Ngũ hành) bên cạnh có các món chay khác có thể cúng thêm như kiểng, bánh bao... Ngoài ra còn có một đĩa thuốc rê, hai đĩa trái cây, một đĩa trầu cau, một đĩa cơm nguội, một chiếc đèn hoa. Trước bàn hương án thỉnh từ miếu, người ta đặt một con ngựa giấy cưỡi hình nhân trên lưng, đèn hoa, chim cá phóng sanh để cúng cô hồn. Ngựa giấy cưỡi hình nhân tượng trưng cho sứ giả của Thủy Long (cõi âm dưới nước), giải oan cho những vong hồn chết vùng sông nước.

Tới giờ thượng đàn, vị pháp sư đứng trên cao thấp nhang vái tứ phương, tung nắm nhang thẻ đang cháy xuống bãi giấy vàng bạc khai hỏa, vừa tụng kinh vừa lắc hai chuông nhỏ, tung giấy tiền vàng bạc ra phía trước. Kèm những lời kinh cầu siêu cô hồn, vị pháp sư làm động tác múa dẻo hai tay đưa lên cao kiểu bắt ấn xua đuổi ma quỷ, cầm nắm giấy tiền vàng bạc vái tứ phương rồi tung ra phía trước.

Lễ phóng thủy đăng bắt đầu sau khi pháp sư niệm chú, những người đại diện thả 36 chiếc đèn hoa bằng giấy xuống sông, cả bến sông lấp lánh những ánh đèn trong những bông giấy màu hồng trôi theo dòng nước (đèn hoa là miếng giấy màu cuốn hình hoa sen giữa đổ dầu phộng có tim để

đốt). Xong lễ phóng đăng, pháp sư làm lễ phóng sanh¹. Người ta chia nhau: kẻ trên bờ thả chim sẻ lên trời; người xuống bến sông thả cá trê, cá lóc phóng sanh. Số lượng động vật phóng sanh không qui định mà nhiều ít tùy hỷ của Ban Tổ chức. Người ta quan niệm phóng sanh, giải thoát cho một động vật bị giam cầm tức là đã tích đức làm phúc để giải oan cho các cô hồn. Mặt khác, phóng sanh còn là hành vi chuộc lại, bù lại những điều sai trái mà con người đã mắc, hành động chuộc lại lỗi lầm bằng việc làm phước và mong được thần thánh hóa giải những điều xấu, cất đi những xui xẻo của dân làng trong ba năm qua và cầu phúc, may mắn sẽ tới.

Khi bãi giấy vàng bạc ở dưới đàn đã cháy gần hết, người ta đốt hình nhân cưỡi ngựa giấy tượng trưng cho sứ giả của Thủy Long chứng giám lễ cầu siêu cho cô hồn chết vì nước. Vị pháp sư niệm chú, tung gạo và hoa tươi xuống đàn, lúc này mọi người xúm nhau giành giựt bông cúng, lượm tô chén đựng đồ cúng ở bãi giấy đốt đem về cho trẻ em ăn cơm. Vì họ tin rằng những đứa trẻ ăn cơm trong các tô chén đựng đồ cúng trong lễ cầu siêu sẽ được Thần phù hộ, ít bị bệnh và hay ăn chóng lớn vì đây là chén lộc của Thần. Trên trai đàn, vị pháp sư vừa niệm chú vừa tung giấy vàng bạc, vừa lắc một

¹ Tục phóng sanh được thực hành như một truyền thống trong lễ nghi Phật giáo.

hồi chuông dài báo hiệu kết thúc lễ phóng đăng cầu siêu, mọi người theo đoàn khiêng kiệu Thần trở về miếu.

Trong số những nghi vật bày trí trên đàn cầu siêu thì lư nhang, bình bông có chức năng rất quan trọng như “linh vật” của buổi lễ. Kết thúc nghi lễ, tất cả lễ vật, bông hoa, giấy tiền vàng bạc... được tung xuống cho bá tánh giành giật để hưởng lộc cầu phúc. Riêng bình bông và lư nhang (được sắm mới cho từng kỳ đảo lệ) luôn luôn được Ban Tổ chức lễ giữ cẩn thận và giao cho một người ôm chạy xuống bến sông và đặt vào nơi cột đá xanh có khắc chữ Hán để thờ tự mục đích cho bến sông được bình an, cộng đồng được giải hạn. Việc ôm giữ chiếc lư nhang chạy đem xuống nơi cột đá cũng được thực hiện khá nhanh chóng và nghiêm ngặt: có vài người trong Ban Tổ chức chạy theo bảo vệ không để người ngoài giành giật mất “linh vật”. Một điều kiêng kỵ là nơi đặt lư nhang đó không để cho nhiều người biết, nhất là người ngoài vì đây là nơi “trấn yểm” của cộng đồng. Mỗi lần lễ làm chay đảo lệ là một lư nhang (là chiếc diệm sành hoặc chậu gốm) và bình bông được đặt thêm vào nơi này để thấp nhang cầu khẩn Thủy thần tẩy trừ, giải hạn vùng sông nước... Lư nhang của lễ phóng thủy đăng trong lễ đảo lệ làm chay năm Kỷ Ty 2013 là lư nhang thứ 11 (đáng lẽ là lư nhang thứ 12 nhưng một lư nhang đã được bá tánh cung

thỉnh về trấn tại bến sông Bến Đá) được đặt thờ tại nơi này trong hơn 30 năm qua.

Một điều khá đặc biệt liên quan đến tín ngưỡng cộng đồng là lư nhang qua nghi lễ trấn đàn của pháp sư sẽ trở nên linh thiêng, có tác dụng tẩy trừ ma quỷ, giải hạn, những điều xui xẻo... trong cuộc sống. Nó được xem như bùa trấn của thần Thủy Long nên không ai dám lấy đem về nhà thờ, nếu không tuân thủ thì sẽ bị xui xẻo, bệnh tật, làm ăn thất bại... ám vào gia đình mình.

Nơi có cột đá trấn bến sông và những chiếc lư nhang nằm trong phần đất của gia đình bà Trần Thị Lành (sinh năm 1932), địa chỉ số 6/7, tổ 18, khu phố 3, phường Bửu Long. Đây là gia đình gốc người Họ sống khá lâu đời ở địa phương. Gia đình bà đã gìn giữ 11 chiếc lư nhang còn nguyên vẹn cho đến nay, hàng ngày bà thắp nhang đều đặn với niềm tin giữ sự bình yên cho bến sông, giải hạn cho cộng đồng.

đ. Biểu diễn ca kịch

Buổi tối, trên sân khấu ngoài trời các đoàn hát biểu diễn các tuồng tích dân gian Thần. Từ đêm đầu tiên đến đêm cuối cùng đều có ca kịch truyền thống. Bên trong rạp chay cúng cầu an, bên ngoài hát bội theo ý nghĩa “trong chay, ngoài bội”. Trước năm 1975, Ban Tổ chức mời các đoàn hát

Quảng từ Chợ Lớn và Hồng Kông đến biểu diễn. Ngày nay, Ban Tổ chức thường mời Đoàn Nghệ thuật Tuồng cổ Ngọc Khanh ở địa phương phục vụ. Các tuồng tích biểu diễn trong ba đêm thường là các vở: hoạt cảnh Cầu phúc thọ, Gia quan tấn tước (ý nghĩa cầu mưa thuận gió hòa, tài lộc dồi dào, người có tài được thăng quan tiến chức); tuồng Mộc Quế Anh dâng cây, Ngọc Kỳ lân xuất thế hay Thất tinh mai (bảy bông mai trắng)... Việc mời đoàn hát người Việt biểu diễn tuồng cổ ở lễ hội Làm Chay của người Hoa thể hiện sự giao lưu văn hóa với người Việt ở địa phương.

Một điều đáng ghi nhận là ngoài những xuất diễn theo hợp đồng, các đoàn hát bao giờ cũng hát thêm một suất không lấy tiền thù lao để cúng Bà. Đây cũng là hành động xuất phát từ lòng sùng tín của dân gian đối với bà Thiên Hậu và thần thánh dù làm bất cứ nghề nghiệp gì. Đêm diễn cuối cùng, sau khi hạ màn, các diễn viên hát bội để nguyên cả phục trang, tập trung vào miếu. Trưởng đoàn đại diện đọc những vãn điệu lễ kính dâng Thần (theo điệu vãn tế xướng trong tuồng tích bằng tiếng Việt), cầu cho quốc gia thái bình, cầu cho nhân dân thịnh vượng, cầu cho dân làng địa phương phát lộc dồi dào, công việc làm ăn được thuận lợi... Sau cùng, tất cả quỳ lạy, thắp nhang trước các bàn thờ chính trong miếu, rồi cáo lui ra về. Biểu diễn ca kịch là phần hội luôn thu hút đông đảo quần chúng địa phương đến xem.

e. Lập đàn chay, làm lễ bắc cầu

Khoảng 9 giờ khuya bắt đầu nghi thức lập đàn Chay và làm lễ bắc cầu thỉnh “*Mễ Đẩu cầu Phước*”. Người ta trải sẵn một dải vải đỏ dài khoảng 15m (khổ 0,9m) từ bàn hương án bên ngoài rạp chay vào tới điện thờ chính trước bàn thờ Tổ trong miếu. Hai đầu cầu được dẫn trên hai bàn thờ, cầu vải được kéo rất căng. Bàn hương án bày đủ các bộ lễ cúng gồm: cặp đèn cây lớn, cây đèn dầu Thất tinh bảy ngọn bằng đồng¹, bình bông, mâm trái cây, bát nhang cắm hai đèn cây nhỏ, ba chung trà, ba chung rượu, tô nước lá bưởi và mâm gạo, tiền trộn với hoa tươi. Mặt cầu được rắc kín bông vạn thọ vàng và bông huệ trắng ngắt rời từng cánh (có người còn gọi là cầu hoa).

Mễ Đẩu được thỉnh từ trên tầng cao đàn chay xuống bàn hương án nơi đầu cầu để các đạo sĩ tụng niệm cầu xin Tổ và các thần ban phúc cho trăm họ. Mễ Đẩu là đẩu gỗ của người Hoa (hình trụ đáy thon nhỏ, hai bên có hai gờ quai nắm) đường kính khoảng 35cm, cao khoảng 30cm được sơn đỏ, bên trong đổ đầy khoảng 5kg gạo, bên trên là Long đình (hình hộp chữ nhật cao khoảng 50-75cm, mái chóp kiểu tứ

¹ Đèn thất tinh 7 ngọn là đèn cầu thọ. Theo truyền thuyết, Khổng Minh khi biết mình sắp đến lúc mãn phần đã thắp sáng 7 ngọn đèn để cầu được sống lâu hơn.

trụ, tạo khung 4 góc, dán giấy màu ở chóp và mặt lưng, hai bên hông dán giấy kiếng trắng, mặt trước để trống). Giữa Long đình là bài vị bằng giấy dán ở trong với ba hàng chữ Hán “*Nam thần thêm Phước thọ, Thiên Tào chánh chiêu Bản mệnh nguyên thần tinh quân, Bắc đẩu trú trường sinh*” (南神添福寿, 天曹正照本命元辰星君, 北斗注長生). Mặt trước cắm cây kiếm lệnh của pháp sư; một cây thước mộc trên đầu treo một chiếc gương tròn nhỏ + một cây kéo + 5 tép chỉ ngũ sắc + một cành dương nhỏ. Ở giữa kiếm lệnh và cây thước là chiếc đèn dầu nhỏ tượng trưng cho sự trong sáng (chiếc đèn này rất quan trọng) và một cành lá dương lớn hơn. Đây là “những vật tế khí” của Tổ dùng để yểm trừ tà (tượng tự Long đình và lễ vật cúng bắc cầu giải oan cho người chết đuối của người Việt)¹.

Năm đạo sĩ thay phiên tụng kinh cầu an (trong hai giờ liền), đủ ba tuần trà và ba tuần rượu, tẩy uế Mễ Đẩu, thắp nhang, đốt giấy vàng bạc. Kế đến vị đạo trưởng làm lễ bắc cầu. Đạo trưởng liên tục (năm lần) làm bùa chú và tung gạo tiền có rắc bông tươi ra thí thực. Mọi người vái tạ (ba lần) trước miếu và bắt đầu thỉnh Mễ Đẩu. Hai người lớn tuổi trong Ban Trị sự long trọng thỉnh Mễ Đẩu, mỗi người đứng

¹ Toan Ánh (2000), *Tín ngưỡng Việt Nam (Quyển thượng)*, Nxb. Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 331.

một bên mép cầu đưa Mễ Đẩu đi trên cầu từ ngoài vào trong điện thờ chính. Động tác thỉnh Mễ Đẩu rất cẩn trọng và từ từ, sao cho ngọn đèn dầu nhỏ bên trong không bị tắt. Nếu trong khi thỉnh Mễ Đẩu đèn dầu tắt là điềm gở rất xui xẻo. Những người lớn tuổi truyền lại, ngày xưa một lần Làm Chay trong khi thỉnh Mễ Đẩu, ngọn đèn dầu phụng bị tắt, tức thì trong làng bị nạn dịch làm chết rất nhiều người. Một tháng sau, Bà lên đồng yêu cầu phải làm chay lại. Làng Làm Chay và bên một con rông bằng rơm thắp nhang xung quanh rước đi khắp làng. Lúc đó, một người lên đồng xưng là bà Thiên Hậu dùng dao phát mía chọn điểm yếm khí gây dịch bệnh phóng vào cắm thẳng xuống đất trừ tà, lạ thay cả đám đông người đi theo đoàn rước nhưng không trúng bất kỳ ai. Quả nhiên, sau đó bệnh dịch trong làng không còn nữa (chi tiết này tương tự với nguồn gốc của lễ hội Làm Chay, có thể xem là một trong những giai thoại về nguồn gốc của lễ Làm Chay ở đây).

Việc rước Mễ Đẩu đi trên cầu vừa có ý nghĩa trăm họ cùng đón Tổ về ban phước cho cộng đồng, vừa đón rước bà Thiên Hậu từ ngoài biển về. Nghi thức này được gọi là thỉnh Mễ Đẩu cầu phước. Khi quan sát kỹ, nghi thức này được xem như một ma thuật thỉnh cầu Tổ sư ban phúc lộc may mắn cho những người làm nghề thủ công. Do vậy, “tâm điểm” quan trọng nhất của lễ Làm Chay là thỉnh “Mễ Đẩu cầu phúc”

trong lễ Bắc cầu hoàn toàn mang tính chất ma thuật cầu nghề nghiệp.

Sau khi Mễ Đẩu đi qua, hai người đi sau từ từ cuốn cầu vào, lúc này mọi người xô đẩy nhau hốt bông tươi rắc trên cầu mong được hưởng chút lộc của Tổ và thần, vì vậy những người thực hiện việc cuốn cầu rất vất vả mới thoát được đám đông vây xung quanh để cuốn từ ngoài vào tới Chánh điện. Cả Mễ Đẩu và cầu vải cuốn gọn đặt trên điện thờ Tổ đúng một tháng sau mới mở ra. Lúc đó, gạo và bông được phong vào những bao giấy đỏ để bá tánh đến thỉnh lộc; gạo thánh đem về trộn lẫn với gạo ở nhà nấu cơm ăn, còn bông thì pha trà uống; người Hoa quan niệm như thế sẽ được phúc của thánh Tổ và Bà. Sau khi cuốn cầu, các đạo sĩ nổi kèn trống tụng kinh vái tạ kết thúc nghi lễ bắc cầu.

3. Ngày thứ tư: Kết lễ Làm Chay

a. Lễ cúng thí, xô giàn

Hai giờ sáng, một bàn hương án được sắp sẵn ngoài sân gồm có hai đài cắm đèn cầy, một bình bông, ba chung trà, ba chung rượu, một đĩa gạo, một đĩa muối, một đĩa tàu hũ ki. Đặc biệt có ba tháp đồ chay bàn tay Phật được làm bằng cải

xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng¹, trên đầu mỗi tháp có ba vòng tròn nhỏ dần lên tượng trưng cho Tam thế Phật giáo (quá khứ, hiện tại, tương lai) và Tam bảo (Phật, Pháp, Tăng). Trên đỉnh mỗi tháp có hình bàn tay Phật (làm bằng bột mì) kiểu bắt ấn, gồm đủ tay phải và tay trái. Tháp rau cải với bàn tay bắt ấn tượng trưng cho chữ “Thiên” (天), tháp bánh bao tượng trưng cho chữ “Địa” (地) và tháp xôi nếp tượng trưng chữ “Dương” (阳). Hình dáng các tháp đồ chay gợi liên tưởng đến những stupa (tháp Phật) được các đạo sĩ của Đạo giáo kết hợp đưa vào trong nghi thức xô giàn cầu siêu, chứng tỏ nghi lễ cầu siêu, cúng thí có yếu tố của Phật giáo. Phía trước các tháp tay Phật là lư nhang cắm ba cây nhang trường, ba bàn tay Phật phát bằng giấy tượng trưng và hai cây đèn cây cháy sáng.

Giữa cây phướn và Ông Tiêu là một sân giấy tiền vàng bạc được trải kín với 3.600 bộ giấy áo gấp mười lần ở bên sông². Người ta rải bãi giấy thành ba đường thẳng đặt 54

¹ Tháp xôi nếp trắng trang trí hình chân dung Phật, biểu tượng chữ “Vạn” và hoa sen.

² Người Hoa quan niệm có 36 cô hồn (nếu là ít), 72 cô hồn (cúng lớn hơn chỉ số nhiều), 108 cô hồn (chỉ con số đông, cúng lớn nữa), 360 cô hồn (chỉ số đông hơn nữa, qui mô cúng rất lớn) và 3.600 cô hồn (chỉ con số rất đông đảo, qui mô cúng là đại lễ)... Tất cả các con số trên đều là bội số của số 9, đây chỉ là cách nói của người Hoa trong việc coi trọng số 9 (cửu trù, cửu đỉnh) là con số may mắn.

chén đồ cúng, giữa chén cắm đèn cây nhỏ. Những món đồ cúng là đồ chay tiêu biểu của người Hoa như: tàu hũ ki, nấm mèo chiên, bún tàu chiên, đậu xào nước tương, gạo, muối, cơm nguội và trầu cau... Rải rác trên giấy tiền vàng bạc thấp các ngọn đèn cây và các ngọn đèn bạch lạp giữa bông hoa giấy trong đêm tối trông rất lung linh và huyền ảo. Xung quanh, người ta đặt những giàn (cỗ) vàng bạc do các gia đình đem tới cúng thí (năm 2004 có 27 giàn).

Đúng giờ qui định, pháp sư mặc áo bách gia Đạo bào màu vàng, đội mũ Địa Tạng có hai tua dài (giống trang phục đi phóng đặng) thượng đàn bắt đầu tụng các kinh cầu siêu như kinh Vãng Sanh, kinh Địa Tạng. Pháp sư vừa tụng kinh vừa múa hai tay kiểu bắt ấn, sau đó rung chuông (như thức tỉnh các cô hồn tề tựu về dự siêu thoát), tung giấy tiền vàng bạc trong tiếng chuông, trống, chập chĩa... tấu lên rộn rã. Sau ba tuần trà, ba tuần rượu, pháp sư tiến hành cúng thí.

Khi bãi giấy tiền vàng bạc được đốt lên cũng là lúc nghi thức xô giàn bắt đầu. Vị pháp sư phóng hỏa 3.600 bộ giấy áo vừa phán nội dung đại khái như: *“Ai nấy đều có, lớn theo lớn, nhỏ theo nhỏ, lớn đừng ăn hiếp nhỏ mà nhỏ cũng đừng xô lớn, đừng giành giật nhau”*¹. Người ta lần lượt đem Tiêu

¹ Theo cung cấp của ông Trương Nguyên, Tổng vụ Ban Quản trị Thiên Hậu cổ miếu tại lễ Chay năm 2004.

Diện Đại sĩ, Phán Quan và các hình nhân nhỏ ra phóng hỏa. Trước kia, khi phóng hỏa Tiêu Diện Đại sĩ người ta phải dùng cây chống đỡ hai bên cho hình nhân từ từ sụm xuống và không được ngã qua một bên như thế sẽ rất xui xẻo. Còn ngày nay, việc giữ gìn trật tự trong khi xô giàn là rất khó. Chuẩn bị xô giàn, nhiều người chen lấn, thi nhau giành giật lưới Ông Tiêu và tất cả các đồ vật cúng thí. Những kẻ cuồng tín chen lấn xô đẩy nhau (thậm chí ẩu đả gây thương tích) để giành giật cho bằng được lưới Ông Tiêu đem về làm “bùa” hoặc bán lại cho người khác với giá tiền rất cao¹.

Ba tháp đồ chay bàn tay Phật theo đúng lễ: Pháp sư quăng tháp bánh bao ở giữa ra ngoài thí cho cô hồn, còn hai tháp rau cải và xôi nếp trắng tượng trưng cho hai bàn tay phải và trái của Phật được giữ lại trả cho miếu. Nhưng trên thực tế cúng thí chưa xong đám đông đã ùa vào giành giật hết, Ban Tổ chức cũng không thể ngăn cản được lòng sùng tín và hiếu kỳ của mọi người trong cúng thí cô hồn.

¹ Chiếc lưới là biểu tượng đặc trưng nhất của Ông Tiêu. Dân gian tin rằng, Ông Tiêu có quyền năng trừng trị thu phục, cải tạo ma quỷ, cảm hóa cô hồn theo Phật, lưới của Ông Tiêu có tác dụng “liếm” sạch cô hồn ma quỷ vào bụng, là “lá bùa” có thể trừ được ma tà quấy phá trẻ nhỏ khóc đêm, giật mình.

Sau khi hỏa kết Tiêu Diện Đại sĩ và Phán Quan, người ta bắt đầu hạ cây Thọ Phước đưa 52 chiếc đèn lồng ra đốt trong sự giành giựt của đám đông, kết thúc nghi thức xô giàn.

Trở vào miếu, pháp sư vừa tụng kinh kết thúc lễ cầu siêu vừa cuốn Kim bản (gỗ trên vách rạp chay) đặt lên hai tay vị sứ giả cưỡi ngựa bằng giấy màu đỏ đem ra sân đốt cùng tất cả tranh, ảnh, liễn... bằng giấy trang trí trong rạp chay và trong miếu. Vì đây là những đồ cúng cô hồn, cần phải đốt và thu dọn sạch sẽ. Ngựa đỏ tượng trưng cho sứ giả nhà trời về báo công với Ngọc Hoàng lễ hội kết thúc tốt đẹp. Màu đỏ tượng trưng cho sự may mắn, tốt lành.

b. Cúng nhà mặn kết lễ

Sáng sớm, miếu soạn sẵn những mâm cúng mặn gồm: một con dê đực làm thịt để sống¹ cúng trước bàn thờ Quan Thánh Đế quân, một con heo làm thịt cúng trước bàn thờ Tổ và một con heo quay đỏ cúng trước bàn thờ Thiên Hậu Thánh mẫu. Ngoài ra, trên các bàn thờ còn bày lễ vật gồm gà luộc và các loại trái cây cùng nhang đèn... Trên bàn thờ

¹ Con dê: theo bà con địa phương cho biết người Họ vốn tướng tinh con dê, còn người Phước Kiến tướng tinh con cọp. Vì vậy, vào dịp lễ lớn, người Họ thường cúng dê đực. Nhưng có lẽ cúng đủ “tam sanh” gồm heo, gà, dê làm thịt để sống là tục lệ cúng Thần từ xa xưa, đến nay chỉ có trong những dịp cúng lễ trọng đại (vì lễ vật cúng đã được giản lược nhiều).

chính nơi thờ Tổ đặt Mễ Đẩu, cây đèn dầu thất tinh (bảy ngọn), hai đài đèn cây, bông, nhang trường và chò trái cây.

Đến giờ hành lễ, năm vị đạo sĩ tụng kinh, gõ nhạc khí phụ họa lời cúng tạ ơn Thánh Tổ, Thiên Hậu và các thần đã phù hộ cho lễ hội làm chay được mọi sự tốt đẹp. Một người đại diện châm trà, châm rượu và đốt giấy vàng bạc, Ban Tổ chức và Ban Tế lễ đứng sau thắp nhang vái Tổ và các thần chứng giám.

Trở ra rạp chay, vị Đạo trưởng cầm khánh trên tay vừa gõ vừa tụng xin được thỉnh bài vị chư Thần về an vị tại các miếu. Cũng giống như ngày đi thỉnh rước thần, đoàn rước cũng có cờ, lân, lọng, kiệu thần bên trong đặt linh vị Tổ, Thiên Hậu, Quan Thánh, phía trước kiệu đặt bát nhang cắm bài vị chư thần. Pháp sư đi trước kiệu, theo sau là Ban Tổ chức, Ban Trị sự miếu cùng đám đông quần chúng tham gia. Lần lượt tại các miếu Thiên Hậu (miếu Cây Quăn), miếu Bà Thánh và Bá Công Thổ Địa, bài vị được thỉnh vào Chánh điện. Pháp sư tụng kinh và xin keo, thắp nhang lạy tạ, đốt giấy vàng bạc và đốt bài vị coi như đã an vị thần tại vị trí cũ. Sau cùng là Thiên Hậu cung. Xong hết, đoàn rước khiêng kiệu trở về rạp chay thỉnh linh vị Tam Tổ, Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân trở vào Chánh điện. Pháp sư tụng kinh tạ lễ, thắp nhang vái lạy, đốt giấy vàng bạc và kết thúc lễ hội Làm Chay.

Sau lễ hội, mọi người hân hoan trở về với cuộc sống thường ngày. Công việc của những người thợ đá lại được tiếp tục với những ước vọng cầu xin mà họ tin là sẽ được Tam vị Tổ nghề, Thiên Hậu và thần thánh ban phúc. Ai nấy đều hy vọng sẽ gặp lại nhau, cùng chờ đón một lễ hội Làm Chay thật lớn vào dịp đảo lệ ba năm tới.

* * *

CHƯƠNG VI

YẾU TỐ VĂN HÓA VÀ BIẾN ĐỔI QUA LỄ HỘI LÀM CHAY

Lễ hội Làm Chay tại Thiên Hậu cổ miếu là sự hội tụ của tín ngưỡng dân gian với Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa. Trải qua quá trình lịch sử lễ hội Làm Chay vừa có sự bảo tồn truyền thống văn hóa người Hoa, vừa có sự biến đổi cho phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của cộng đồng. Một mặt, có sự giao lưu văn hóa với người Việt, thể hiện cuộc sống chan hòa của người Hoa và người Việt ở địa phương.

I. YẾU TỐ VĂN HÓA QUA LỄ LÀM CHAY

1. Ảnh hưởng tín ngưỡng dân gian

Thiên Hậu cổ miếu vốn là miếu Tổ Sư thờ Tổ nghề thủ công, do đó trong lễ Làm Chay đều có yếu tố thờ Tổ nghề. Các vật trang trí bên ngoài Tiền điện miếu và trong Mễ Đẩu gồm: một cái sàng, cây thước mộc, cây kéo nhỏ, 5 tép chỉ ngũ sắc... Đây là những lễ vật mà có người cho là

tượng trưng cho dụng cụ làm nghề thủ công (tiêu biểu cho Tổ nghề).

Như trên đã nêu, việc thờ Thiên Hậu Thánh mẫu trong miếu Tổ Sư là lớp tín ngưỡng bổ sung, nhưng Thiên Hậu lại có vị trí quan trọng trong tâm thức dân gian của người Hoa. Thiên Hậu là nhân thần phù hộ người đi biển vì vậy, trong lễ Làm Chay thường có nghi thức bắc cầu thỉnh “Mễ Đẩu cầu phước” cũng có ý nghĩa rước bà Thiên Hậu từ ngoài biển vào. Tuy nhiên, xem xét kỹ thì đó lại là ma thuật, tâm điểm của lễ hội thỉnh cầu Tổ Sư ban phúc lộc may mắn cho những người làm nghề thủ công.

Trong các nghi thức khai quang điểm nhãn, khai bảng và xô giàn, người Hoa thường dùng lá bưởi có mùi thơm tượng trưng cho sự tinh khiết để tẩy uế, trừ tà trước khi cử hành các nghi lễ.

Những con số thường sử dụng trong lễ hội như: 3, 9, 27, 36, 54, 360, 3600... đều là bội số của số 9 theo quan niệm người Hoa đây là con số may mắn.

2. Ảnh hưởng của Nho giáo

Lễ hội Làm Chay là hình thức tưởng nhớ công đức của nhân thần, trời đất và Tổ tiên, là sự kết nối giữa người sống và người chết, biểu hiện nghi lễ của Nho gia. Thông qua nghi thức lễ mà người ta duy trì được các quan hệ giữa cha mẹ và

con cái, giữa tổ Tiên, Tổ nghề và hậu duệ, giữa bạn bè với nhau. Nghi thức quan trọng nhất là cái lễ gắn bó với gia đình, dòng họ nghề nghiệp, đó là đạo hiếu tạo nên mối quan hệ ảnh hưởng qua lại, phụ thuộc lẫn nhau giữa các thế hệ già và trẻ, giữa sự sống và cái chết. Cùng với sự thờ cúng Tổ nghề, người Hoa còn kết hợp lễ cúng cho các vị thần và cho những cô hồn lang thang.

Vượt ra khỏi phạm vi gia đình, phép tắc về “Lễ” của Nho giáo lan tỏa khắp trong đời sống cộng đồng và quốc gia. Ở vùng đất mới, người Hoa thực hành chữ “Lễ” trong cộng đồng và gia đình gắn kết trong lễ hội Làm Chay rất long trọng, cầu mong cho đời sống trong vùng được ấm no, bình yên, cho quốc gia thái bình, thịnh trị.

3. Ảnh hưởng của Phật giáo

Nghi lễ cúng cầu siêu, phóng sanh, cúng thí cho cô hồn là những nghi thức có ảnh hưởng của nghi lễ Phật giáo. Lễ phục của Đạo trưởng chánh tế như một pháp sư trong nghi thức đi phóng đặng, phóng sanh cầu siêu cho cô hồn giống trang phục của Địa Tạng Vương Bồ tát (một Bồ tát trong Phật giáo).

Vào lễ cúng thí, xô giàn đêm kết thúc lễ, pháp sư chủ trì mặc trang phục Bách gia Đạo bào giống Địa Tạng Bồ tát, hoặc các lễ vật cúng tại các bàn hương án đều mang đậm

tính chất của Phật giáo: Ông Tiêu hóa thân của Quan Thế Âm Bồ tát (có khả năng cứu vớt vong linh ở chốn âm cung theo ý nghĩa Phật giáo) luôn luôn được chuẩn bị dành cho nghi thức phóng hỏa, hình tượng bàn tay Phật, tháp bánh hình Phật, hình tượng hoa sen, chữ vạn... Đặc biệt, việc đốt giấy tiền vàng mã, cúng thí cho cô hồn đều có ảnh hưởng của lễ thức Phật giáo.

4. Ảnh hưởng của Đạo giáo

Trong lễ hội Làm Chay, đàn chay được trang trí như một điện thờ Tam Thanh của Đạo giáo, như một hình mẫu của cõi Tiên Thiên. Việc bày bàn hương án Trương Thiên Sư trong miếu Thiên Hậu vào ngày đại lễ có ý nghĩa tôn thờ người sáng lập Đạo giáo cũng như Tổ sư của nghề bùa chú pháp thuật trong Đạo giáo. Lễ hội Làm Chay với nhiều nghi lễ phần nhiều mang tính Đạo giáo, là việc thực hiện sự triệu vời các vị Thái Thượng thần của vũ trụ qua các đạo cụ, thần chú, bùa phép và các vũ điệu nghi lễ để trấn đuổi ma quỷ, trừ tà, trừ dịch bệnh và cầu xin ân huệ từ các thần linh.

Thực hiện lễ Chay đều do các đạo sĩ Đạo giáo chủ trì theo nghi lễ Đạo giáo từ đầu đến khi kết thúc lễ. Đồ dâng cúng Tam vị thánh Đạo giáo (Tam Thanh) là những đồ thanh khiết, đồ chay như: hương, hoa, trái cây, rượu, trà... Trong lễ chay, những đạo sĩ thường dùng hai hột keo có hai

mặt sắp ngũ biểu tượng cho âm dương làm chuẩn để chọn giờ tiến hành lễ cúng. Món cúng trong lễ chay đa phần là 5 món qui định tượng trưng cho Ngũ hành.

Các chất liệu của nhạc khí (đồ gỗ, đồ đồng) sử dụng trong nghi lễ bao giờ cũng đáp ứng về tính chất tạo thanh âm và thanh dương. Việc sử dụng âm thanh trong các nghi lễ Đạo giáo được cho là có chức năng “làm động thân thánh”. Có nhiều dạng đơn ca, hợp xướng, thánh ca, nhạc trống và các dàn nhạc gồm bộ gió, gảy dây và gõ. Các vũ điệu nghi lễ của các đạo sĩ trong lễ cúng chay miếu Thiên Hậu đa phần dựa vào quy luật của triết lý âm dương, Ngũ hành, Bát quái vốn là nguồn gốc của Nho giáo được Đạo giáo áp dụng vào triết lý của Đạo. Khi cúng lễ, Đạo trưởng chủ tế đứng giữa, các đạo sinh đứng hai mặt đông tây luân phiên tụng niệm biểu hiện sự xen kẽ của âm dương trong vũ trụ.

Tóm lại, mục đích ban đầu của lễ hội là nhằm tôn vinh Tổ nghề của những người thợ đá người Hoa (bang Họ) tổ chức tại miếu Tổ Sư vía Tổ nghiệp. Vào dịp lễ này, những người thợ đá đều nghỉ việc và mỗi gia đình đều cử ra một hoặc hai người tham gia phụ giúp công việc ở miếu. Về sau, lễ hội không còn nguyên thủy tôn vinh tưởng nhớ Tổ nghiệp mà kết hợp dung nạp tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân nhưng vẫn giữ nguyên tính chất cầu an, cầu phúc, cầu siêu cho cộng đồng. Chứng tỏ lễ hội đã

được đổi mới cho phù hợp với xu hướng sinh hoạt tinh thần của cộng đồng xã hội địa phương. Một sự dung hợp khéo léo thu hút được đông đảo nhiều người tham gia.

Có thể nói, việc dung hợp nhiều lễ nghi tôn giáo trong một hội lễ cũng không phải hiếm thấy; song lễ hội Làm Chay vía Tổ nghề ở Biên Hòa là hiện tượng khá đặc biệt. Lễ hội được duy trì trong sự biến đổi từ tín ngưỡng thờ Tổ nghiệp đến tín ngưỡng thờ Thiên Hậu Thánh mẫu nhằm thu hút dân gian đến với cơ sở thờ tự và lễ hội nhiều hơn. Lễ hội Làm Chay vía Tổ nghề của thợ đá người Họ biểu hiện của văn hóa truyền thống Trung Hoa, được người Hoa Biên Hòa bảo tồn và duy trì trong lịch sử cho đến nay.

II. BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG NGƯỜI HOA

1. Nghi lễ

Nghi lễ trong lễ hội của người Hoa vừa mang tính chất Tam giáo (Đạo giáo, Nho giáo, Phật giáo) nhưng đồng thời kết hợp cả tín ngưỡng dân gian. Trong từng nghi lễ vía Thần linh, lại có sự đan xen kết hợp giữa các nghi thức tôn giáo và tín ngưỡng dân gian. Nghi lễ dân gian do các Ban Trị sự miếu thực hiện đơn giản với lời cúng đã được viết sẵn hoặc chỉ lâm râm khấn vái rồi thượng hương, vái lạy và thắp nhang nơi các bàn thờ tại các cơ sở tín ngưỡng, kết thúc là việc đốt giấy vàng bạc hoặc hỏa sớ. Nghi thức được thực hiện

đối với tất cả các bàn thờ trong cơ sở tín ngưỡng. Ngoài ra, một số nghi lễ mang tính dân gian do các Ban Trị sự miếu thực hiện trong nghi thức khai lễ, vía thần, khai quang điểm nhãn chuẩn bị cho phần hội đấu giá đèn lồng. Gieo quẻ âm dương cũng là một nghi thức dân gian thường thấy trong lễ hội người Hoa để chọn giờ tốt hành lễ. Trong lễ Làm Chay đều có nghi thức xin keo (gieo keo) với hai mặt sấp và ngửa tượng trưng âm dương để chọn giờ tốt hành lễ hoặc lấy ý kiến để quyết định sự việc trong nghi lễ.

Lễ hội Làm Chay vía Tổ nghề là biểu hiện của nghi lễ Đạo giáo. Lễ nghi Đạo giáo là việc thực hiện sự triệu vời các vị Thái Thượng thần của vũ trụ qua các đạo cụ, thần chú, bùa phép và các vũ điệu nghi lễ để trấn đuổi ma quỷ, trừ tà, trừ dịch bệnh và cầu xin được ân huệ từ các thần linh.

Trong nghi lễ Nho giáo, thông qua nghi thức lễ mà người ta duy trì được các quan hệ giữa cha mẹ và con cái, giữa Tổ tiên, Tổ nghề và hậu duệ, giữa bạn bè với nhau đều ảnh hưởng của Nho giáo. Nghi thức quan trọng nhất là cái lễ gắn bó với gia đình, dòng họ nghề nghiệp, đó là đạo hiếu tạo nên mối quan hệ ảnh hưởng qua lại, phụ thuộc lẫn nhau giữa thế hệ già và trẻ, giữa sự sống và cái chết. Cùng với sự thờ cúng Tổ tiên, người Hoa còn kết hợp lễ cúng cho các vị thần và cho những cô hồn lang thang.

Nghi lễ cúng cầu an cầu siêu, phóng sanh, cúng thí cho cô hồn là những hình thức nghi lễ có ảnh hưởng của lễ thức Phật giáo. Ông Tiêu hóa thân của Quan Thế Âm Bồ tát có khả năng cứu vớt vong linh ở chốn âm cung theo ý nghĩa Phật giáo luôn luôn được chuẩn bị dành cho nghi thức hỏa kết xô giàn. Hình tượng bàn tay Phật, tháp bánh hình Phật, hình tượng hoa sen, chữ “Vạn”, trang phục Địa Tạng, vãn kinh tụng, múa nghi thức bắt ấn trừ tà siêu độ âm hồn... ảnh hưởng Phật giáo thể hiện trong hầu hết những nghi thức lễ Làm Chay.

Nghi lễ bắc cầu trong lễ Làm Chay biểu hiện của tín ngưỡng dân gian, thể hiện việc thờ Thiên Hậu Thánh mẫu trong miếu Tổ Sư là lớp tín ngưỡng bổ sung, nhưng Thiên Hậu lại có vị trí quan trọng trong tâm thức dân gian của người Hoa. Thiên Hậu Thánh mẫu là nhân thần phù hộ người đi biển vì vậy, trong lễ Chay thường có nghi thức bắc cầu thỉnh Mễ Đẩu cầu phước vừa đón bà Thiên Hậu từ biển về, vừa là ma thuật cầu thỉnh Tổ sư ban phước lộc cho những người làm nghề thủ công.

2. Nghi vật trong lễ hội

Trong các nghi thức của các lễ vía, các thầy cúng thường dùng hai keo âm dương để gieo quẻ chọn ngày giờ,

quyết định công việc và xin thần linh chấp thuận là thủ tục không thể thiếu trong việc thực hiện nghi lễ Làm Chay.

Ba tháp đồ chay bàn tay Phật làm bằng cải xanh, bánh bao chay và xôi nếp trắng, trên đầu là hai hoặc ba vòng tròn nhỏ; đỉnh mỗi tháp có hình bàn tay Phật (làm bằng bột mì) kiểu bắt ấn, gồm đủ tay phải và tay trái. Tháp rau cải với bàn tay bắt ấn tượng trưng cho chữ “*Thiên*” (天), tháp bánh bao tượng trưng cho chữ “*Địa*” (地) và tháp xôi nếp tượng trưng chữ “*ương*” (陽) bề mặt viết bốn chữ Hán “*Phân y thí thực*” (分衣施食). Hình dáng các tháp đồ chay gợi liên tưởng đến những stupa (tháp Phật) trong nghi thức xô³ giàn cầu siêu của Phật giáo.

Mễ Dấu (米斗) là dấu gỗ của người Hoa (đường kính khoảng 35cm, cao khoảng 30cm) sơn màu đỏ, bên trong đổ khoảng 5kg gạo, bên trên là long đình (hình hộp chữ nhật cao khoảng 50-75cm, mái chóp kiểu tứ trụ, tạo khung 4 góc, dán giấy màu ở chóp và mặt lưng, hai bên hông dán giấy kiếng trắng, mặt trước để trống). Giữa long đình là bài vị bằng giấy dán ở trong với ba hàng chữ Hán “*Nam thần thêm phước thọ, Thiên Tào chánh chiêu Bản mệnh nguyên thần tinh quân, Bắc đấu trú trường sinh*” (南辰添福寿, 天曹正照本命元辰星君, 北斗注长生). Mặt trước cắm

cây kiếm lệnh của vị pháp sư; một cây thước mộc trên đầu treo một chiếc gương tròn nhỏ + một cây kéo + 5 tép chỉ ngũ sắc + một cành dương nhỏ. Ở giữa kiếm lệnh và cây thước là chiếc đèn dầu nhỏ tượng trưng cho sự trong sáng (chiếc đèn này rất quan trọng) và một cành lá dương lớn hơn. Đây là những “vật tế khí” của Tổ Đạo giáo dùng để yểm trừ tà.

Mỗi dịp lễ Làm Chay, trước cửa miếu Tổ Sư đều treo nghi vật hay linh vật là: một cái sàng (sàng gạo tượng trưng mắt thần nhìn thông suốt và tượng trưng cho nông nghiệp) bên trong cột cùm sả; một cành lá dương (trừ tà); một cái kiếng (sáng trong như gương); một cây thước mộc thợ may (làm người có chuẩn mực ngay thẳng); một cây kéo nhỏ (trừ tà), 5 tép chỉ ngũ sắc (sự khéo léo); cành lá bưởi (tinh khiết). Tất cả đồ vật bài trí có ý nghĩa về các nghề nghiệp truyền thống của người Hoa mục đích cầu Bà, cầu Tổ, cầu Thánh ban phúc, trừ tà khí, xua đuổi ma quỷ, cầu an cho cộng đồng làm ăn thuận lợi về nghề nghiệp, hưởng lộc Thánh thần, dương gian bình yên, cô hồn được siêu thoát.

Lá bưởi: trong các nghi thức khai quang điểm nhãn, khai bảng và xô giàn, người Hoa thường dùng lá bưởi có mùi thơm tượng trưng cho sự tinh khiết để tẩy ố, trừ tà trước khi cử hành các nghi lễ vía Thần hay khai lễ.

3. Lễ vật

Lễ vật cúng Tam vị (Tam Thanh) trong lễ Làm Chay thể hiện dưới những vật cúng thanh khiết, những món chay như: hương hoa, trái cây, rượu, trà (khác với cúng thân là món mặn...). Lễ vật cúng phóng đặng phóng sanh trong lễ Làm Chay là năm món chay (bún gạo, tàu hũ, củ cải muối, đậu que xào, đậu trắng) tượng trưng cho Ngũ hành. Đây là những món chay rất đặc trưng trong lễ hội của người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa.

Vào dịp lễ hội, người Hoa có những món ăn dùng để cúng tế hoặc đãi khách rất đặc trưng truyền thống và đậm đà hương vị ẩm thực của người Trung Hoa, có tác dụng bổ dưỡng cho sức khỏe và lại rất ngon miệng khi thưởng thức. Ẩm thực phổ biến của người Hoa trong các lễ vía là đồ chay; tuy nhiên khi đãi mặn thì thường có heo quay, vịt quay, bánh bao, mì xào...

Đa số những lễ vật trong lễ hội đều là những món ăn truyền thống của người Hoa như: bún tàu, tàu hũ ki chiên, nấm mèo chiên, đậu que xào, đậu trắng xào tỏi, bí đỏ xào tương tàu, cà tím xào tương tàu, củ cải muối xào, bánh bao... thể hiện sự bảo tồn văn hóa dân tộc trong lễ hội. Bên cạnh những món ăn truyền thống của người Hoa, người ta còn thấy có cả những món ăn của người Việt như: kiêu, mắm

chay và bánh ít. Đây là những món ăn của người Việt được người Hoa sử dụng trong lễ vật cúng và đãi ăn cho thực khách trong những ngày lễ Làm Chay, biểu hiện sự biến đổi và giao lưu văn hóa của người Hoa.

4. Trang phục

Tại lễ hội Làm Chay, trang phục của các thành viên trong Ban quản trị Thiên Hậu cổ miếu của người Họ đại diện cho cộng đồng mặc áo dài vải màu xanh lam, đội nón bánh tiêu có lưỡi trai (tượng trưng cho mũ áo mao cân đai ngày xưa) cung kính đứng phía sau chủ lễ. Riêng người được chọn ôm “kim bảng” đại diện cho sự phúc và may mắn trong lễ hội, mặc áo dài gấm màu thiên thanh, đầu đội mũ, đeo một băng vải đỏ chéo qua ngực, tay bưng chiếc khay “*như ý cát tường*” đựng kim bảng phục vụ từ lúc khai lễ cho đến kết lễ.

5. Vũ điệu nghi lễ

Trong lễ Làm Chay, việc thể hiện vũ điệu của các thầy cúng, pháp sư được xem như vũ điệu nghi lễ kèm diễn xướng dân gian (xướng, tụng, niệm, đối đáp) những bản kinh của Phật giáo, Đạo giáo và tín ngưỡng dân gian. Khi thực hiện tế lễ, các Đạo sĩ, thường đọc hoặc xướng (hát) các bài kinh. Tụng, niệm, xướng kèm vũ điệu nghi lễ của đội ngũ hành lễ được xem như những diễn xướng dân gian thực hiện trong lễ hội truyền thống của người Hoa.

Các điệu múa hay động tác nghi lễ của các đạo sĩ trong các nghi lễ cúng cầu an, cầu siêu đa phần dựa vào quy luật của triết lý Âm dương, Ngũ hành, bát quái của Đạo giáo. Trong lễ Làm Chay, khi cúng lễ, đội hình của các Đạo sĩ được bố trí: “Đạo sĩ chủ tế đứng ở giữa, hai mặt đông tây có các đạo sinh đứng và luân phiên tụng niệm, tượng trưng cho sự luân phiên xen kẽ của âm và dương trong vũ trụ”¹. Bắt đầu một nghi thức với đội hình Đạo trưởng chủ tế đứng giữa, các đạo sinh đứng hai mặt đông tây luân phiên tụng niệm chính là biểu hiện sự xen kẽ của âm dương trong vũ trụ. Các nghi lễ do đạo sĩ cử hành thường tỉ mỉ và phức tạp, khẩn các thần linh về hội tụ, thanh tẩy vùng đất thiêng ngăn không cho khí âm xâm nhập.

Vũ điệu đa phần dựa vào quy luật của triết lý âm dương, ngũ hành, bát quái vốn là nguồn gốc của Nho giáo được Đạo giáo áp dụng vào triết lý của Đạo. Trong lễ Làm chay, các đạo sĩ thường có những động tác như hành khiển, xoay người chân đá lên, liên hoa đi từ vòng quanh 4 góc, hoặc có khi sắp thành một hàng đi theo vòng tròn thuận rồi ngược kim đồng hồ. Tất cả những hướng đi đều dựa trên nguyên lý Âm

¹ Theodore M. Ludwig (2000), Dương Ngọc Dũng, Hà Hữu Nga, Nguyễn Chí Hoan dịch, *Những con đường tâm linh phương Đông (Phần II- Các tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản)*, Nxb. Văn hóa Thông tin, tr. 187.

dương Ngũ hành theo tính chất của Đạo giáo xen lẫn với tín ngưỡng dân gian.

Những vũ điệu nghi lễ còn được thể hiện qua các động tác như: cưỡi ngựa giấy phi theo vòng tròn thuận và ngược chiều kim đồng hồ để diễn tả Công Tào sứ giả về báo cáo Ngọc Hoàng về nghi thức khai lễ Làm Chay. Trong các nghi thức khai kinh, khai quang điểm nhãn, lễ thanh tẩy, cầu siêu, xô giàn, bên cạnh việc tụng niệm kinh, hai tay các Đạo sĩ thường thể hiện theo kiểu bắt ấn, bắt quyết thu phục ma quỷ và âm binh, ảnh hưởng từ các vũ điệu nghi lễ của Phật giáo.

6. Nhạc khí, nhạc cụ, âm nhạc

Trong các nghi lễ Đạo giáo, Đạo trưởng tay cầm khánh là nhạc khí tròn dẹp như chiếc gương đồng vừa gõ vừa tụng Thái Thượng Nguyên Môn kinh (kinh sách Đạo giáo) để tụng kinh hành lễ. Các chất liệu của nhạc khí (đồ gỗ, đồ đồng) sử dụng trong nghi lễ bao giờ cũng đáp ứng về tính chất tạo thanh âm và thanh dương.

Việc sử dụng âm nhạc trong các nghi lễ Đạo giáo xen lẫn với nghi lễ dân gian được cho là có chức năng “làm động lòng thần thánh”. Có nhiều dạng đơn ca, hợp xướng, thánh ca, nhạc trống và các dàn nhạc cụ gồm bộ gió, gảy dây và gõ. Các nhà nghiên cứu đánh giá “*Âm nhạc Đạo giáo đã*

đạt trình độ rất cao sau hơn 1000 năm phát triển lễ nghi Đạo giáo và hấp thu tinh hoa âm nhạc dân gian suốt một thời kỳ dài”¹.

III. BIẾN ĐỔI, GIAO LƯU VĂN HÓA TRONG LỄ HỘI LÀM CHAY

Nhìn chung, lễ hội Làm Chay bao gồm những yếu tố văn hóa truyền thống của Trung Hoa; tuy nhiên trải qua thời gian và quá trình sống cộng cư cùng với người Việt và các dân tộc khác, cùng với điều kiện phát triển về kinh tế xã hội, người Hoa đã có những biến đổi hay tiếp biến văn hóa bên cạnh việc bảo tồn văn hóa dân tộc làm cho lễ hội cộng đồng của người Hoa thêm phong phú và đặc sắc.

1. Biến đổi do nhận thức

Trước đây, lễ Làm Chay của người Hoa bang Hẹ làm nghề điêu khắc đá ở Biên Hòa nhằm tôn vinh và tưởng nhớ Tam vị Tổ Sư là Ngũ Đẳng Tiên sư (Tổ nghề đá) - Tổ nghề chính thức, Lỗ Ban Tiên sư (Tổ nghề mộc) và Uất Trì Tiên sư (Tổ nghề rèn). Tuy nhiên, vài năm gần đây do quan niệm của Ban Trị sự miếu theo sự hướng dẫn của các Đạo sĩ ở Thành phố Hồ Chí Minh về chủ tế nên đã thay đổi đối tượng

¹ Lữ Vân (2003), Tôn giáo ở Trung Quốc- 100 câu hỏi và trả lời, Nxb. Tôn giáo, tr. 135.

cúng chính của Tam vị Tổ là Lỗ Ban Tiên sư thay cho Ngũ Đẳng Tiên sư. Do vậy, trang trí đàn chay và đèn lồng treo trên cây phướn trong lễ hội Làm Chay vài kỳ đáo lệ gần đây cũng thay đổi từ tên Ngũ Đẳng Tiên sư thành Lỗ Ban Tiên sư vốn được xem là ông Tổ của nghề thủ công người Hoa.

Hoặc một số mạnh thường quân ở nước ngoài đóng góp nhiều kinh phí cho lễ hội nên cũng yêu cầu Ban Tổ chức đưa những yếu tố mới trong trang trí điện thờ của lễ hội. Chẳng hạn, treo một số hồ lô lên trên cùng trong đàn chay chính cùng với những xấp giấy bùa chú với mục đích qua những ngày Làm Chay, những hồ lô sẽ trở thành linh vật có tác dụng trừ tà khí hoặc đem lại phước lộc cho gia chủ. Tuy nhiên, việc này đã được khắc phục trong vài kỳ lễ hội đáo lệ sau này.

2. Biến đổi do điều kiện lịch sử xã hội

Một số nghi thức trong lễ hội Làm Chay có điều kiện khôi phục và tổ chức long trọng hơn. Chẳng hạn, năm 2013 Ban Tổ chức lễ đặt làm bộ đồ múa hầu từ Trung Quốc đem về phục vụ trong lễ hội. Hay việc thay đổi tên gọi của miếu Tổ Sư thành Thiên Hậu cổ miếu cũng là sự chuyển hóa khéo léo của những người thợ đá, có liên quan đến việc điều kiện phát triển kinh tế xã hội của những người Hoa bang Họ ở Biên Hòa. Lễ hội Làm Chay cũng là sự dung hợp khéo

léo giữa việc tôn vinh Tổ sư nghề thủ công và Thiên Hậu Thánh mẫu.

Trong lễ hội của người Hoa thường có tục đấu giá đèn lồng là hoạt động văn hóa truyền thống lâu đời được duy trì khá phổ biến ở các cơ sở tín ngưỡng dân gian. Sau khi kết thúc phần lễ, Ban Tổ chức bắt đầu phần hội đấu giá đèn lồng. Người đấu được đèn lồng xem đó phước lộc, ánh linh của thần linh soi chiếu cho gia đình được làm ăn thuận lợi sinh lãi muôn phần. Kinh phí thu về qua đấu giá chi phí cho việc tổ chức lễ, nếu còn dư sẽ đóng góp vào các công trình phúc lợi xã hội như: xây dựng trường học, làm đường, cầu cống, đóng góp quỹ từ thiện địa phương... Mặt khác, đấu giá đèn lồng cũng tạo thêm không khí vui nhộn nhằm thu hút khách tham quan đến với lễ hội.

Ngày nay, Ban Tổ chức lễ hội cho thỉnh đèn lồng thay cho tục đấu đèn để mọi người đều có khả năng thỉnh lộc thánh về nhà mà số tiền bỏ ra rất tùy hỉ, phù hợp với điều kiện của nhiều người. Việc thỉnh đèn, thỉnh lộc thay cho đấu giá đèn lồng cũng là do ảnh hưởng của điều kiện kinh tế xã hội. Có thể nói, đây là biến đổi tích cực trong văn hóa lễ hội của người Hoa hiện nay.

3. Giao lưu văn hóa với người Việt

Ngày nay, ảnh hưởng của văn hóa Nam bộ nên trong lễ vật cúng và ẩm thực đãi ăn trong lễ hội người Hoa cũng có thay đổi. Bên cạnh những món ăn truyền thống người Hoa còn có các món ăn của người Việt như: bánh ú, bánh tét, món kiểng, mắm chay... Hoặc những loại trái cây Nam bộ như: vú sữa, xoài, thanh long... cũng được dâng cúng khá phổ biến trong lễ hội người Hoa.

Ngoài nghệ thuật truyền thống như: hát Tiều, hát Quảng, người Hoa còn mời đoàn hát tuồng cổ người Việt ở địa phương về phục vụ lễ hội. Trong lễ hội, phần diễn xướng ca kịch luôn thu hút đông đảo người xem, họ đến lễ bái và xem văn nghệ, thưởng thức các tuồng tích do các diễn viên thể hiện. Việc mời các đoàn hát bội người Việt về biểu diễn ở lễ hội người Hoa thể sự giao lưu văn hóa trong lễ hội cộng đồng ở địa phương.

Có thể nói, bên cạnh việc bảo tồn văn hóa truyền thống, lễ hội người Hoa còn có những yếu tố biến đổi từ hình thức đến nội dung, nghi lễ, đối tượng hành lễ, lễ vật... Đặc biệt, giao lưu văn hóa với người Việt cũng là một trong những biểu hiện khá rõ rệt trong lễ hội Làm Chay của người Hoa hiện nay.

* * *

LỜI KẾT

Trong cộng đồng các dân tộc ở Biên Hòa, Đồng Nai chứa đựng nhiều giá trị văn hóa tinh thần đặc sắc, trong đó phải kể đến đời sống văn hóa tín ngưỡng tâm linh của mỗi dân tộc.

Người Hoa trong hành trình di cư vào vùng đất Biên Hòa cách nay hơn 310 năm đã kết tinh nhiều giá trị văn hóa, mà điển hình là sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng dân gian. Nói đến tín ngưỡng dân gian người Hoa, không thể không nói đến hệ thống đình, miếu và các lễ hội dân gian truyền thống gắn với cơ sở tín ngưỡng.

Miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu) và các miếu có liên quan thờ Tổ sư, Thiên Hậu Thánh mẫu và Quan Thánh Đế quân cùng các thần linh cũng thể hiện được các hình thức thờ cúng và sinh hoạt tín ngưỡng của cộng đồng người Hoa bang Hẹ ở Biên Hòa hơn ba thế kỷ nay.

Nghiên cứu về miếu thờ và lễ Làm Chay dưới góc độ của các khoa học liên ngành như: văn hóa học, bảo tàng học, dân tộc học... giúp chúng ta có cái nhìn toàn diện, đặc tả và so sánh với các đối tượng tương ứng với nó. Đặc biệt trong

việc xem xét sự biến đổi về tâm lý và nhận thức của cộng đồng thông qua những biểu hiện cụ thể.

Sự biến đổi của cơ sở tín ngưỡng thờ Tổ sư nghề thủ công dần dần được đổi tên thờ bà Thiên Hậu là cả một quá trình lan tỏa của tín ngưỡng Thiên Hậu mà những người trong cuộc hẳn đã có cái nhìn khá thoáng mở trong sự hội nhập và bảo tồn đặc trưng văn hóa của người Hoa ở Việt Nam. Bên cạnh đó, lễ hội Làm Chay là một hiện tượng khá đặc biệt. Mặc dù tên gọi của lễ hội được gắn với bà Thiên Hậu, tuy nhiên, hình thức, nội dung thì đa phần mang tính chất của việc tôn vinh Tổ nghề thủ công. Trong đó, người ta đề cao vai trò của ông Tổ nghề là Lỗ Ban Tiên sư (trước đây là Ngũ Đẳng Tiên sư) cùng với Uất Trì Tiên sư là những vị Tổ nghiệp mà họ tin rằng đã và đang ban ơn phù hộ cho họ trên bước đường mưu sinh ở vùng đất mới Nam bộ. Ngoài ra, người ta còn tôn vinh những vị thần linh khác được phối tự cùng hàng loạt các vị thần linh ở ba cõi trời, đất, nước (âm phủ)... Những đối tượng này được Ban Tổ chức cúng lễ liên tục trong những ngày làm chay.

Xét về góc độ văn hóa, đây là biểu hiện gắn với tín ngưỡng dân gian của cộng đồng người Hoa bang Hẹ Biên Hòa. Người Hoa đã có công trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị di sản văn hóa của ông cha từ bao nhiêu năm qua. Việc xây dựng, gìn giữ những ngôi miếu thờ tự và tổ

chức lễ hội trong sinh hoạt tín ngưỡng dân gian đó là nhằm củng cố niềm tin và duy trì bản sắc văn hóa tộc người.

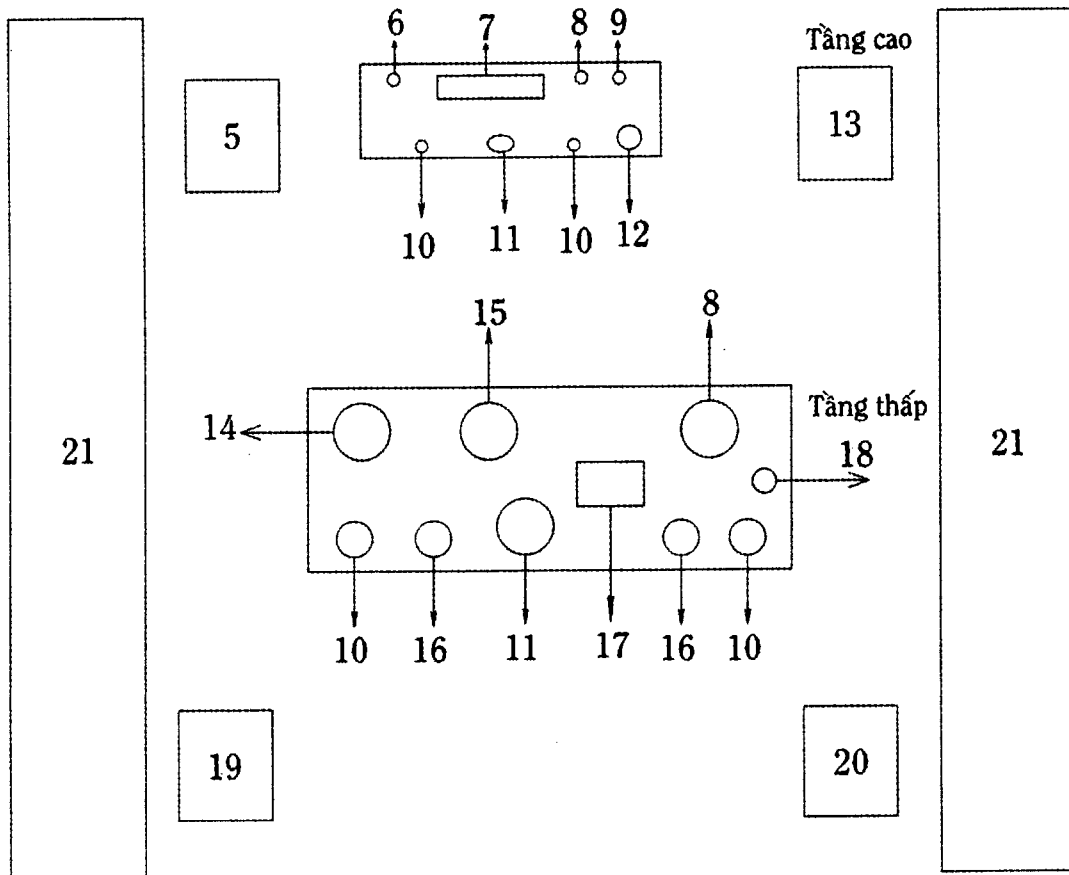
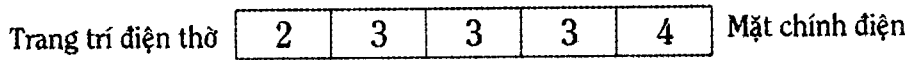
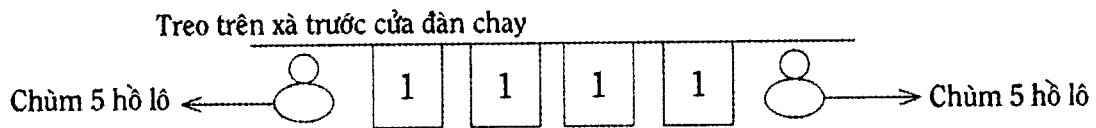
Xét về góc độ xã hội, việc giữ gìn và củng cố niềm tin giúp cho xã hội ổn định và phát triển. Những hình thức thờ cúng tín ngưỡng và sinh hoạt lễ hội nhằm đáp ứng nhu cầu ổn định xã hội và cân bằng theo lý thuyết chức năng của Malinowski. Những người làm nghề thủ công tín ngưỡng và cầu mong các vị thần linh luôn che chở phù hộ may mắn cho họ làm nghề và sống ổn định ở quê hương mới. Người Hoa bang Hẹ với cuộc sống mới ở Nam bộ đã góp phần cùng với người Việt và các dân tộc cùng chung tay xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Tín ngưỡng và sinh hoạt tín ngưỡng thông qua miếu thờ và lễ hội, góp phần bảo tồn, phát huy giá trị tín ngưỡng tâm linh của cộng đồng cư dân ở Biên Hòa trong sự giao lưu hội nhập với các dân tộc.

* * *

PHỤ LỤC

SƠ ĐỒ 1:

SƠ ĐỒ BÀI TRÍ ĐÀN CHẠY LỄ HỘI LÀM CHẠY THIÊN HẬU CỔ MIẾU NĂM 2004 (Tam Thanh Bảo Điện)



CHÚ DẪN:

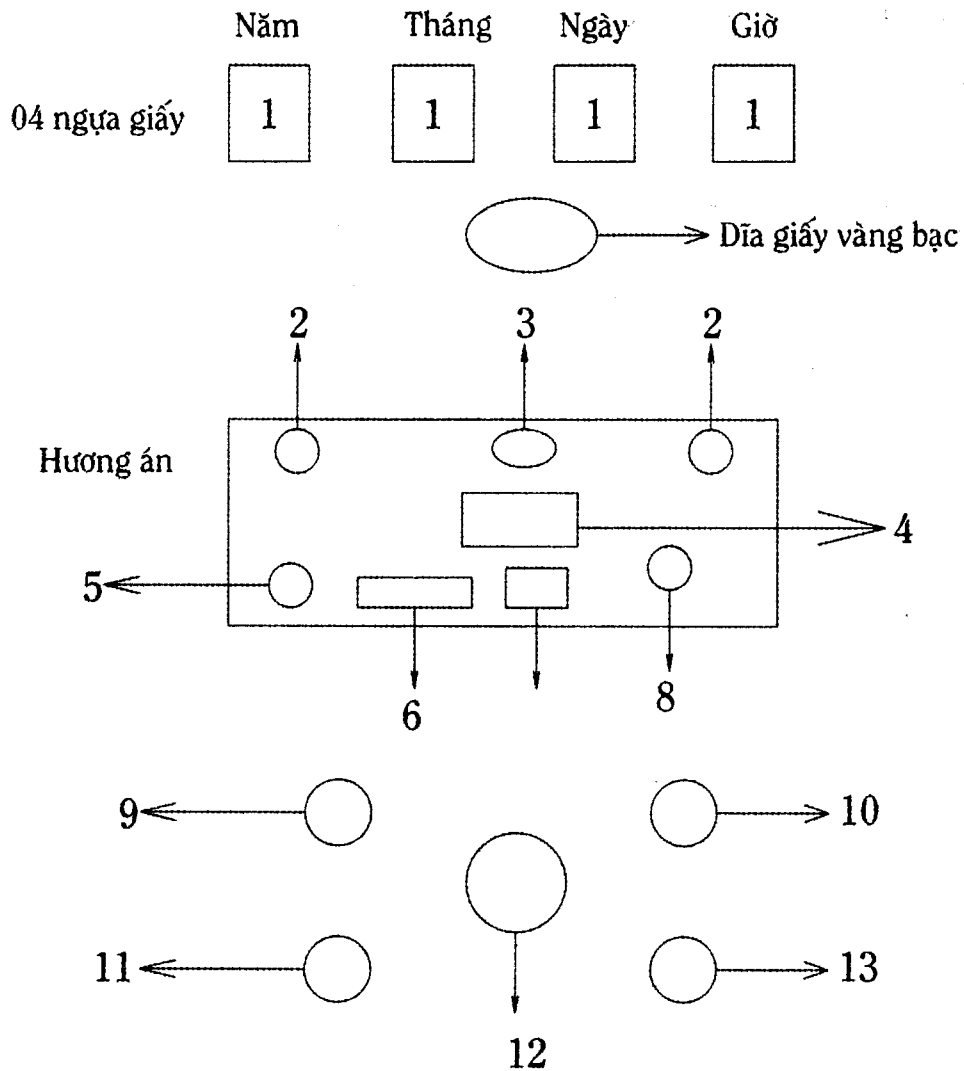
1. Bùa hộ mạng ban phước.
2. Tượng Hồ.
3. Tam Thanh Đạo giáo.
4. Tượng Rồng.
5. Ngôi nhà Thượng giới.
6. Đèn thất tinh 7 ngọn.
7. Linh vị Tam vị Thánh tổ.
8. Bình bông.
9. Mễ Đẩu.
10. Chân đèn.
11. Bát nhang.
12. Bát nhang thỉnh chư thần.
13. Kiếm lệnh.
14. 5 Cờ lệnh.
15. Chò trái cây.
16. Hạc đồng.
17. Kim bảng.
18. Tô nước lá bưởi.
19. Hương án 5 vị sứ giả nhà trời.
20. Hương án thờ Lão Tử.
21. Tranh Thập điện Diêm vương.

SƠ ĐỒ 2:

SƠ ĐỒ BÀI TRÍ NGHI THỨC

“NGỘ MÔN ĐÁP TƯỚNG” (午門搭將)

(Lễ hội Làm Chay tại Thiên Hậu cổ miếu năm 2004)



14

Ban đại diện mặc đồng phục áo dài, đầu đội mũ lưỡi trai

CHÚ DẪN:

1. 4 con ngựa giấy.
2. Chân đèn.
3. Lư nhang.
4. Tranh kiếng 5 vị sứ giả.
5. Chò trái cây.
6. 6 chung nước.
7. Giá để kinh.
8. Tô nước lá bưởi + bình khí rẫy nước trừ tà.
9. Đạo sĩ phụ tế cầm mõ tròn.
10. Đạo sĩ phụ tế cầm chập chĩa.
11. Đạo sĩ phụ tế cầm trống.
12. Đạo trưởng chủ tế.
13. Đạo sĩ phụ tế cầm mõ dài.
14. Các đạo sinh nhạc công biểu diễn đàn dương cầm, chuông, đàn cò.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (2000), *Tín ngưỡng Việt Nam (Quyển thượng)*, Nxb. Văn nghệ, Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Ban Quản lý Di tích danh thắng Đồng Nai (2007), *Hồ sơ miếu Tổ Sư*, bản đánh máy.
3. Ban Trị sự Thất Phủ Cổ miếu (2010), *Thất Phủ Cổ miếu* (chùa Ông, Cù lao Phố- Biên Hòa), Nxb. Đồng Nai.
4. Võ Thanh Bằng (2005), *Tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Nam bộ*, Luận án Tiến sĩ Khoa học lịch sử, Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ, tr. 213- 223.
5. Henri Maspéro, Lê Diên dịch (2000), *Đạo giáo và các tôn giáo Trung Quốc*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Lương Văn Lựu (1972), *Biên Hòa sử lược toàn biên, quyển V- 300 năm người Việt gốc Hoa*, tài liệu đánh máy.
7. Phan Thị Hoa Lý (2014), *Tín ngưỡng Thiên Hậu ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Văn hóa dân gian, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn Lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
8. Nguyễn Thị Nguyệt (2005), *Lễ hội cầu an, cầu siêu của người Hoa ở Đồng Nai*, Luận văn Thạc sĩ chuyên ngành

Văn hóa học, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, 215 tr.

9. Nguyễn Thị Nguyệt (2010), *Văn hóa- văn vật Đồng Nai*, Nxb. Đồng Nai.

10. Nguyễn Thị Nguyệt (2011), *Tín ngưỡng dân gian trong cộng người Hoa ở Biên Hòa*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam hỗ trợ sáng tác.

11. Nguyễn Thị Nguyệt (2012), *Sinh hoạt tín ngưỡng dân gian của người Hoa ở Đồng Nai*, Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam hỗ trợ sáng tác.

12. Nguyễn Thị Nguyệt (2013), *Đồng Nai- Nam bộ với văn hóa phương Đông*, Nxb. Đồng Nai.

13. Nguyễn Văn Sanh cb (2006), *Văn hóa và nghệ thuật người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Trung tâm Văn hóa TP.HCM.

14. Theodore M. Ludwig (2000), Dương Ngọc Dũng, Hà Hữu Nga, Nguyễn Chí Hoan dịch, *Những con đường tâm linh phương Đông (Phần II- Các tôn giáo Trung Hoa và Nhật Bản)*, Nxb. Văn hóa Thông tin.

15. Nguyễn Ngọc Thơ (2013), Bản sắc và hội nhập: “Nội sư ngoại thánh”, *Tạp chí Khoa học Văn hóa và Du lịch*, Số 14 (68), tháng 11/2013.

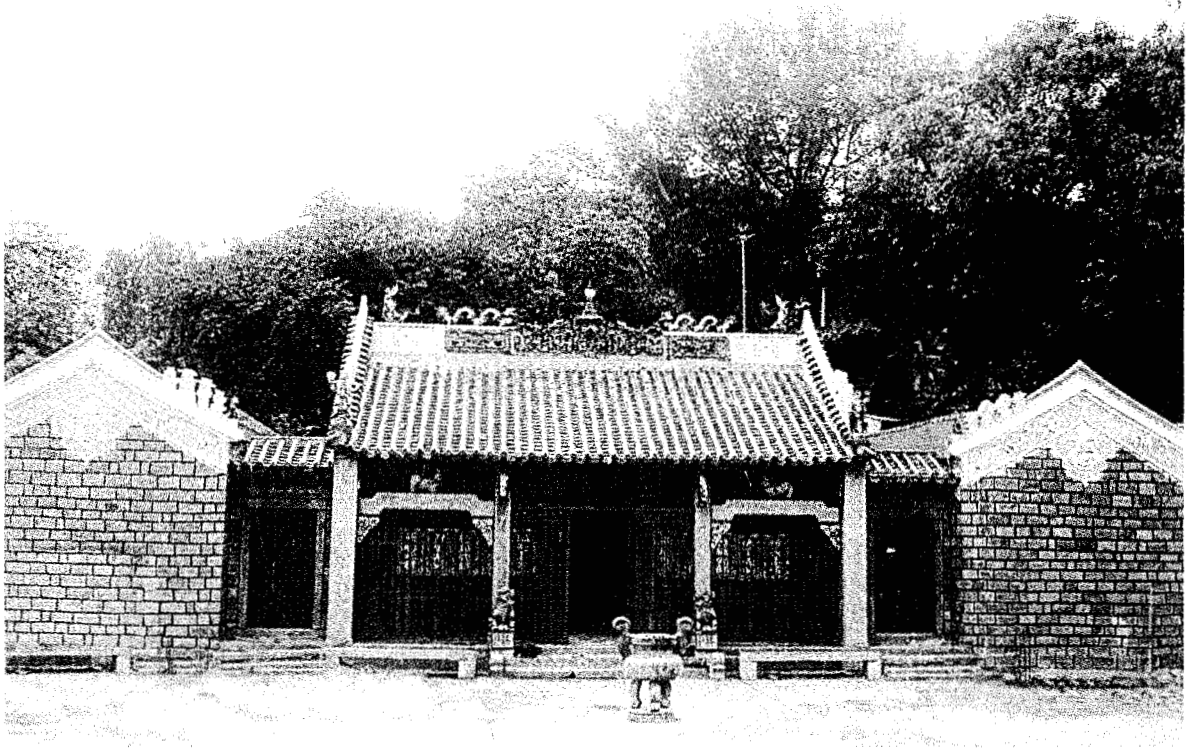
16. Nguyễn Yên Tri (2002), *Làng đá Bửu Long*, Nxb. Tổng hợp Đồng Nai.

17. Lữ Vân (2003), *Tôn giáo ở Trung Quốc- 100 câu hỏi và trả lời*, Nxb. Tôn giáo.

18. “Mazu belief and customs”. Truy cập website:
<http://www.unesco.org/culture>

19.
<http://vn.360plus.yahoo.com/lythienhuonghn/article?mid=689&fid=-1>

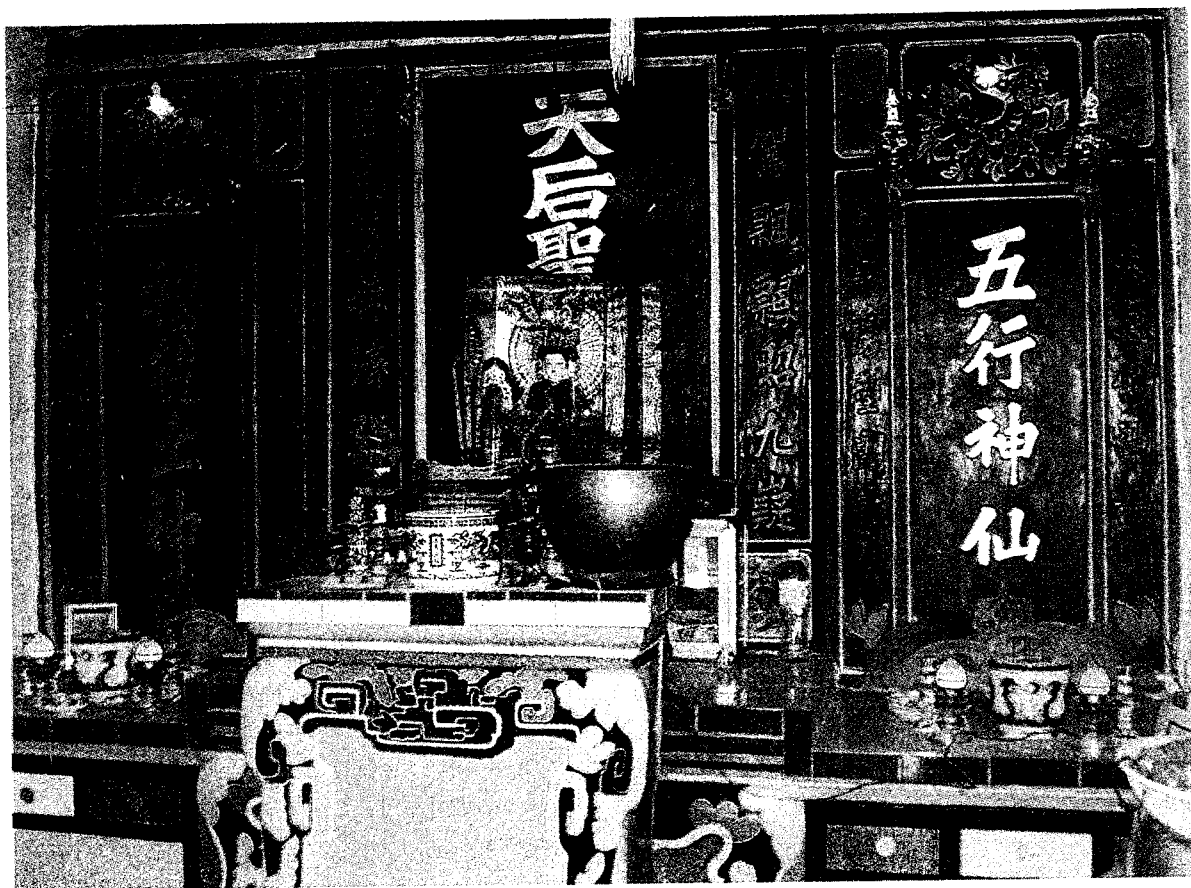
20.
http://vi.wikipedia.org/wiki/Mi%E1%BA%BFu_Nh%E1%BB%8B_Ph%E1%BB%A7



Miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu).



Chánh điện miếu Tổ Sư thờ Tam vị Tổ sư
(Ngũ Đẳng Tiên sư, Lỗ Ban Tiên sư, Uất Trì Tiên sư).



Chánh điện miếu Cây Quăn (Thiên Hậu miếu).



Cây quăn trước Thiên Hậu miếu.



Chánh điện miếu Bà Thánh (Tiên Cơ Nương nương).



Am Bá Công Từ.



Tháp mộ sau miếu Bà Thánh.



Thiên Hậu cung.



Chánh điện Thiên Hậu cung thờ Thiên Hậu Thánh mẫu, Kim Hoa Nương nương và Quan Thánh Đế quân.



Chánh điện miếu Tô Sư.



Tiền điện miếu Tô Sư.



Bàn thờ Thiên Hậu Thánh mẫu
(miếu Tổ Sư).



Bàn thờ Quan Thánh Đế quân
(miếu Tổ Sư).



Gian thờ Tiên bô
(miếu Tổ Sư).



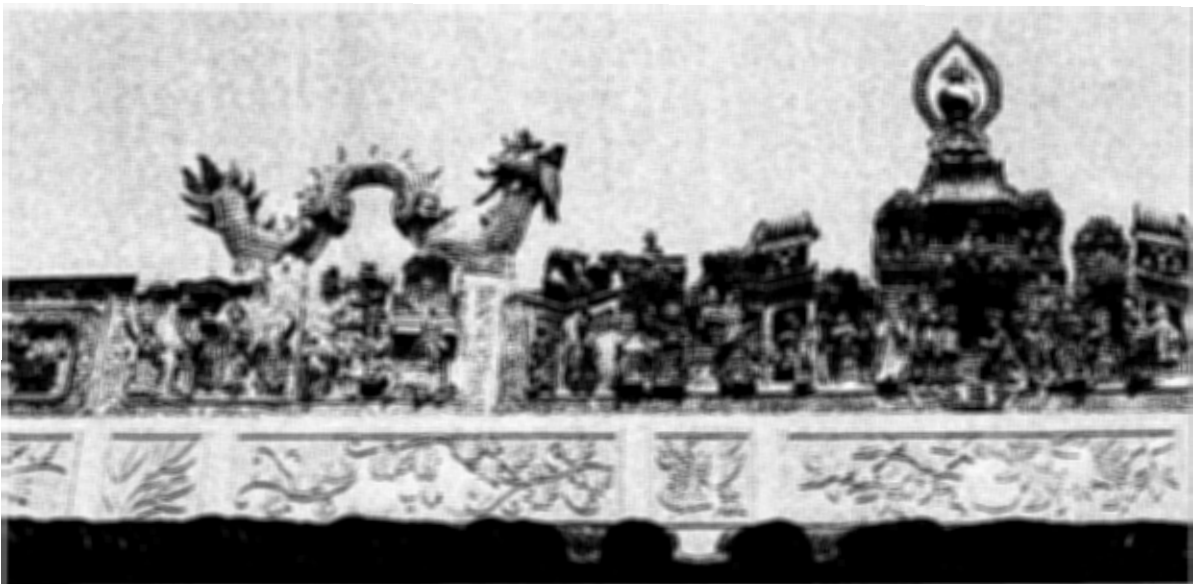
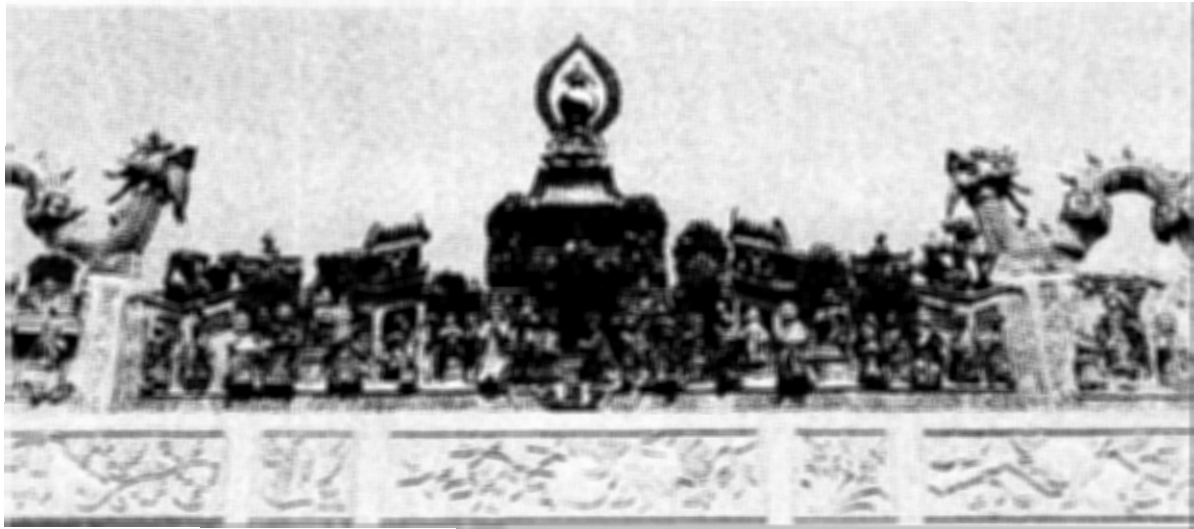
Bàn thờ Phúc Đức, Thần Tài
(miếu Tổ Sư).



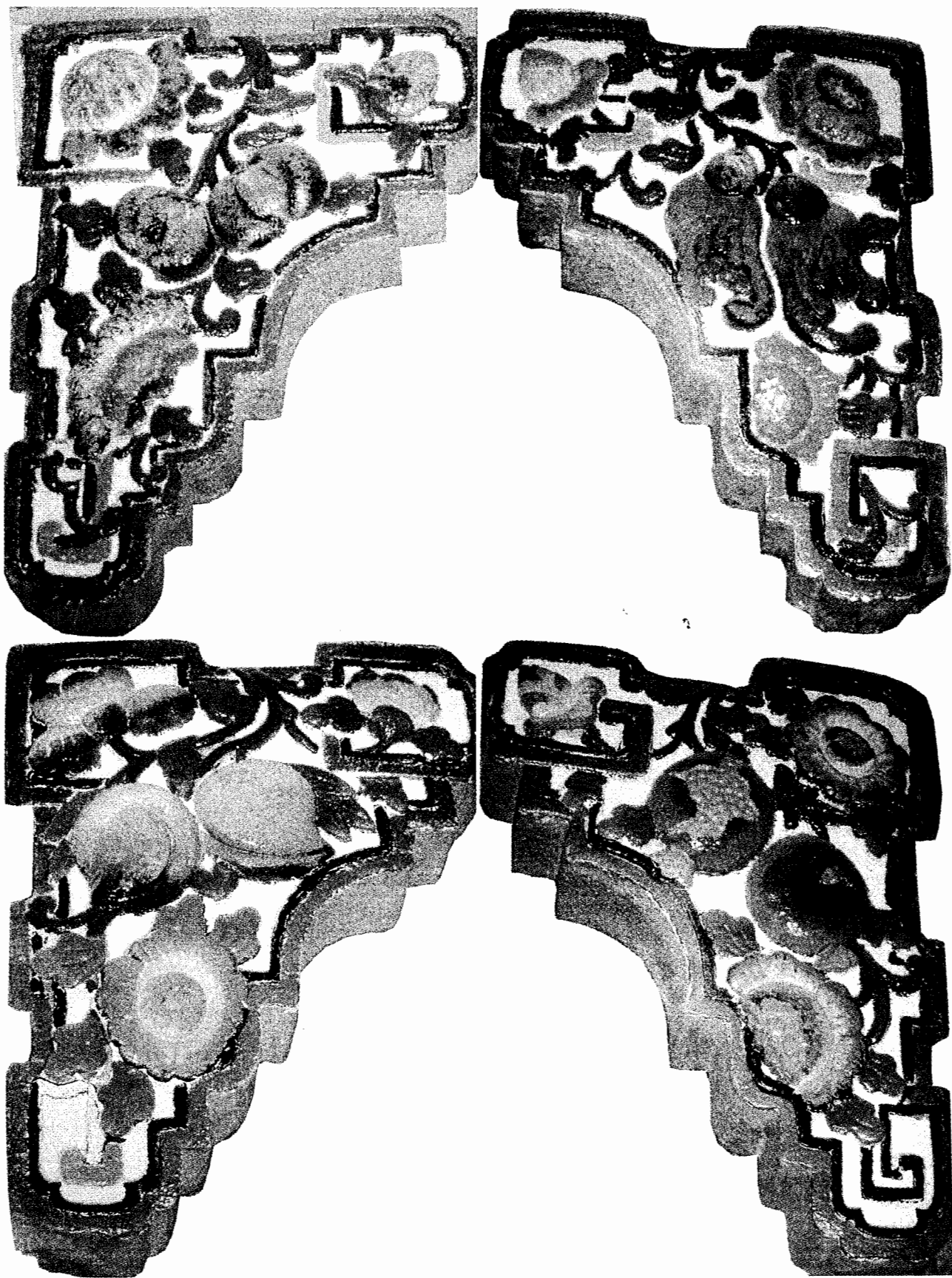
Hoành phi chữ Hán khắc trên đá xanh trong miếu Tổ Sư.



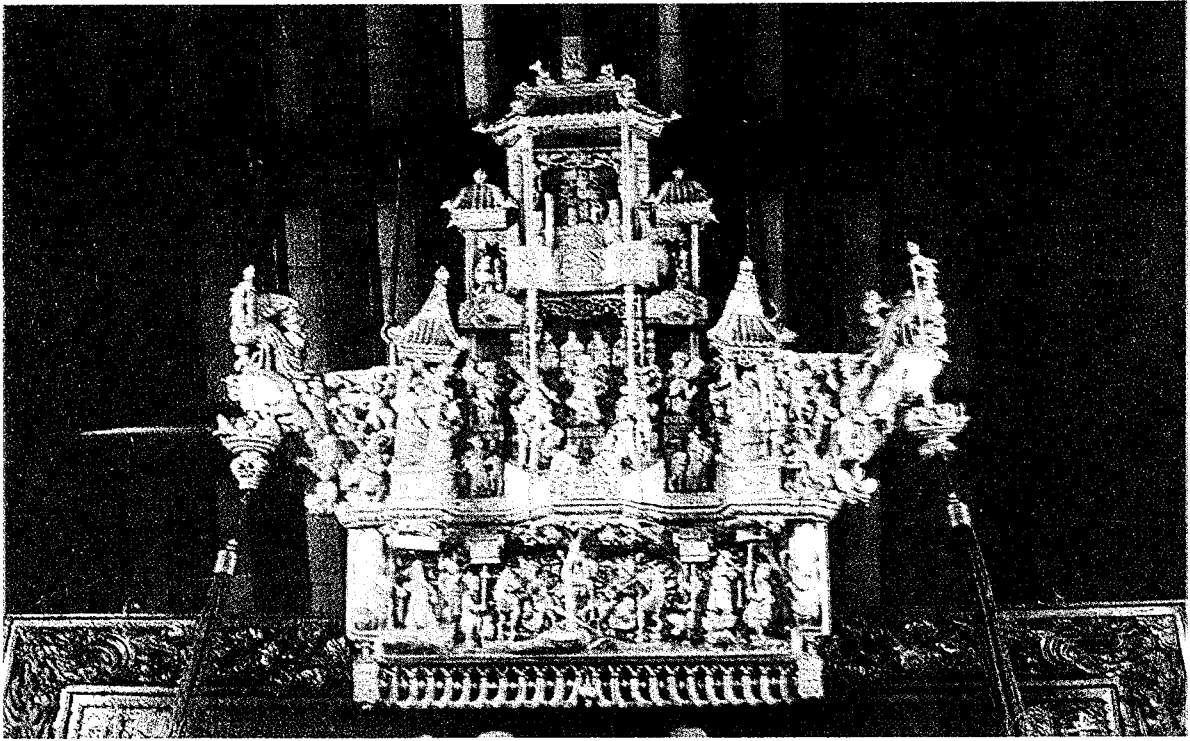
Các đồ thờ cúng trong miếu Tổ Sư bằng đá xanh Bửu Long.



Quần thể tiểu tượng gồm Cây Mai trên nóc Tiền điện miếu Tổ Sư.



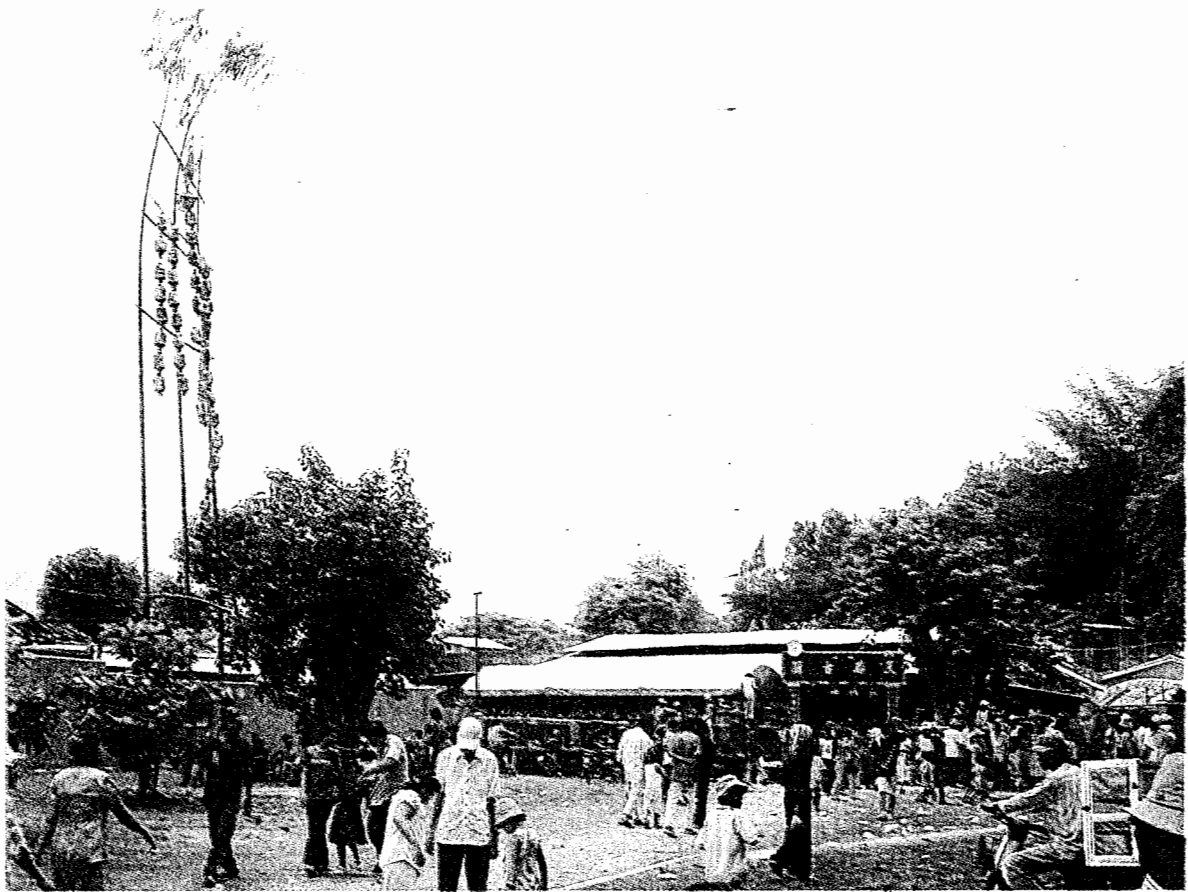
Các phù điêu bằng đá chủ đề thực vật gắn trước Tiền điện
miếu Tổ Sư.



Bức nghi môn (Lâu thuyền) trước cửa Chánh điện miếu Tổ Sư.



Cổng ngoài miếu Tổ Sư (Thiên Hậu cổ miếu).



Quang cảnh sân lễ trong lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.



Múa rồng trong nghi thức chiêu thỉnh chư thần khai lễ Làm Chay.



Rạp chay (đàn chay) trong lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.



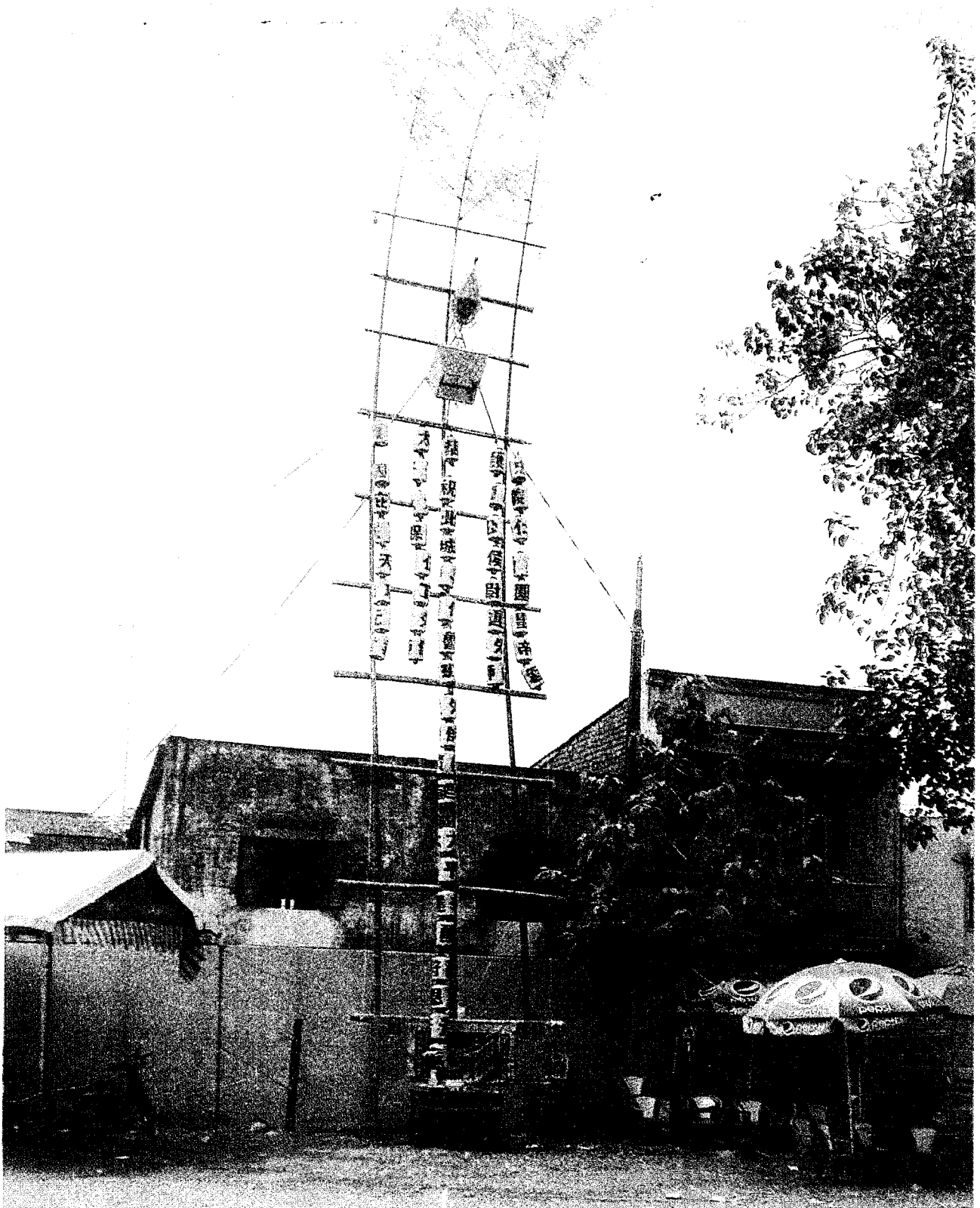
Kiệu thần trong nghi thức chiêu thỉnh chư thần khai lễ Làm Chay.



Điện thờ Tam Thanh (Đạo giáo) trong lễ Làm Chay.



Linh vật tượng trưng cho nghề thủ công treo trước cửa miếu Tổ Sư mỗi dịp lễ hội Làm Chay.



Cây nêu (thọ phước) trong lễ hội Làm Chay miếu Tổ Sư.



Bàn thờ Phán Quan (Dịch quan) trong lễ hội Làm Chay.



Cờ lệnh Ngũ hành pháp sư Đạo giáo sử dụng trong lễ Làm Chay.



Mễ Đẩu trong nghi thức thỉnh Mễ Đẩu cầu phước.



Các đoàn lân trong nghi thức đi phóng thủy đặng.



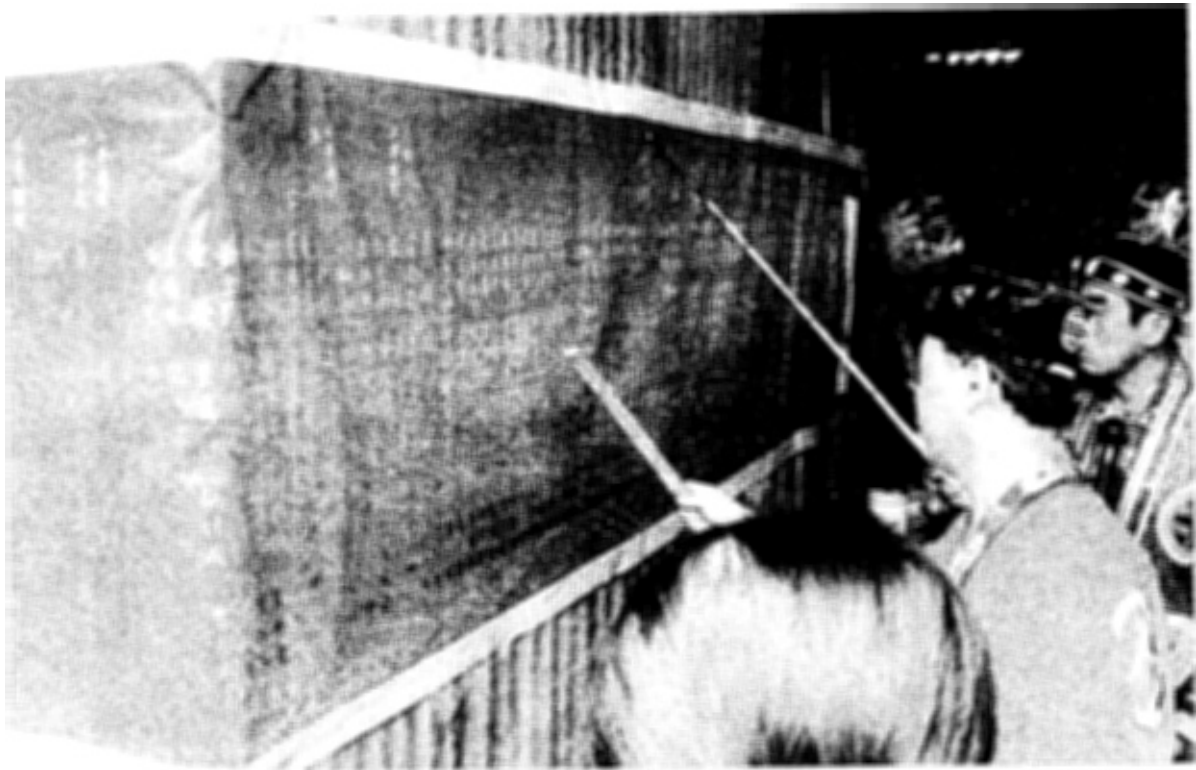
Bài vị Tam vị Tổ sư.



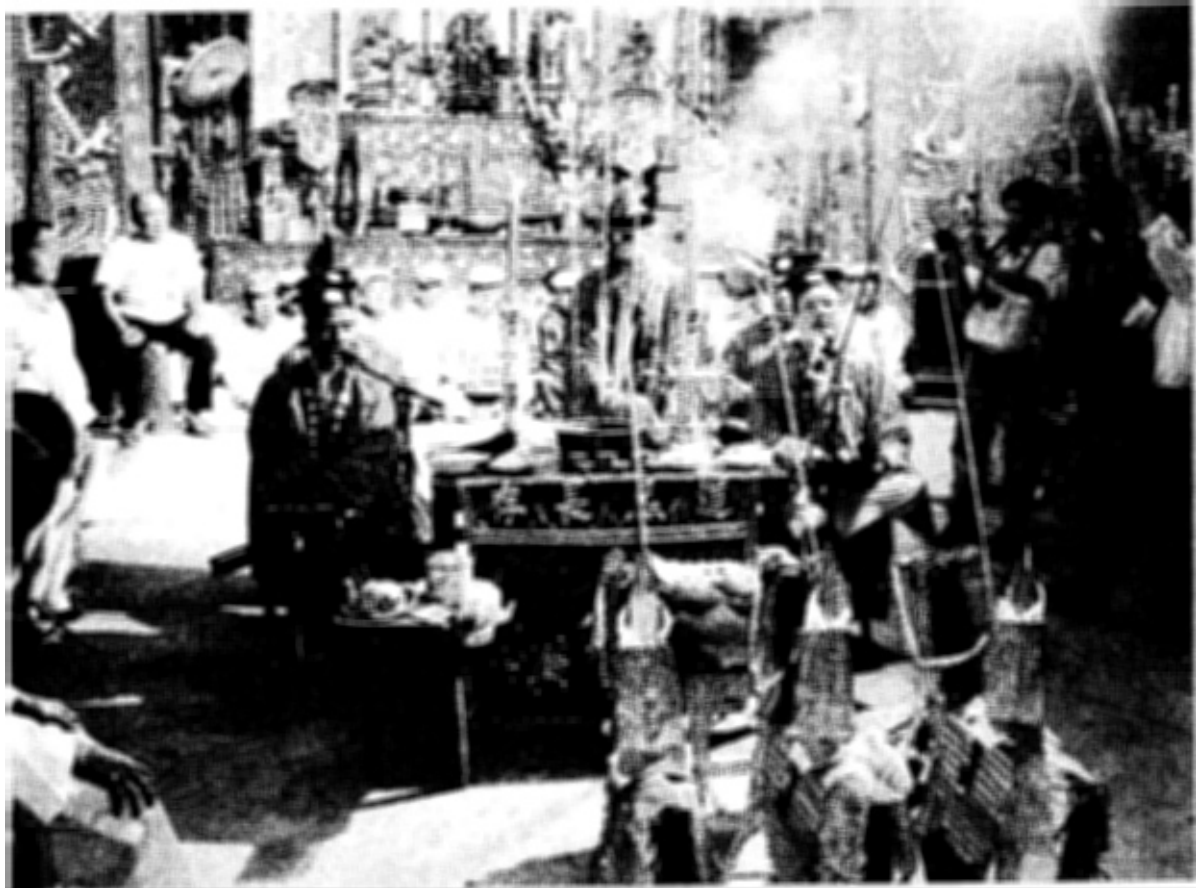
Bàn thờ Trương Thiên sư.



Hỏa mã trong nghi thức Ngọ Môn đáp tướng.



Nghi thức Khai kim phong bảng.



Nghi thức Khai quang điểm nhãn lễ Làm Chay.



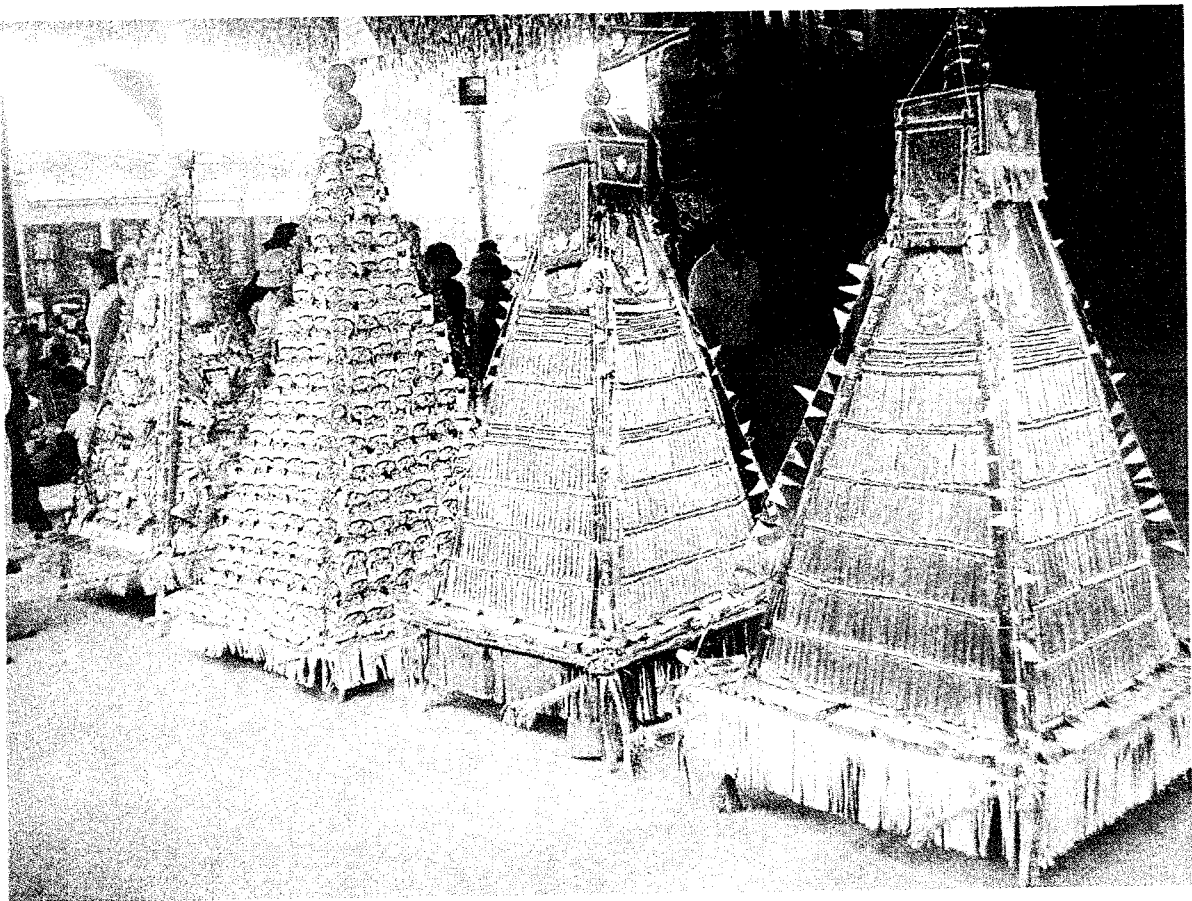
Bàn thờ Ông Tiêu lễ Làm Chay.



Đạo sĩ và Ban Tổ chức trong nghi thức khai kinh cầu an.



Thỉnh rước các cỗ chay về cúng cầu siêu, cúng thí.



Các cỗ chay của bá tánh cúng dường cho cầu siêu xô giàn.



Hàng trăm đèn lồng treo kín sân miếu phục vụ cho việc thỉnh đèn.



Bàn đăng ký thỉnh đèn lồng.



Bàn thỉnh lộc đèn lồng.



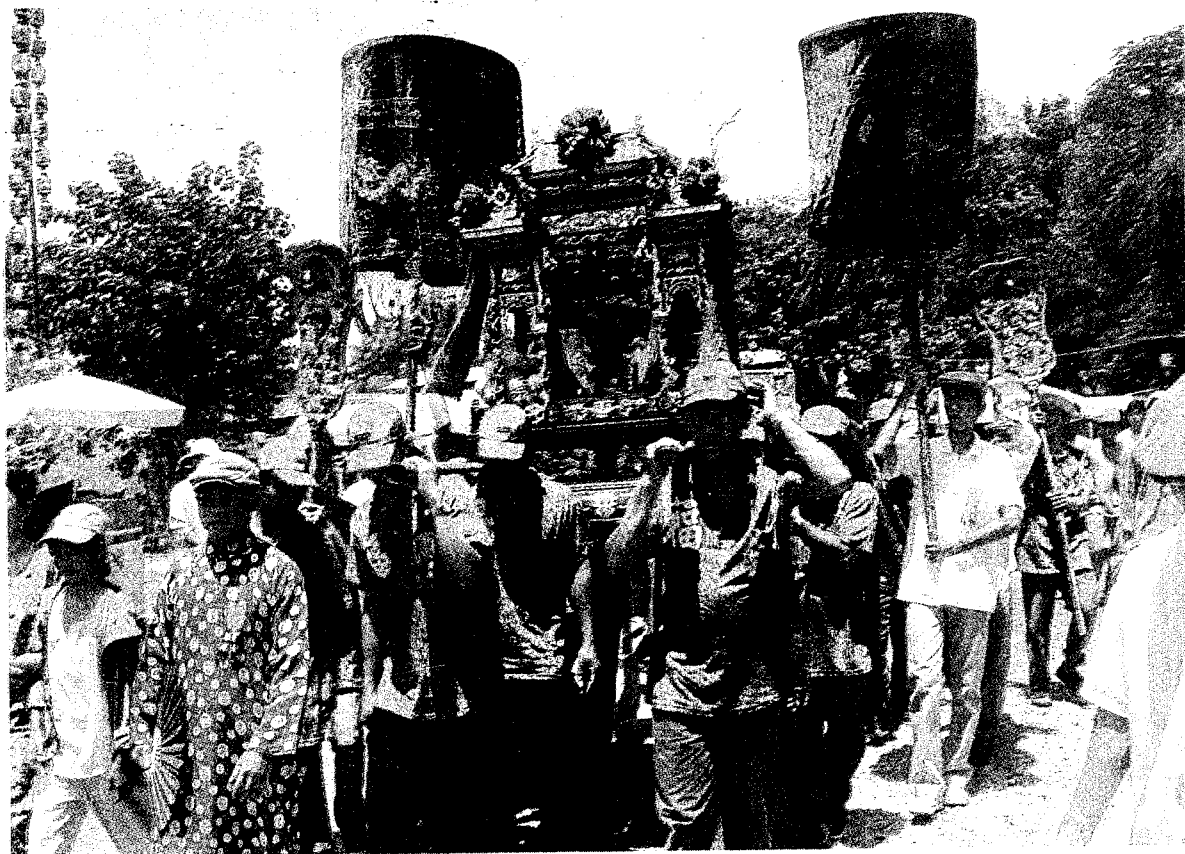
Bá tánh thỉnh đèn lồng.



Các đạo sĩ trong nghi thức khai kinh.



Múa hầu phục vụ trước sân miếu.



Kiệu thần trong nghi thức phóng thủy đặng.



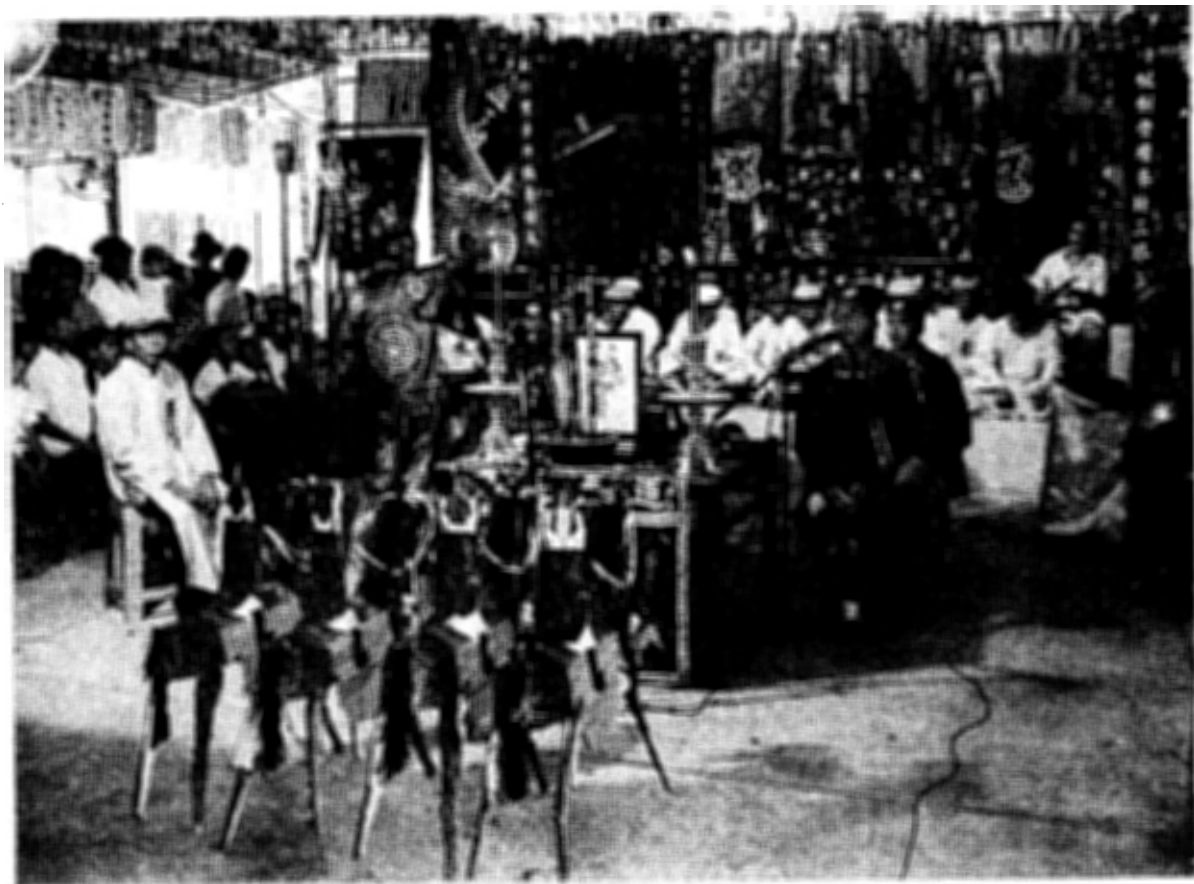
Pháp sư bắt ấn thanh tẩy trong nghi thức phóng thủy đặng.



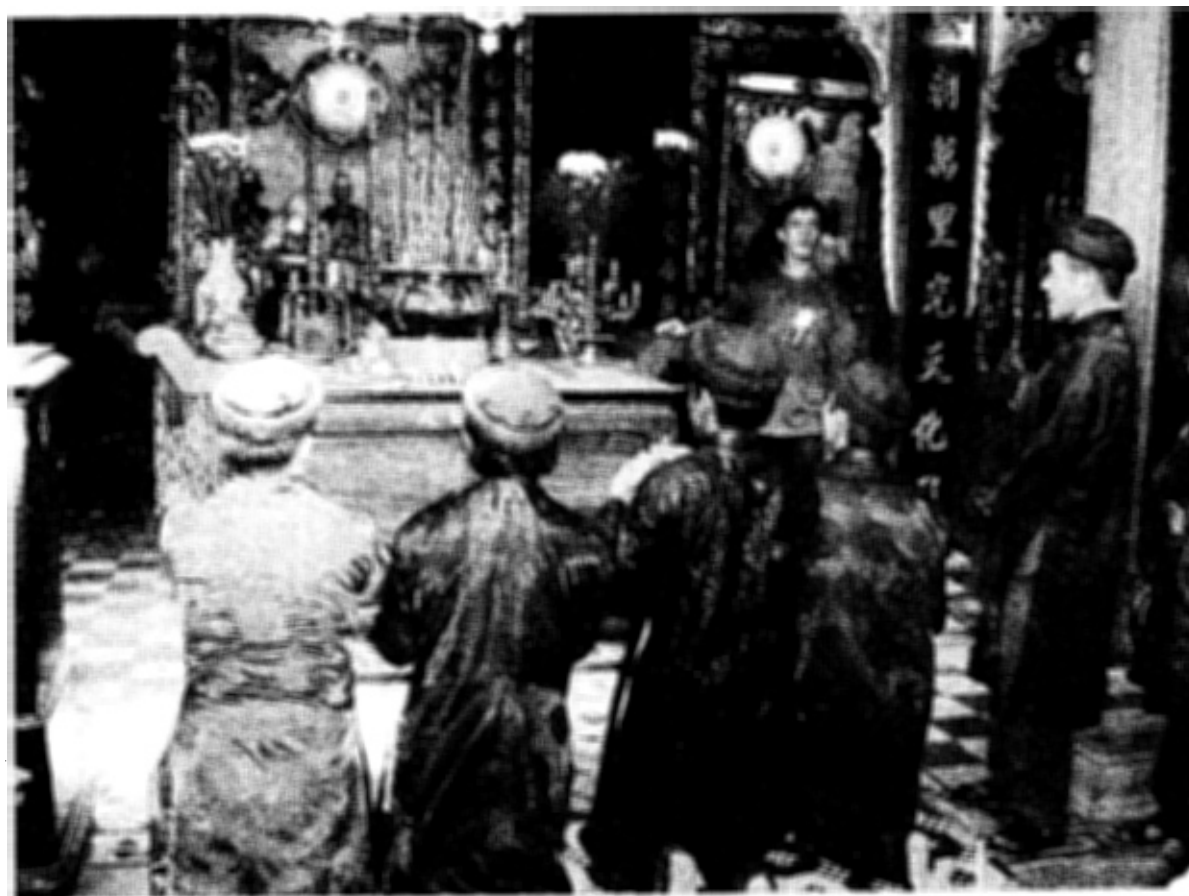
Sân giấy vàng mã trong lễ cúng phóng thủy đang ở bên sông.



Các lư nhang các kỳ lễ hội Làm Chay đều được thờ cột đá ở bên sông.



Nghi lễ Ngọ Môn đáp tướng.



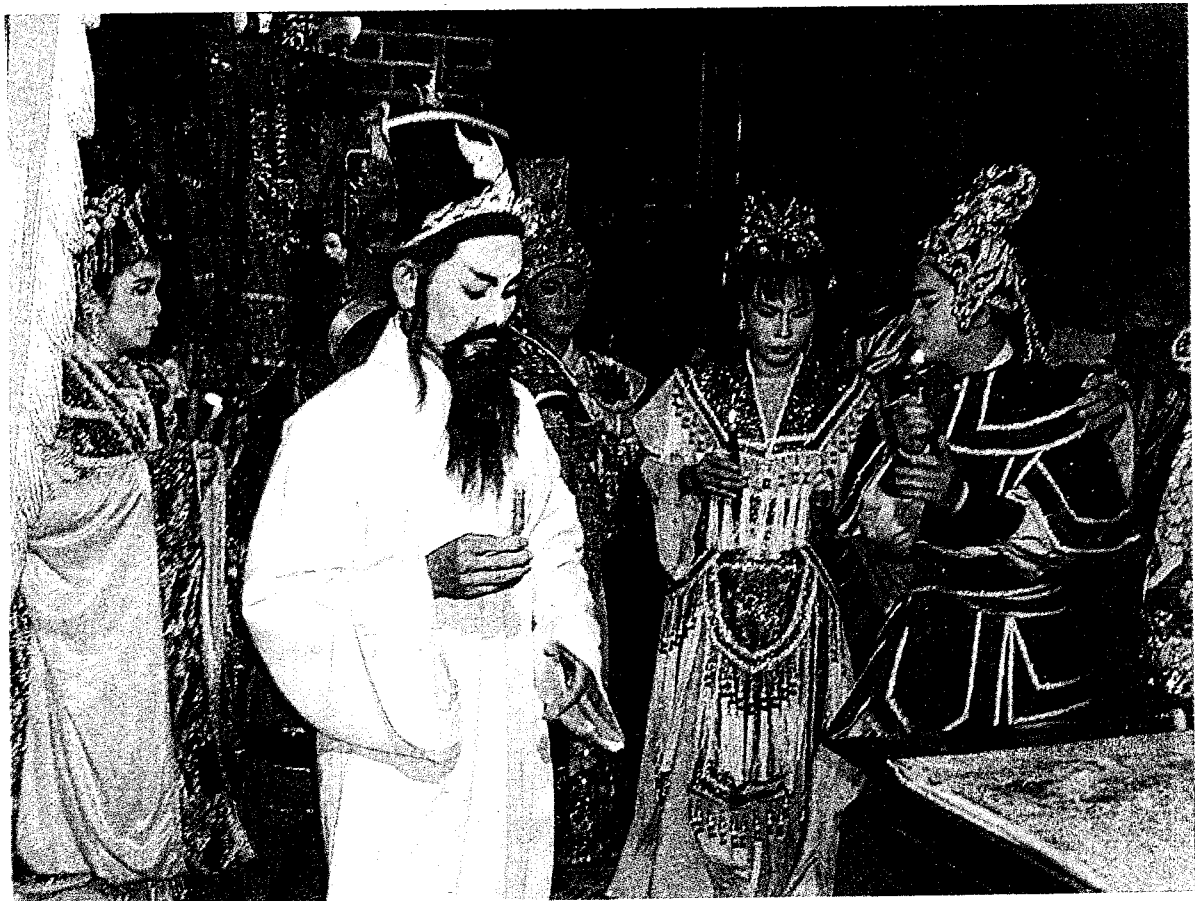
Ban Quý tế đình người Việt đến cúng lễ.



Biểu diễn võ thuật tại lễ hội.



Sân khấu biểu diễn ca kịch, tuồng cổ.



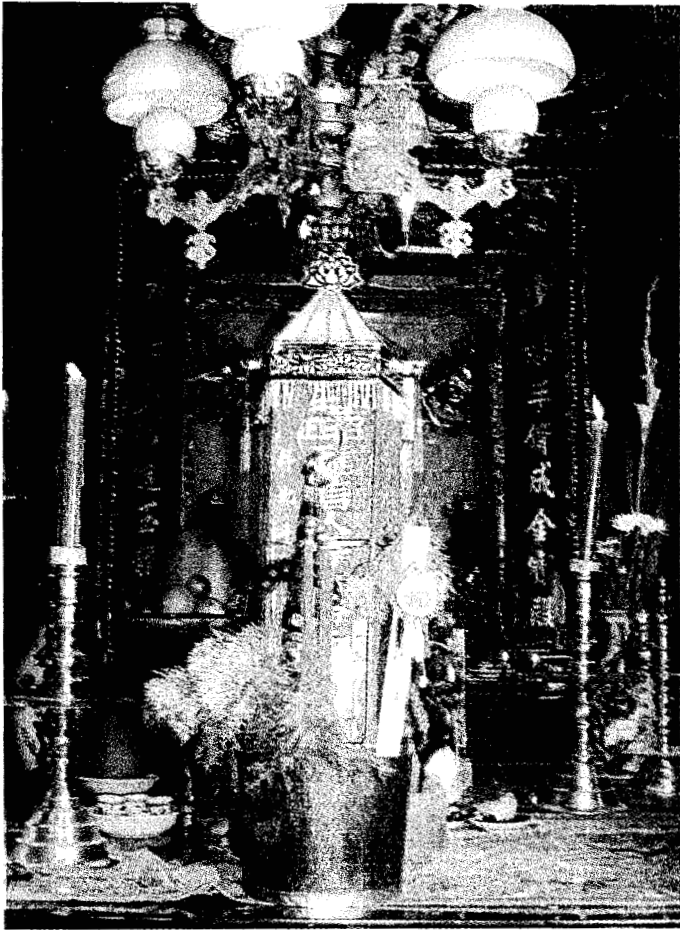
Các nghệ sĩ sân khấu vào dâng hương trước chánh điện.



Lễ Bắc cầu thỉnh Mẹ Đẩu cầu phúc.



Lễ vật cúng chay trong lễ hội.



Mễ Đẩu.



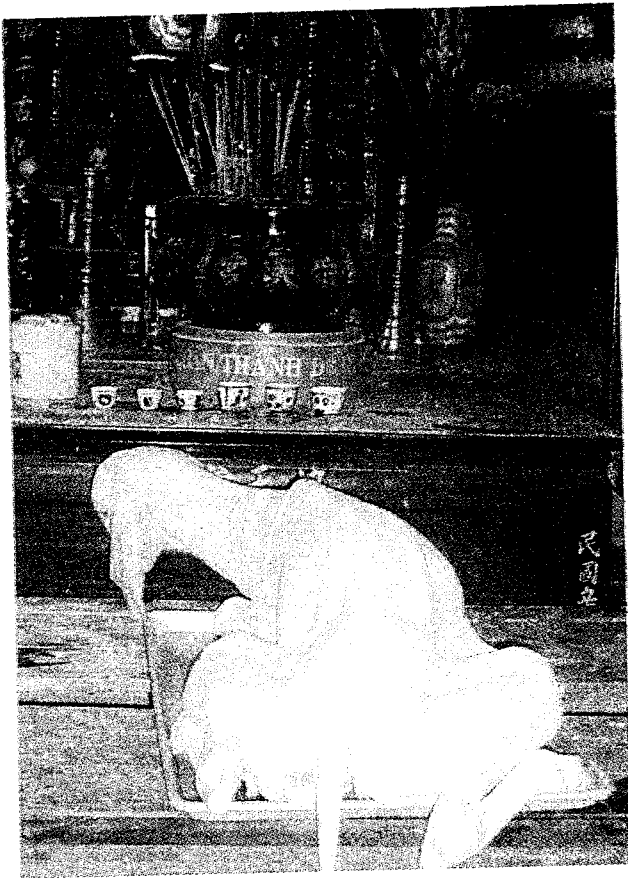
Tranh thờ Lão Tử.



Ba tháp đồ chay gắn bàn tay Phật.



Pháp sư múa bắt ấn đêm
xô giàn.



Lễ vật cúng nhà mận kết lễ Làm Chay.

MỤC LỤC

LỜI TỰA	5
CHƯƠNG I	
KHÁI QUÁT VỀ NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA.....	7
I. QUÁ TRÌNH NHẬP CƯ CỦA NGƯỜI HOA TRÊN ĐẤT BIÊN HÒA...8	
II. ĐỊA BÀN CƯ TRÚ CỦA NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA.....10	
III. NGƯỜI HẸ TRONG CỘNG NGƯỜI HOA Ở BIÊN HÒA.....16	
IV. MỘT SỐ LỄ TẾT CỦA NGƯỜI HẸ Ở BIÊN HÒA.....21	
CHƯƠNG II	
NGHỀ THỦ CÔNG CỦA NGƯỜI HẸ	29
I. NGHỀ ĐIỀU KHẮC ĐÁ XANH.....29	
II. NGHỀ LÀM THUỐC BẮC.....34	
CHƯƠNG III	
MIẾU TỔ SƯ VÀ CÁC MIẾU VỆ TINH CỦA BANG HẸ BIÊN	
HÒA.....	44
I. MIẾU TỔ SƯ (THIÊN HẬU CỔ MIẾU).....45	
II. MIẾU CÂY QUẢN (MIẾU THIÊN HẬU).....65	
III. MIẾU BÀ THÁNH (MIẾU TIÊN CO).....68	
IV. THIÊN HẬU CUNG.....71	
V. THẦN LINH TẠI CÁC MIẾU THỜ.....73	
VI. NGHI LỄ TẠI CÁC MIẾU.....108	

CHƯƠNG IV

TỪ TÍN NGƯỠNG THỜ TỔ SƯ ĐẾN TÍN NGƯỠNG THỜ THIÊN HẬU	115
-------------------------------------------------------------------	------------

<i>I. BÀ THIÊN HẬU LÀ THÁNH NHÂN LINH ỨNG NIỆP ĐỒNG CHỮA DỊCH BỆNH CHO DÂN LÀNG.....</i>	<i>116</i>
------------------------------------------------------------------------------------------	------------

<i>II. BÀ THIÊN HẬU TIÊU BIỂU CHO NỮ THẦN PHỤ HỘ NGƯỜI ĐI BIỂN VÀ VÙNG SÔNG NƯỚC</i>	<i>117</i>
--------------------------------------------------------------------------------------------	------------

<i>III. THỂ HIỆN SỰ DUNG HỢP THẦN LINH NGƯỜI HOA TRONG TÂM THỨC DÂN GIAN NHẪM THU HÚT NHIỀU ĐỐI TƯỢNG TÍN NGƯỠNG.....</i>	<i>121</i>
---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	------------

CHƯƠNG V

LỄ HỘI LÀM CHAY	124
------------------------------	------------

<i>I. TRUYỀN THUYẾT VỀ NGUỒN GỐC LỄ HỘI</i>	<i>124</i>
---------------------------------------------------	------------

<i>II. CHUẨN BỊ LỄ HỘI.....</i>	<i>128</i>
---------------------------------	------------

<i>III. TRANG TRÍ KHÔNG GIAN LỄ HỘI.....</i>	<i>130</i>
----------------------------------------------	------------

<i>IV. DIỄN TRÌNH LỄ HỘI.....</i>	<i>137</i>
-----------------------------------	------------

CHƯƠNG VI

YẾU TỐ VĂN HÓA VÀ BIẾN ĐỔI QUA LỄ HỘI LÀM CHAY..	177
---------------------------------------------------------	------------

<i>I. YẾU TỐ VĂN HÓA QUA LỄ LÀM CHAY.....</i>	<i>177</i>
-----------------------------------------------	------------

<i>II. BẢO TỒN VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG NGƯỜI HOA.....</i>	<i>182</i>
--------------------------------------------------------	------------

<i>III. BIẾN ĐỔI, GIAO LƯU VĂN HÓA TRONG LỄ HỘI LÀM CHAY.....</i>	<i>191</i>
-------------------------------------------------------------------	------------

LỜI KẾT	195
----------------------	------------

PHỤ LỤC	198
----------------------	------------

TÀI LIỆU THAM KHẢO	202
---------------------------------	------------

MIẾU THỜ VÀ LỄ HỘI LÀM CHAY Ở BIÊN HÒA

Nguyễn Thị Nguyệt

Mã ISBN: 978-604-52-1532-6

Chịu trách nhiệm xuất bản

PHÓ GIÁM ĐỐC - BÙI THỊ LÂM NGỌC

Biên tập: Đào Thị Thu Thanh

Biên tập kỹ thuật: Nguyễn Thị Hồng Tươi

Trình bày: Minh Huyền

Sửa bản in: Thu Thanh

Bìa: Minh Huyền

**Nhà xuất bản Đồng Nai,
1953J (Số cũ 210) Nguyễn Ái Quốc, TP Biên Hòa, Đồng Nai**

Ban Biên tập: (0613) 825292

P Kinh doanh: 946521 – P Kế toán: 946520

Fax: (0613) 946530 – Email: nxbdongnai@hcm.vnn.vn

In: 1.000 bản. Khổ: 14,5cm x 20,5cm.

In tại: Công ty Thiên Ngôn - 134/8 Hoàng Hoa Thám, P. 12,
Q. Tân Bình, TP.HCM.

Số ĐKKHXB: 867-2014/CXB/34-20/ĐoN, Cục Xuất bản, In và
Phát hành xác nhận ngày: 06/05/2014, Quyết định xuất bản số:
24A/QĐ-ĐoN, do NXB Đồng Nai cấp ngày: 19/12/2014.

In xong và nộp lưu chiểu: quý 1/2015.
